

# **Chiến tranh Việt Nam**

trên báo chí Đức

1985

*Phan Ba dịch*



Những ngày cuối cùng của Sài Gòn .....5

Bài học của ngọn đồi Thịt Băm .....20

Mười năm sau chiến tranh: Cả người chết cũng bị lừa .....39

Tôi đã từng yêu người cộng sản .....51

Mở xẻ một chiến thắng .....66





## Những ngày cuối cùng của Sài Gòn

Trước đây mười năm, người Mỹ tháo chạy khỏi Sài Gòn. Những cố gắng cuối cùng để giải quyết sự lộn xộn về chính trị, trình ra cho Hà Nội một chính phủ mới, "thật sự yêu chuộng hòa bình", như là một đối tác đàm phán, đã trở thành ảo tưởng. Trong cơn mưa bom đạn đổ xuống thủ đô của nó, Việt Nam Cộng Hòa đã chấm dứt tồn tại. Với những phần còn lại của xã hội thì không còn có thể kiến lập một nhà nước được nữa. Thông tin viên Đông Á của [Đài truyền hình Quốc gia] ARD nhớ lại.

Winfried Scharlau

Phan Ba dịch từ tuần báo DIE ZEIT, 26/04/1985, Số 18

*Tiến sĩ Winfried Scharlau (1934 – 2004) là một nhà báo, tác giả và sử gia người Đức. Ông là phóng viên chiến trường trong thời gian của cuộc Chiến tranh Việt Nam. Ông đã từng bị thương ở gần vĩ tuyến 17. Năm 1974, chiếc máy bay trực thăng chở ông đã đáp trúng mìn. Winfried Scharlau là một trong các nhà báo Phương Tây cuối cùng rời Việt Nam trong tháng Tư năm 1975.*

Sài Gòn sợ chiến tranh hơn là sợ những người cộng sản. Mặt trận đã tiến đến gần; vào ngày 21 tháng Tư, Xuân Lộc thất thủ, pháo đài cuối cùng chặn đường tiến quân vào thủ đô của các sư đoàn Bắc Việt từ phía Đông.



*Xuân Lộc, 13 tháng Tư 1975. Hình: Bettmann/Corbis*

Tiếng "womp-womp-womp" của pháo binh, như Michael Herr sau này sẽ chuyển tải lại tiếng động đặc biệt đó một cách thơ mộng-to tiếng trong quyển *Dispatches*, đã có thể nghe được suốt ngày đêm. Nhưng tiếng "dit-dit-dit" của súng cá nhân, ngoại trừ vài ngày trong lần tấn công vào dịp Tết [Mậu Thân] 1968, đã dung tha cho người dân của Sài Gòn. Cho tới bây giờ, người Sài Gòn đã sống qua được chiến tranh; còn hưởng lợi từ nó nữa, và hưởng thụ những gia vị của một "xã hội Honda", cái mà bây giờ có nguy cơ bị cuộc chiến phá hủy.

Về quân sự thì cuộc chiến đã ngã ngũ. Sau khi chiến dịch tấn công mùa xuân bắt đầu trên vùng núi, sau khi mất Ban Mê Thuột và Kontum, Tổng thống Thiệu và bộ tham mưu của ông đã hạ lệnh rút lui, điều đã dẫn tới bỏ chạy và hỗn loạn.

Chỉ còn những phần nhỏ của một quân đội được trang bị hiện đại gồm hơn nửa triệu người là còn muốn đứng ra chiến đấu. Lần di tản hỗn loạn ra khỏi vùng đồi núi chỉ thể hiện rõ cuộc khủng hoảng trong nội bộ của quân đội Sài Gòn. Tinh thần chiến đấu của quân lính đã gãy gục trong những tháng trước đó. Từ khi Mỹ cắt giảm viện trợ tài chính, từ khi ai trong miền Nam cũng đã hiểu, rằng Hoa Kỳ không cung cấp vũ khí và tiền tỉ dollar vô giới hạn nữa, và cũng không sẵn sàng hỗ trợ thêm một lần nữa với không quân và quân đội trong trường hợp khẩn cấp, chậm nhất là từ mùa thu 1974 thì con người, quân nhân và người dân thường, ai cũng chỉ muốn cứu lấy chính mình, và trước hết là việc đó. Người Việt nhìn thấy điều không thể tránh khỏi đang tiến đến gần. Khác với người Khmer trong Phnom Penh cách đó còn chưa tới 300 kilômét, những người ngay cả sau khi đại sứ quán Mỹ đã di tản cũng còn chiến đấu trên đường phố cho tới kết cuộc cay đắng cuối cùng, đa số người Việt nhìn thấy sự an toàn trong bỏ chạy. Ai còn muốn liều mạng sống của mình cho một việc đã thất bại rồi? Sự hỗn loạn đi cùng với làn sụp đổ của Nam Việt Nam có nguyên nhân sâu xa của nó trong nhận thức và lý trí của tập thể.

Vào ngày Xuân Lộc thất thủ, Nguyễn Văn Thiệu, tổng thống của Việt Nam Cộng Hòa, bảo đảm và đại diện cho trật tự cho tới giờ phút đó, tuyên bố từ chức. Vào buổi tối, ông đã thổ lộ niềm cay đắng của mình về nước Mỹ trong một bài diễn văn trên truyền hình. Thiệu lên án bộ trưởng bộ ngoại giao Mỹ Henry Kissinger đã không nhận ra, rằng hiệp định Việt Nam do ông ta thương lượng trong tháng Giêng 1973 đã dẫn miền Nam đi tới chỗ chết. "Ai cũng nhận ra điều đó, nhưng Kissinger thì không. Các cường quốc có lợi ích chung. Chúng tôi không có gì để hy sinh ngoài đất nước nhỏ bé này." "Họ bán đứng Việt Nam cho người cộng sản", Thiệu nói người Mỹ. "Thái độ vô nhân đạo của Hoa Kỳ là thái độ của một cường quốc trốn tránh trách nhiệm của mình." Tổng thống Richard Nixon, Thiệu nói tiếp theo sau đó, đã "hứa trên giấy là sẽ giành cho đất nước mọi sự giúp đỡ cần thiết về quân sự và kinh tế trong trường hợp miền Bắc tấn công." Giới hạn sự giúp đỡ của Mỹ là một hành động vô nhân đạo và đã dẫn tới cuộc rút lui khủng khiếp đó và tới nhiều tổn thất. "Tôi không bao giờ tin rằng", Thiệu nói và khóc, "một người như Kissinger mà lại đưa dân tộc chúng tôi tới một số phận đáng sợ như vậy."

Sài Gòn cảm động lắng nghe người tổng thống đã từ chức đó. Những xúc cảm mà ông biểu lộ trong lần xuất hiện cuối cùng này, điều mà nhiều người không hề nghĩ rằng ông có, đã để cho một sự thiện cảm nhất định nhú mầm. Nhưng đặc biệt là quyết định đi lưu vong của ông đã tạo hy vọng cho một lần ngưng bắn mới. Hà Nội và Mặt trận Giải phóng đã yêu cầu lật đổ Thiệu và "bè lũ" của ông như là điều kiện tiên quyết cho các đàm phán. Ngay tới Quốc Hội



*Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu từ chức, 21 tháng Tư 1975.*

Mỹ cũng tuyên bố rằng chừng nào mà Thiệu còn nắm quyền thì chiến tranh sẽ kéo dài cho tới chừng đó. Bây giờ thì dường như đã có một lối thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng. Phó tổng thống Trần Văn Hương 71 tuổi tạm thời nhận lấy quyền lãnh đạo ở Sài Gòn. Người kế nhiệm, Thiệu cũng đã thông báo trước để lý giải cho lần từ chức của mình, sẽ đề nghị ngưng bắn và đàm phán.

Dường như Sài Gòn lại có hy vọng mới. Những người làm việc cho người Mỹ hay cho một sứ quán của Phương Tây bao vây từ sáng cho tới tối những phòng lãnh sự để nhận thị thực cho họ và gia đình. Chạy trốn là giải pháp của một thiểu số, ngay cả khi những cảnh từ biệt đầy xúc động trước công vào phi trường có quyết định hình ảnh chung cho tới đâu đi chăng nữa. Người Mỹ vẫn còn chưa tỏ dấu hiệu, rằng họ đã sẵn sàng cho một cuộc di tản đông người. Phần lớn người dân trong phần còn lại của nhà nước Nam Việt Nam,

cái bây giờ chỉ còn bao gồm những vùng đất hẹp quanh Sài Gòn và các tỉnh trong vùng đồng bằng sông Cửu Long, hy vọng vào một điều kỳ diệu: hy vọng vào một tín hiệu đầy bí mật, cái có thể sẽ làm câm lặng pháo binh cộng sản đã vào vị trí có thể bắn tới Sài Gòn từ lâu, và dừng xe tăng lại, để trao tiếng nói cuối cùng cho các chính trị gia và nhà ngoại giao.

Rừng Phnom Penh đã bị Khmer Đỏ chiếm trước đây vài ngày, rằng chiến tranh đã tới gần cho tới mức có thể cảm nhận được, những việc đó đã không thể bóp nghẹt niềm hy vọng đang nhú mầm. Nỗi lo sợ trước trận đánh cuối cùng đã để cho ảo tưởng nở hoa. Kết cuộc của Sài Gòn là một chiến thắng của ảo tưởng.

Đội ngũ các nhà báo, những người bây giờ có thể thực hiện các chuyến đi ra chiến trường thật thuận tiện vào ban ngày, vì chiến tranh đã tiến gần tới mức có thể nghe được, được người Mỹ mời tới dự một cuộc họp trên quán rượu ở sân thượng của khách sạn cao tầng "Caravelle". Thay cho các thông tin về chính trị và diễn tiến cuộc chiến là những chỉ thị "mật" cho trường hợp khẩn cấp, cho lần di tản bằng trực thăng. Có một chỗ tập trung được quy định trước cho các nhà báo, ở gần văn phòng UPI, gần cảng sông, có thể nhanh chóng tới đó được từ các khách sạn lớn "Caravelle", "Continental" và "Majestic". Tín hiệu, các nhà báo được tin tưởng thông báo, sẽ được phát qua radio vào ngày X. Trong trường hợp khẩn cấp, đài phát thanh của quân đội Mỹ, phát tin tức "every hour on the hour", sẽ thêm vào câu: "The temperature is 105

degrees and rising", tiếp theo sau đó là bài "I am dreaming of a white Christmas" của Bing Crosby. Người ta sẽ chờ quý bà, quý ông nhà báo tại địa điểm tập trung với nhiều nhất là một món hành lý.

Trong khi giới nhà báo tranh luận về các lựa chọn, ở lại Sài Gòn và trải qua lần quân đội Việt Cộng tiến quân vào, hay để cho chở đi bằng máy bay và chấm dứt nhiệm vụ của họ ở Việt Nam với câu chuyện di tản, thì các nhà ngoại giao của đại sứ quán Mỹ hy vọng có thể tránh được cuộc di tản như là một kết cuộc nhục nhã, giống như bỏ chạy. Thông tin từ hai nguồn đến với Graham Martin sếp của đại sứ quán Mỹ, gợi lên ý nghĩ phía cộng sản sẵn sàng đàm phán: từ nhóm Hungary của ICCS, Ủy ban Kiểm soát Quốc tế, và từ đại sứ quán Pháp.



*Sài Gòn, 21 tháng Tư 1975. Lần bắn hỏa tiễn đầu tiên là vào lúc 4 giờ 30 sáng, đánh vào trung tâm Sài Gòn và đốt cháy 150 căn nhà bằng gỗ. 14 người chết và hơn 40 người bị thương. Hình của Jacques Pavlovsky / Sygma / Corbis.*

Chính sếp CIA ở Sài Gòn đã tự mình bắt liên lạc với các sĩ quan Hungary. Thomas Polgar xuất thân từ một gia đình Hungary đã di cư sang Mỹ. Từ người đồng hương sang người đồng hương, người ta tin cậy thông báo rằng Hà Nội quan tâm tới một "giải pháp Lào", để tránh một trận chiến trên đường phố ở Sài Gòn. "Giải pháp Lào", đó là một chính phủ trung lập, bao gồm các nhân vật của "lực lượng thứ ba", phe đối lập yếu ớt và bị coi thường cả một thời gian dài ở Sài Gòn, và tất nhiên là với sự hỗ trợ về ngoại giao của Liên bang Xô viết, Pháp và Liên hiệp Anh.

8

Nguồn thứ hai, dường như xác nhận các thông tin của người sếp CIA, bắt nguồn từ đại sứ quán Pháp – mà trong đó Jean-Marie Merillon, trong tinh thần của de Gaulle, đã tự mình tin rằng "Grande Nation" thêm lần nữa sẽ nhận được một vai trò lịch sử trong khoảnh khắc chiến bại của Mỹ. Merillon thông báo cho đại sứ quán Mỹ và một nhóm nhỏ các nhà báo, mà tiêu



chuẩn của họ là có khả năng sử dụng tiếng Pháp một cách thanh lịch, rằng người cộng sản thông qua tiếp xúc với người Pháp đã đưa ra "giải pháp Lào": tước quyền "bè lũ Thiệu", thành lập một chính quyền trung lập, muốn hòa bình, dưới quyền "Big Minh" và ngưng chiến trước cửa ngõ Sài Gòn, để tạo cơ hội cho một hội nghị bốn bên bàn thảo một trật tự chính trị mới ở Nam Việt Nam.

Vòng vây bao quanh Sài Gòn càng siết chặt lại bao nhiêu thì các cố gắng đàm phán ngừng bắn của các chính trị gia và nhà ngoại giao càng tuyệt vọng bấy nhiêu. Vào ngày 26 tháng Tư, buổi chiều lúc ba giờ, Thiệu rời Sài Gòn tới Đài Loan. Kể từ lúc từ chức, ông cần năm ngày để xếp đồ đạc vào va li. Người dân Sài Gòn có một tưởng tượng thật chính xác về những gì đã được đóng vào trong đó.

Đài phát thanh của Mặt trận Giải Phóng từ chối lời đề nghị ngừng bắn của phó tổng thống Trần Văn Hương. Hương đại diện cho một "chế độ Thiệu không có Thiệu". Một chính phủ trung lập phải được thành lập và dẫn đầu bởi "một nhân vật thật sự yêu chuộng hòa bình". Và quân nhân Mỹ, hơn 5000 người, phần lớn là sĩ quan trong bộ tham mưu của DAO, Defense Attache's Office hay cũng được gọi là "Lầu Năm Góc phương Đông", phải rời đất nước này, như là điều kiện tiên quyết.



*Quốc Hội Việt Nam biểu quyết yêu cầu Tổng thống Trần Văn Hương nhượng quyền lại cho tướng Dương Văn Minh. Hình: AP Photo/Errington.*

Vào ngày 26 tháng Tư, một ngày thứ bảy, vào cái ngày mà Thiệu rời bỏ đất nước, Quốc Hội đã họp trong một ngôi nhà tối tăm hôi mốc ở khu cảng, để nhất trí ủy quyền cho phó tổng thống Hương tự chọn một người kế nhiệm theo ý muốn của ông, không cần quan tâm tới các quy định của hiến pháp Nam Việt Nam. Trần Văn Lắm, chủ tịch thượng viện, theo hiến pháp

lẽ ra là người kẻ đến. Nhưng là "người của Thiệu" thì ông không có cơ hội được phía cộng sản chấp nhận là "một người thật sự yêu chuộng hòa bình".

Dương Văn Minh, được gọi là "Big Minh" vì có thân hình to lớn, cần phải là người tổng thống mới. "Big Minh" đã đóng một vai trò chủ chốt trong lần lật đổ Ngô Đình Diệm năm 1963 và qua nhiều năm trời đã đứng vào phía đối lập với Thiệu. Không ai biết rõ là phe đối lập này thật ra là bao gồm những ai. Nhưng hầu như tất cả mọi người đều tin chắc rằng "Big Minh" có thể cứu thoát Sài Gòn trong thời điểm nguy cấp.

Đại sứ Pháp và Mỹ tin là đã giật dây để cho "Big Minh" bước ra hoạt động. Vào tối ngày chủ nhật, Graham Martin thuyết phục thành công người tổng thống được bổ nhiệm không cương quyết yêu cầu giới quân đội Mỹ rút quân ngay lập tức. Khoảng cùng thời gian đó, Jean-Marie Merillon vào gặp đại diện phe cộng sản, sau hiệp định ngừng bắn 1973 đang ở trong khu vực an ninh của phi trường Tân Sơn Nhất của Sài Gòn, để tự mình thăm dò cơ hội của một "chính phủ hòa bình Big Minh" qua sếp của phái đoàn, đại tá Võ Đông Giang, một con người khó tính, giống như một cái máy nói không có xúc cảm.

Merillon được thông báo cần phải gấp rút; người Mỹ phải rút lui ngay lập tức; phải tước quyền "bè lũ Thiệu" và thay thế ở hàng đầu bởi những người ái quốc yêu hòa bình. Tuy vậy, viên đại tá bất thân thiện đó không trả lời cho câu hỏi mang tính quyết định: liệu một chính phủ do Big Minh đứng đầu có được chấp nhận như là đối tác để đàm phán một giải pháp chính trị hay không.



10

*Quân lính Nam Việt Nam và nhóm phóng viên truyền hình Phương Tây tìm chỗ trú ẩn trước đạn pháo của người Bắc Việt ở cầu Tân Cảng, Sài Gòn, 28 tháng Tư 1975. Hình: AP Photo/Hoanh*

Mặc dù không có được sự chắc chắn cuối cùng này, Martin, Merillon và những người đi theo "Big Minh" vẫn bắt đầu làm việc để cứu thoát Sài Gòn ra khỏi một cuộc chiến và cứu thoát Phương Tây khỏi nỗi nhục nhã của một lần đầu hàng vô điều kiện. Sự lạc quan của họ được nhiều người chia sẻ, chính là những nhà quan sát chính trị đó, những người chịu ảnh hưởng trực tiếp của các nhân vật chính, tự biến mình trở thành những người đồng lõa, và tin tưởng vào những cảm nhận cá nhân ít hơn là vào các phân tích của những người giật dây.

Lần trao quyền lực từ Hương sang "Big Minh" được dự định vào chiều ngày thứ hai, 28 tháng tư. Hàng ngày, "Airlifter", máy bay vận tải phản lực của Không quân Mỹ, đến Sài Gòn để chở "những người bị nguy hiểm đặc biệt". Khoảng 5000 người Việt rời đất nước mỗi ngày. Cảnh chen lấn và xô đẩy của những người tìm chốn tỵ nạn trước tòa đại sứ quán Mỹ hầu như không còn thể điều chỉnh được nữa. Những người muốn chạy trốn cảm thấy một sự khẩn cấp gây tuyệt vọng. Xe tăng cộng sản đã đứng trước cửa ngõ Sài Gòn, và mặc dù vậy, các cơ quan lãnh sự Mỹ vẫn khăng khăng yêu cầu giữ đúng quy trình nhập cảnh phức tạp. Tuy vào lúc này phần lớn các quốc gia Phương Tây đã di tản các đại sứ quán của họ và quảng các dự trữ rệu rã ra thị trường với giá vớt vớt, người Mỹ, được dẫn đầu bởi Graham Martin và Thomas Polgar, vẫn còn tin có thể trì hoãn được chiến dịch di tản đường không quy mô lớn đã được lập kế hoạch, vì một giải pháp chính trị bắt đầu hiện hình, cứu Sài Gòn thoát khỏi sự hoảng loạn và khốn cùng của một cuộc chạy trốn.

Vào sáng chủ nhật, hai giờ trước khi mặt trời mọc, quân đội cộng sản bắn vài hỏa tiễn vào nội thành, rơi xuống gần đại sứ quán Đức ở vùng ranh giới giữa Sài Gòn và Chợ Lớn, khu phố người Hoa, và gây ra một vụ cháy lớn kinh hoàng. Từ hơn ba năm nay, Sài Gòn không còn bị bắn phá trực tiếp nữa. Các hỏa tiễn này, đi kèm theo đó là một tiếng nổ thật lớn, đã để cho người dân nhận thức được rằng màn cuối cùng của cuộc bao vây, đánh chiếm thủ đô, đã bắt đầu.

Chỉ các nhà ngoại giao có nhiều quyền lực và ảnh hưởng trong đại sứ quán Mỹ và Pháp là vẫn không muốn đọc những dấu hiệu ở trên tường đó. Các tín hiệu của phía bên kia cũng có thể được hiểu là Hà Nội chỉ muốn thúc giục tăng tốc quá trình chính trị. Người cộng sản, Graham và Merillon cam đoan lẫn nhau như vậy, sẽ "mất thể diện", nếu như họ cố tiến quân đánh chiếm thành phố Sài Gòn ba triệu dân trước con mắt của thế giới. Qua nhượng bộ chính trị, cả hai người đều có ý như vậy, có thể giành được một thỏa hiệp hợp lý từ những người cộng sản.

Trong những năm dài của chiến tranh, những lý luận tương tự như vậy đã được các chính trị gia phe Tự do đưa ra ở nhiều nơi. Cho tới thời điểm đó, Hà Nội vẫn không đưa ra một bằng chứng nào cho việc này. Mang đặc tính của một "sự ngờ vực gần như là bệnh hoạn" đối với phần còn lại của thế giới và đồng thời là của một "sự tự mãn hoang dại cuồng nhiệt" (như Henry Kissinger sau này ghi lại trong hồi ký của ông), chiến lược đàm phán cố chấp của người Bắc Việt, không đưa ra điều gì và yêu cầu mọi thứ, cho tới nay đã không đưa ra bằng chứng nào cho việc rằng thỏa hiệp và nhượng bộ có thể ngăn cản Hà Nội "giải phóng" miền Nam và thống nhất đất nước thành một Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Mặc dù vậy, Hiệp định Paris của tháng Giêng 1973 vẫn được kiến lập trên những tiền đề này, trên giả định rằng Hà Nội sẽ chấp nhận sự tiếp tục tồn tại của một nhà nước ở miền Nam. Việc Hà Nội từ bỏ xâm chiếm miền Nam được mua bằng triển vọng hai tỉ dollar viện trợ kinh tế. Cho tới thời điểm này, trong những ngày cuối cùng của tháng Tư, Hà Nội chỉ chứng tỏ rằng những tiền đề của

hiệp định chính trị là một ảo tưởng thuần túy. Không một lời hứa nào và không một lời đe dọa nào có thể ngăn cản Bộ Chính trị ở miền Bắc hoàn thành nhiệm vụ của Hồ Chí Minh và "giải phóng" miền Nam.

Bây giờ, xe tăng của Cách Mạng đã đứng ở rìa thành phố. Mùa khô đã qua, mùa mưa có thể bắt đầu vào bất cứ ngày nào và sẽ gây khó khăn lớn cho các chiến dịch quân sự. Nằm trong đường lối chiến lược cho tới nay của Hà Nội là thủ tiêu phần còn lại của quốc gia Sài Gòn với một cú đánh trúng đích, tận hưởng chiến thắng quân sự, thay vì cho phép có "tương quan Lào" và qua đó còn mang cả người Pháp và người Nga lên sân khấu như là những người mang lại hòa bình nữa.

Việc đó minh chứng cho sức mạnh của ảo tưởng, rằng ngay cả trong Sài Gòn bị bao vây, hiện giờ bị cô lập khỏi phần còn lại của đất nước, có thể nhìn thấy xe tăng của đối phương, mà một kế hoạch hòa bình trên phương diện chính trị vẫn có thể thành hình được, cái tất nhiên là đòi hỏi chế độ ở miền Nam phải hy sinh nhiều nhất, tức là phải tự phá hủy trật tự cho tới nay. "Bè lũ Thiệu", "chế độ bù nhìn", phải bị hủy bỏ. Graham Martin, đại sứ Mỹ, đồng ý. Vào chiều ngày thứ hai, 27 tháng Tư, phó tổng thống Hương sẽ từ chức và trao quyền lại cho "Big Minh".



23 tháng Ba 1964, Tướng Minh bắt tay bác sĩ Lê Khắc Quyến, một thành viên trong Thượng Hội Đồng Quốc Gia.

Các chính trị gia tiến hành sự việc với vận tốc của con ốc sên, trong khi tướng lãnh Bắc Việt, ở Sài Gòn ai cũng nhận thấy, rõ ràng là thúc giục một quyết định. Cả ngày lẫn đêm đều nghe được tiếng "womp-womp-womp" của đạn pháo. Bây giờ tiếng súng nổ lớn nhất là từ hướng phi trường, nơi những chiếc máy bay di tản của cái cầu hàng không nhỏ bé vẫn còn có thể hạ cánh mà không bị bắn phá. Người dân Sài Gòn dao động giữa hy vọng và tuyệt vọng. Cuối

cùng thì người Mỹ có chớ hết tất cả những người Việt nào muốn ra đi hay không? Có lẽ cuộc chiến sẽ chấm dứt với một thỏa hiệp chính trị.

Khi một phóng viên nổi tiếng từ già bạn bè vào buổi tối, vì "giải pháp Lào" cho phép ông bay về quê hương để hoàn thành một phim tài liệu rồi sau đó quay trở lại Việt Nam, thì một người bạn nói với ông ấy rằng hãy quên cái tên Sài Gòn trong lúc đó đi, vì cho tới chùng đó thì người cộng sản đã chiếm được thành phố, và đã đổi tên nó thành Thành phố Hồ Chí Minh rồi. Đó là "tuyên truyền của CIA", người này rít lên vì giận dữ. Ý thức lịch sử của người Việt sẽ để cho một lần đổi tên như vậy trở nên vô lý. Cuộc thảo luận dường như tình cờ đã trở nên dữ dội cho tới mức buổi tiệc từ già kết thúc sớm hơn dự định.

Ai cho rằng người cộng sản quyết định chấm dứt cuộc chiến đẫm máu với hơn một triệu nạn nhân bằng một chiến thắng quân sự, và sau đó tạo dựng ở miền Nam những điều kiện giống như ở Bắc Việt Nam, kể cả những giới hạn cho giới báo chí nước ngoài, thì ngay trong những ngày cuối cùng của Sài Gòn, người đó vẫn phải chịu đựng sự nghi ngờ, là đã trở thành một nạn nhân của tuyên truyền Mỹ. Nhưng cuộc tranh cãi của các ý kiến đã được nhanh chóng quyết định ngay sau đó.

Công việc bàn giao chức vụ được tiến hành vào ngày thứ hai, 28 tháng Tư, buổi chiều 17 giờ, trong dinh tổng thống, nằm trong một tam giác với đại sứ quán Mỹ và nhà thờ công giáo. Mây mưa nặng nề kéo đến trên thành phố. Trời đã tối. Đèn trong dinh được bật lên khi những người của "lực lượng thứ ba", nhóm nhỏ những người trung lập, quốc gia chủ nghĩa và Phật tử chiến đấu, những người cho tới lúc đó không được phép vào trong dinh tổng thống mới của năm 1964, bước qua cánh cửa mở rộng vào trong gian sảnh tiếp đón và tạm thời ngồi xuống ở hàng ghế thứ hai.

Hàng ghế đầu dành cho phó tổng thống Hương và các bộ trưởng cho tới thời điểm đó. Có lẽ khoảng 100 người, cho tới 17 giờ hầu như chỉ làm đầy được một nửa gian sảnh. Tiếp theo ở phía sau đó là giới báo chí quốc tế. Trên các lối đi, cách bục diễn thuyết không xa, là máy quay của các đài truyền hình.

Chống gậy khắp khiên, phó tổng thống Hương bước vào gian sảnh, có "Big Minh" đi kèm, người mà người ta có thể nhận ra một vẻ hãnh diện nhất định cho vai trò mới này. Minh nhìn những người bạn và những người theo ông ở hàng ghế thứ nhì, những người dưới thời Thiệu đã bị gièm pha và bị các cơ quan nhà nước hành hạ nhiều năm trời; cuối cùng thì cũng đứng trước ngưỡng cửa của ảnh hưởng và sự công nhận của giới công khai: Nguyễn Văn Huyền, một luật sư mà sự hiểu biết về chuyên môn của ông có nhiệm vụ bổ sung cho sức thu hút của Big Minh; thượng nghị sĩ Vũ Văn Mẫu, một con người nhanh nhẹn, hiền lành, luôn mỉm cười lịch sự, một Phật tử sùng đạo và là người cầm cờ của các nhà sư quốc gia chủ nghĩa ở chùa Ấn Quang; và bên cạnh nhiều người khác nữa cũng là Nguyễn Văn Tuyên, một người yêu nước thành thật, người qua chiếc kính mắt dày cộm của mình đã phát hiện nhiều biển thủ, câu thả và tham nhũng trong chính phủ đã từ chức hơn là tất cả các thành viên khác của quốc hội cộng lại.





Photo © Dirck Halstead

*Tổng thống Trần Văn Hương (giữa) ngày 27-4-1975 - một ngày trước khi trao quyền cho ông Dương Văn Minh.*

Khi cuối cùng rời Trần Văn Hương bước lên bục diễn thuyết có treo huy hiệu tổng thống ở mặt trước, một cơn mưa bắt đầu trút xuống, lớn tới mức trong Sài Gòn nhiệt đới cũng được xem là bất thường. Cơn mưa đầu tiên sau mùa khô kéo dài nhiều tháng trời rơi xuống như một trận ngập lụt từ trên trời. Mây đen phủ tối bầu trời; giống như màn đêm đã buông xuống Sài Gòn. Bài diễn văn của Hương được nhiều tia sét đi kèm, rồi tiếng sấm tiếp theo sau đó. Richard Wagner cũng không thể đàn dựng đỉnh cao này tốt hơn.

Nhiều câu trong bài diễn văn ngắn của Trần Văn Hương bị cơn mưa đầy sấm sét này che phủ mất. Gió bão thổi màn che của những chiếc cửa sổ cao bay tung lên, đánh lạc hướng mỗi quan tâm của thánh giả ra khỏi con người nói chuyện mờ nhạt này. Hương khiến cho khán giả của ông phải chán ngán với tính bướng bỉnh của một người muốn giữ đúng một hình thức đã mất ý nghĩa của nó từ lâu. Người thị trường từng được mến chuộng của Sài Gòn trước đây đã đánh mất phần còn lại của sự tin tưởng trong lần hợp tác với Thiệu, người đã lợi dụng tiếng tốt của ông mà không giao quyền lực thật sự cho người phó. Còn lại là một sự cứng đầu cứng

cổ giả làm tính nguyên tắc. Người đàn ông già ốm đau này, cần dùng một cây gậy để đi lại, thật sự là một biểu tượng của trật tự đang sụp đổ.

Ông hẳn đã diễn thuyết độ mười phút. Các nhà báo không quan tâm và cũng bị trận mưa đánh lạc hướng cho tới mức hầu như không ai để cho phiên dịch bài diễn văn. Tất cả mọi người đều chờ "Big Minh", chờ một chính phủ mới, một kế hoạch lập hòa bình mà người cộng sản muốn chấp nhận.

Hương khập khiễng trở về chỗ của mình. Cả gian sảnh im lặng. Mọi ánh mắt đều hướng tới "Big Minh", vì người ta chờ bước kế tiếp từ ông. Nhưng ông vẫn ngồi trên ghế của mình. Làn ngưng giữa chừng trong nghi thức mà không nhận ra được ý nghĩa của nó làm tăng sự căng thẳng.

Rồi cuối cùng người ta nhìn thấy một người lính canh, đeo thắt lưng trắng và dây đeo, đứng ở phía trước bên trái, cạnh cửa cánh, bước vào giữa gian sảnh tới bục diễn thuyết. Ông dùng hai tay cầm huy hiệu của tổng thống, giật nó ra khỏi móc treo, quay người với những cử động giật nhanh, tạo một vẻ buồn cười cho những người lính đang đi duyệt binh, bước ra hướng cửa và mang biểu tượng của tổng thống Việt Nam Cộng hòa ra khỏi gian phòng với những bước chân khoan thai.



*Sài Gòn, 30 Tháng Tư 1975, xe tăng Bắc Việt bị bắn cháy gần phi trường Tân Sơn Nhất.  
Hình: Jacques Pavlovsky/Syigma/CORBIS*

Giới chính khách và nhà báo giữ im lặng, một sự im lặng mà người ta có thể xem như phút mặc niệm cho một trật tự được mang một cách tượng trưng từ sân khấu chính trị sang đồng rác của lịch sử. Khán giả chăm chú theo dõi những cử động long trọng của người lính vệ binh

bây giờ đang tiến gần tới lá cờ Nam Việt Nam ở bức tường phía trước, nhấc nó lên khỏi giá cắm và mang nó một cách chậm chạp, lúc nào cũng đi thẳng, ra khỏi gian phòng.

Lá cờ màu vàng với ba sọc đỏ là do người linh mục trẻ tuổi Trần Hữu Thanh phác thảo năm 1945, người sau này thân cận với tổng thống công giáo Diệm và tuyên truyền cho "triết lý chủ nghĩa cá nhân" của ông ta. Bây giờ, trong tháng Tư 1975, cha Thanh đã tham gia phe đối lập chống Thiệu từ lâu. Ông đã tạo khoảng cách với một hệ thống đã được xóa bỏ một cách tượng trưng qua lần mang lá cờ đi ra ngoài.

Đối với tôi, lá cờ ít có ý nghĩa. Nhưng từ chuyến đi tường thuật đầu tiên của tôi trong cuộc chiến này, tôi đã trải nghiệm nó như là biểu tượng của một quốc gia mà nhiều trăm ngàn người Việt đã hy sinh cho nó. Hơn 500.000 lính Mỹ đã được gửi tới đây để củng cố cho nền cộng hòa Nam Việt Nam mà 50.000 người trong số đó đã tử trận. Lá cờ vàng đỏ này đã trang trí cho các quan tài khi trên nghĩa trang quân đội lớn ở ngoài Sài Gòn, trên đường đi Biên Hòa, khi mỗi năm một lần người ta tiến hành tưởng niệm những người đã hy sinh trong một buổi lễ quốc gia long trọng.

Hàng triệu người đã chết một cái chết vô nghĩa. Đối với tôi, đó dường như là một hành động cay độc, để cho lá cờ biến mất và qua đó mà trốn tránh một trách nhiệm lịch sử.



*Tướng Dương Văn Minh nhậm chức tổng thống, Sài Gòn, 28 tháng Tư 1975.*

Người lính vệ binh quay lại gian sảnh, cầm một dấu hiệu tổng thống mới trên hai tay. Với một cú đánh mạnh, ông gắn chặt biểu tượng của tổng thống "Big Minh" vào bục diễn thuyết. Hoa sen xanh nổi bật trên nền trắng. Chắc là một người nghiệp dư đã phải hấp tấp tạo ra kiểu mẫu này. Hẳn là không còn có thể tìm được một bản nào tốt hơn trong Sài Gòn. Vì không còn có thể điều hành quốc gia với những phần còn lại của xã hội này được nữa. Chỉ những kẻ mơ mộng mới tìm được hy vọng trong lần thay đổi biểu tượng vào giờ chót này.

Chỉ sau khi người lính trở về chỗ ban đầu của ông, giống như qua đó mà quá khứ đã được xóa bỏ và con đường đi tới một tương lai tốt hơn được mở ra, "Big Minh" đứng dậy từ ghế ngồi của ông, khoan thai đi tới bục diễn thuyết và bắt đầu đọc một tuyên bố của chính phủ mà trong đó lời đề nghị ngưng bắn ngay tức khắc được đưa ra. Như đã thỏa thuận với đại sứ Mỹ Graham Martin, Minh không nhắc tới lời yêu cầu di tản ngay tức khắc tất cả các quân nhân Mỹ.

Nhưng ông cũng không còn nói về "những người cộng sản" nữa, mà là về "những người bạn



của chúng ta ở phía bên kia... Chúng tôi thật sự mong muốn hòa giải. Các anh chắc chắn biết điều đó. Hòa giải đòi hỏi mỗi một thành phần của quốc gia đều tôn trọng quyền được sống của những thành phần khác. Đó là tinh thần của Hiệp định Paris... Những ngày sắp tới sẽ hết sức khó khăn...Tôi không hứa hẹn nhiều." "Big Minh" bổ nhiệm luật sư Nguyễn Văn Huyền làm phó tổng thống. Thượng nghị sĩ Vũ Văn Mẫu làm thủ tướng. Một chính phủ chưa được giới thiệu.

Lúc đó, tôi không nghe bài diễn văn của "Big Minh" cho tới khi kết thúc. Đối với tôi, nội dung lời tuyên bố của ông là hoàn toàn không có ý nghĩa gì trong sự so sánh với những cảnh tượng trưng cho một lần tự xóa bỏ nhà nước mà chúng tôi vừa quay xong. Nhà nước Sài Gòn thật sự đã hy sinh cái lớn nhất, để thúc đẩy Bắc Việt đi tới thỏa hiệp chính trị vào phút cuối cùng: nó đã tự tan rã, từ bỏ những biểu tượng cho sự tồn tại của chính mình, tự sát vì sợ chết.



29 tháng Tư 1975: Một người phụ nữ Việt Nam ngồi trên boong của một con tàu đổ bộ tấn công của Mỹ trong cuộc di tản khỏi Sài Gòn. Hình: AP.

Để đưa cuộn phim lên chiếc máy bay chuyên tôi sang Bangkok càng nhanh càng tốt, tôi đã cùng đội quay phim rời gian sảnh trước. Ở trước cửa, tôi trình bày một "dự thảo văn bản" cho ban biên tập. Vài phút sau đó, người quay phim và cộng tác viên người Việt lâu năm của chúng tôi đi xe ra phi trường. Đó là vào khoảng 18 giờ, mưa đã giảm bớt đi rất nhiều.

Cho tới khách sạn "Continental" có nhiều nhà báo sống ở trong đó chỉ tốn mười phút đi bộ. Hàng hiên, vào buổi chiều là điểm gặp gỡ cho giới báo chí, quân nhân Mỹ, giới ngoại giao và dân kinh doanh đủ các loại, bây giờ trông như bị bỏ hoang. Các nhà báo vẫn còn quan sát lần thay đổi quyền lực trong dinh tổng thống. Phần khách còn lại đã hiểu được những dấu hiệu của cuộc chiến và chuẩn bị cho tình huống khẩn cấp. Cũng có không ít người đang theo dõi trực tiếp lần nhậm chức của "Big Minh" trước các màn hình. Những chiếc taxi màu xanh-nâu

sáng đồ trước "Continental" như thường lệ. Để giết thời gian, tôi thuê một chiếc cho một chuyến đi vào Chợ Lớn.

Sau hai kilômét, chúng tôi tới nhà ga. Bất chợt có những chiếc A-37 bay ở phía trên chúng tôi, bỏ nhào xuống tấn công. Người ta nghe được tiếng bom nổ ở hướng phi trường. Vài giây sau đó, hỗn loạn xảy ra trong thành phố. Ai có súng đều bắt đầu bắn lên trời. Người dân chạy, nằm xuống đất, tiếp tục chạy đi. Tiếng ồn của vũ khí tăng lên thành một nền âm thanh, càng làm cho người ta hoảng sợ, và hầu như không ai nhận biết được nguyên do nổ súng. Sài Gòn bắn lên trời vì sợ. Bốn chiếc máy bay chiến đấu hạng nhẹ kiểu A-37 bị không quân Bắc Việt tịch thu đã cất cánh từ Phan Rang Air Base, khoảng 200 kilômét đông bắc Sài Gòn, và được gửi tới phi trường Tân Sơn Nhứt dưới sự lãnh đạo của một phi công Nam Việt đào ngũ.

Hiệu ứng tâm lý của lần bỏ bom thủ đô Nam Việt vượt quá mọi sự mong đợi. Sau khi những quả bom đó rơi xuống và Sài Gòn đạt tới một trạng thái hoảng loạn, cái khiến cho người ta nhớ tới những cảnh đông người trên các bậc thang Odessa của [nhà đạo diễn] Sergei Eisenstein, thì ai cũng biết rõ rằng giờ của trận đánh đã bắt đầu.



Sài Gòn, 30 tháng Tư 1975, Trung tá Cảnh sát Quốc gia Nguyễn Văn Long tuần tiết dưới chân tượng đài Thủy Quân Lục Chiến trước Quốc Hội Việt Nam Cộng Hòa. Hình: Jacques Pavlovsky / Sygma / CORBIS

Lần bắn súng vô nghĩa mà dân cư vũ trang của Sài Gòn đã dùng nó để kết thúc lần tự phá hủy trật tự cho tới nay kéo dài cho tới khi trời tối, hơn một giờ đồng hồ. Giới nghiêm bắt đầu sau đó. Việt Nam Cộng Hòa đã chấm dứt tồn tại trước khi bị xâm chiếm.

Tháo gỡ các biểu tượng nhà nước và phản ứng hoảng loạn của người dân Sài Gòn trước lần ném bom phi trường cho tới nay đã không được nhắc tới hay chỉ được đề cập sơ qua trong các tường thuật của nhân chứng và trong các diễn tả lịch sử.

Các cơ chế phòng vệ tâm lý đã đẩy cuộc di tản bằng máy bay đầy kịch tính, bắt đầu vào trưa ngày hôm sau đó, 29 tháng Tư, vào trong trung tâm điểm. Những dịch chuyển trọng tâm như vậy cũng được quan sát thấy tại các chiến bại lịch sử khác của "người da trắng" ở châu Á. Trong văn học và trong điện ảnh, lần quân đội Mỹ đầu hàng ở Corregidor, tháng Tư 1942 trong vịnh Manila, đã bị che phủ bởi những sự tàn bạo của người Nhật trong "chuyến bộ hành tử thần

Bataan" để đi tới các trại tù binh; và "Câu cầu sông Kwai" đã quan tâm tới sự tưởng tượng của Phương Tây nhiều hơn là kết cuộc của doanh trại Anh tại Malaya và Singapore.

Thật sự là hoạt động chính trị-ngoại giao cuối cùng mà "Big Minh" đã đứng tại tâm điểm của nó – được khuyến khích và cổ vũ bởi Graham Martin và Jean-Marie Merillon – đã trì hoãn cuộc di tản Sài Gòn và qua đó đã gây hại nghiêm trọng về tâm lý và chính trị.

Ngay sau bài diễn văn của "Big Minh", đài phát thanh Hà Nội đã phát đi một tuyên bố với lời lẽ cứng rắn hết sức bất thường và với một tính yêu cầu dứt khoát, vượt quá tất cả các phát ngôn trong những ngày vừa qua. Đài phát thanh kêu gọi người dân Sài Gòn hãy "nổi dậy".

Chẳng bao lâu sau đó, đại diện phe cộng sản, những người đã xây nơi cư trú của họ trong khu vực của phi trường thành một căn cứ chỉ huy mà các nhà quan sát ở bên ngoài hoàn toàn không hay biết gì, đã gọi điện tới các thông tấn xã Mỹ và tờ *New York Times*. Một phát ngôn viên đọc một bản tuyên bố mà trong đó Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ bị cáo buộc vẫn tiếp tục can thiệp vào tình hình. Nước Mỹ được yêu cầu hãy "xóa bỏ chính quyền của chiến tranh và áp bức ở Sài Gòn". Lời tuyên bố của Mr. Minh không đáp ứng được yêu cầu này...

Qua đó, Bắc Việt đã phá hủy ảo tưởng cuối cùng. "Giải pháp Lào" giống như một canh bạc. Mỹ và các đại diện của Sài Gòn đã đi nước cờ cuối cùng của họ. Họ đã đi tới kết cuộc. Sự hấp tấp và hoảng loạn đặc trưng cho cuộc di tản của ngày hôm sau đó cũng đã lấy đi cả "thẻ điện" của họ dưới con mắt của châu Á.

Lần ném bom phi trường vào lúc 18 giờ chiều ngày thứ hai thật sự đã là tín hiệu cho cuộc tấn công. Suốt cả đêm đó, Sài Gòn bị bắn phá bởi đạn pháo và hỏa tiễn. Cuộc di tản bằng máy bay bắt đầu vào chiều ngày thứ ba: lúc đầu là từ một điểm tập trung trong khu vực phi trường, sau đó từ nóc nhà của tòa đại sứ quán Mỹ. Bốn giờ sáng ngày thứ tư, 30 tháng Tư, đại sứ Mỹ Graham Martin rời khỏi nước. Những người lính Mỹ cuối cùng, mười một lính thủy quân lục chiến, bay vào lúc 7 giờ 53 phút từ Sài Gòn ra hạm đội trước bờ biển. Vào lúc 11 giờ trưa, 30 tháng Tư, xe tăng Bắc Việt tới dinh tổng thống ở nội thành. Một người lính với lá cờ của "chính phủ cách mạng lâm thời" lao lên cầu thang, để gắn nó lên ban công như là dấu hiệu của chiến thắng.

Lá cờ cũ đã được lấy vào từ lâu rồi.

*Winfried Scharlau*

*Phan Ba dịch từ báo Die Zeit, số 18, ra ngày 26/04/1985:*

<http://www.zeit.de/1985/18/die-letzten-tage-von-saigon/komplettansicht>



## Bài học của ngọn đồi Thịt Băm

Nước Mỹ thua cuộc đã nhắm mắt trước những kinh hoàng của cuộc chiến trong rừng rậm Việt Nam mười năm liền. 1,5 triệu người Việt, trên 55.000 người Mỹ đã chết. Ronald Reagan muốn tuyên bố thảm họa Việt Nam thành một chiến thắng về luân lý. Giới truyền thông Mỹ trình bày thêm một lần nữa những cảnh khủng khiếp của cuộc chiến.

Qua cái nhìn đầu tiên, ba bức tượng đồng màu xanh ôliu trông giống như quảng cáo tuyển quân của U.S. Army chỉ qua cái nhìn đầu tiên: những người đàn ông mang dáng vẻ chiến đấu trên một tượng đài tưởng niệm ngay giữa Washington. Nhưng rồi điều bộ của họ có một tiếng nói rõ ràng – những người lính trên tượng đài thật sự là đã kiệt quệ. Họ không toát ra một niềm tin chiến thắng – ngược lại: tư thế của họ mang một vẻ mệt mỏi nào đó.



Mặc dù vậy, những người Mỹ yêu nước vẫn có thể sống với tượng đài kỷ niệm truyền thống này, những người mà hoài ức của họ về cuộc Chiến tranh Việt Nam, "ý định cao quý đó" (Reagan), được lát đá hoa cương như một đền thờ danh nhân: chiến bại của nước Mỹ không còn có ở trong đầu của họ nữa; lần cất cánh đầy nhục nhã của chiếc trực thăng Mỹ cuối cùng

trong đêm 29 rạng sáng ngày 30 tháng 4 năm 1975 từ mái của một căn nhà ở Sài Gòn. Một cơn ác mộng – đã qua rồi.

Giờ đây, một tường nhớ chính xác hơn về khoảng thời gian này được gìn giữ cách đội ngũ tường niệm bằng đồng đó chỉ vài mét – trên một bức tường bằng đá hoa cương màu đen dài 150 bộ. Đó là bức tường truy điệu của Mỹ, "The Wall".

58.022 tên họ được khắc vào đá hoa cương – những người Mỹ đã hy sinh và mất tích của cuộc chiến ở Đông Nam Á. Thêm vào đó là hai thời điểm: bắt đầu chiến tranh 1959, chấm dứt chiến tranh 1975. Một bức tường tương ứng như vậy cho 1,5 triệu người Việt nạn nhân của cuộc chiến sẽ dài nhiều kilômét.

Có những người tình nguyện đứng trước bức tường đơn giản đó với những quyển sách tra cứu dày cộm. Khi hỏi, họ sẽ thông báo cho biết ngày tháng hy sinh, ngày tháng năm sinh, tiểu bang quê hương. Tròn 22.000 người đã hy sinh khi còn chưa tới 21 tuổi – Việt Nam là một cuộc chiến của lứa tuổi teen Mỹ, thường là con cái của gia đình công nhân chống lại những du kích quân giàu kinh nghiệm. Sinh viên được miễn quân dịch, nhiều người con của giới trung lưu đã trốn tránh.

Cha mẹ của người chết đến cạnh bức tường này, sờ vào những cái tên, hôn lên mặt đá. Có nhiều người khóc òa, không kiềm chế, ngay giữa đám đông – vào những ngày lễ có tới 12.000 người.



Năm 1982, Reagan đã bỏ lỡ buổi lễ khai mạc đài kỷ niệm này – tượng đài, được một phụ nữ trẻ tuổi người Mỹ gốc Hoa phác thảo, không tương ứng với hình ảnh anh hùng sai lệch của

ông về tấn bi kịch đó, tấn bi kịch mà nước Mỹ đã "đánh mất sự trong trắng ngoại giao của nó ở trong đó", theo Henry Kissinger ngày nay [1985],

Hoa Kỳ, đất nước mà năm 1917 và 1941 sau một thời gian dài do dự đã bước vào các cuộc thế chiến để giải phóng châu Âu ra khỏi những mối phiền toái của sự điên rồ trong ngoại giao và những tội phạm của phát xít – họ bước vào cuộc Chiến tranh Việt Nam với sự chắc chắn sai lầm của những người mộng du. Năm 1954, khi nước Pháp đánh mất thuộc địa Đông Dương của nó trong trận Điện Biên Phủ về tay các du kích quân Việt Minh dưới quyền của Hồ Chí Minh, Washington đã chi trả 80 phần trăm chi phí chiến tranh. Kết quả của Hội nghị Đông Dương ở Geneve – một Việt Nam độc lập – không bao giờ được Hoa Kỳ công nhận; ở phía Nam của vĩ tuyến 17, một chính phủ tham nhũng, tư sản, hình thành với sự giúp đỡ của Hoa Kỳ.

Từ Diệm cho tới Thiệu: các nhà cầm quyền độc tài của Sài Gòn dựa vào các "cố vấn" Mỹ – lúc đầu là 500 (1958), rồi cuối cùng là 538.000 (1969) – tất cả họ đều dính líu vào trong một cuộc chiến chống Việt Cộng và người Bắc Việt, những người thành thạo các chiến thuật khác với các chiến thuật được giảng dạy cho sĩ quan Mỹ trong các học viện quân sự của họ.

Lính thủy quân lục chiến Mỹ, những người năm 1965 đánh chiếm một ngọn đồi mang tên "Thịt Băm" ở gần Khe Sanh, đã để lại một tấm bảng nhỏ sau khi rút quân: "Việt Nam – có đáng giá như thế không?"



*Đồi Thịt Băm, một ngày sau trận chiến.*

Câu hỏi này vẫn còn được đặt ra:

- Trong cuộc chiến dài nhất của lịch sử họ, Hoa Kỳ đã tự loại bỏ yêu cầu mà họ đã tự đặt ra cho họ, dẫn đầu về đạo đức và chống đế quốc, và đã triển khai sức mạnh vật chất của họ một cách không kiểm chế. Việc dội bom thường dân Hà Nội được xem là "cố gắng chuyển hóa niềm tin một cách chiến lược", việc sử dụng những loại vũ khí kinh dị mới như "Agent Orange", một chất làm rụng lá có chứa dioxine, dường như là có thể chấp nhận được. Trên bảy triệu tấn bom và đạn pháo Mỹ đã rơi xuống đất nước này, hơn ba lần rưỡi con số mà Đồng Minh đã ném xuống nước Đức và châu Âu bị chiếm đóng trong Đệ nhị Thế chiến. Nhưng những vật nổ này cũng gây ra tác động không muốn có tại các đồng minh xa xôi – một làn sóng chống Mỹ lan tràn qua khắp Tây Âu. Thay vào vị trí của Kennedy bị ám sát năm 1963 (người ngay trước khi chết đã cân nhắc chấm dứt tham chiến ở Việt Nam) là những vị thánh khác của thế hệ trẻ - Hồ Chí Minh ở châu Á, Che Guevara ở Nam Mỹ.
- Trong xung đột nội bộ gay gắt nhất của Mỹ từ cuộc nội chiến, quốc gia này đã chia ra thành hai phái thù địch nhau. Những người thủ cựu quanh Goldwater và Reagan thích nhất là bỏ bom nguyên tử Bắc Việt Nam ("let's nuke 'em"); những người tự do quanh Robert Kennedy không nhìn thấy một ý nghĩa nào trong việc "tham gia một cuộc nội chiến của người Á châu", một cuộc chiến mà theo từ ngữ của quốc vụ khanh Hoa Kỳ George Ball "phải được tiến hành trong một lãnh thổ đầy rừng rậm giữa những người dân từ chối không hợp tác với quân đội da trắng".
- Là cố vấn của John F. Kennedy và Lyndon B. Johnson, giới tinh hoa ở bờ biển Đông dưới McGeorge Bundy, Rusk và Walt Rostow đã hao mòn vì cuộc chiến tranh ở nơi xa xôi. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Robert McNamara, một người sùng đạo Tin Lành, đã suy sụp vì trách nhiệm của mình, rút lui ra khỏi chính trường và cho tới vụ kiện bị xúc phạm của cựu tướng Westmoreland chống lại đài truyền hình CBS thì không hề nói một lời nào về Việt Nam – cả riêng tư lẫn công khai đều không. "Hồ sơ Lầu Năm Góc", do tờ "New York Times" công bố, ghi nhận "sự ngạo mạn của quyền lực" (thượng nghị sĩ Fulbright).
- Nền văn hóa chính trị Mỹ trở nên cực đoan: "Yippies" cánh tả [Youth International Party] suy t nữa thì đã làm tan vỡ đại hội của đảng Dân Chủ tại Chicago (1968); Vệ binh Quốc gia bắn vào các sinh viên biểu tình thuộc Kent State University (bốn người chết). Uy quyền của ứng cử viên tổng thống Hoa Kỳ đã giảm sút dưới sự phê phán của giới công khai. "Hey, hey, LBJ, how many kids did you kill today?", đạo quân biểu tình của những người phải đi lính cất tiếng hát – và vị Tổng thống Johnson mất tinh thần đã từ bỏ không ra ứng cử lần thứ hai.
- Người kế nhiệm Nixon, với việc ném bom Campuchia đi ngược lại hiến pháp và pháp luật quốc tế, đã mở đường cho tên cộng sản giết người hàng loạt Pol Pot với nhóm du kích quân Khmer Đỏ của hần. Khủng bố bằng cách bỏ bom chiến lược từ những chiếc máy bay B-52, Nixon hy vọng sẽ thương lượng được những điều kiện rút quân thuận lợi hơn cho quân đội bại trận của Hoa Kỳ. Cố vấn Kissinger đã thuyết phục được Nixon: Nước Mỹ không thể chiến thắng được cuộc chiến. Không thể nghĩ tới việc có thể mang tính quyết định cho cuộc chiến là tiến quân vào Bắc Việt Nam bạn của Moscow.
- Thất bại thật sự của Mỹ, các tướng lĩnh của ngày xưa khẳng định như vậy vào ngày nay, đã diễn ra trong các phòng khách của nước này. Trong tường thuật live hàng

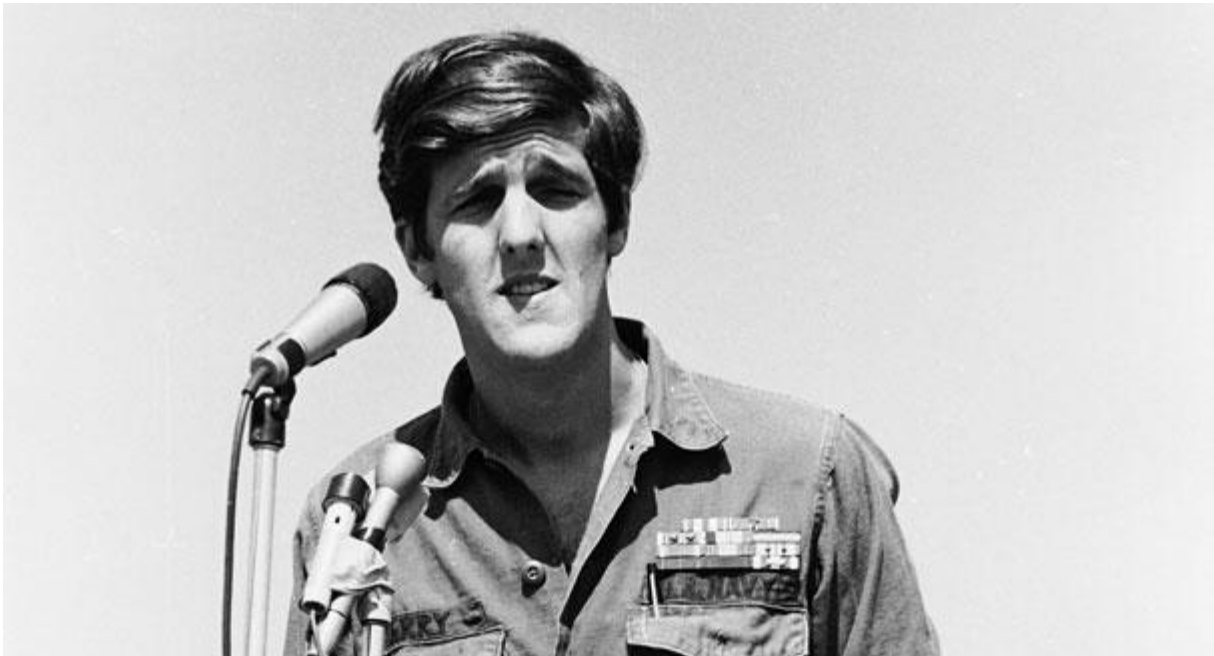


nhiều năm trời, truyền hình Hoa Kỳ đã biến các sự kiện ở Việt Nam thành một phim truyện phản chiến vô tận. Đài truyền hình và những người đọc tin của họ đã vươn lên trở thành các thể chế đạo đức mang tính chi phối: những gì mà họ đưa ra dường như là đáng tin hơn những lời hứa hên hòa bình bất tận của các chính trị gia.

Khi cuộc chiến cuối cùng rồi cũng chấm dứt, toàn bộ đất nước đã biến đổi; những năm 50, tinh thần cực bộ hạnh phúc của những năm dưới thời Eisenhower, tất cả những cái đó đã chìm xuống vĩnh viễn. Trên màn hình, trẻ em châu Á cháy trong ngọn lửa của napalm. Người Mỹ bị lột trần ra là những kẻ giết chết hàng loạt các bà mẹ và trẻ sơ sinh Việt Nam. Những người ở quê hương đã nhìn thấy các hình ảnh nhiều màu sắc của bạo lực từ chính họ, và họ đã buồn nôn.

Từ đó, nước Mỹ cố gắng quên Việt Nam như quên một cơn bệnh lây nhiễm đã qua khỏi.

"Không ai thật sự thích lục lợi trong những hồi ức không hay", thượng nghị sĩ John Kerry, 41 tuổi, nói vào ngày nay. Ông đã từng tình nguyện phục vụ ở Việt Nam và đã bị thương ba lần. Vì đã tổ chức phản đối chiến tranh cho các cựu chiến binh sau khi ra khỏi quân đội và thêm vào đó là đã xin phép được xuất ngũ trước thời hạn "vì lương tâm", nên các đối thủ chính trị trong lần tranh cử vào thượng nghị viện đã chế nhạo ông là một "người có cảm tình với cộng sản" và là "một kẻ phản bội".



*Ông John Kerry nói chuyện với những người tham gia và ủng hộ chiến dịch rút quân nhanh chóng khỏi Việt Nam (RAW – Rapid American Withdrawal) tại Valley Forge vào ngày 7 tháng 9 năm 1970. Hình: Reuters*

Nhưng cả những lời nói xấu như vậy rồi cũng tắt dần – chúng thiếu điểm tựa. Giới công khai đã nhanh chóng đẩy "Việt Nam" và tất cả những gì có liên quan tới đó đi mất tích, nhiều năm trời đã không còn muốn biết gì về nó nữa.

"Hầu như là chỉ qua đêm, Việt Nam đã biến mất ra khỏi nhận thức của quốc gia", nhà xuất bản tân thủ cựu Norman Podhoretz ngạc nhiên. Không một tướng lĩnh, không một đô đốc nào



từ chức sau chiến bại đầu tiên trong lịch sử chiến tranh của Hoa Kỳ. "Mất trí nhớ tập thể", tờ "New York Times" đã chẩn đoán thời đó. Nhưng sự bất hạnh đó quá lớn để mà có thể được chôn vùi mãi mãi: Việt Nam lại quay trở lại như một cơn ác mộng không để cho người ta xua nó đi. Trước đây [1985] vài tuần, trong một vụ thừa kiện do ông khởi tố chống đài truyền hình CBS, viên tư lệnh Việt Nam Westmoreland đã phải để cho người ta chứng nhận, rằng vì những lý do về chính trị mà đã xử lý một cách cầu thả việc đánh giá kẻ địch qua thống kê. Trong lúc đó, Westmoreland khẳng định rằng không ai được phép hoài nghi lòng yêu nước của ông – một kẻ thua trận bi đát, người vẫn còn chưa biết tại sao ông không thể chiến thắng được.

"Liệu chúng ta có học hỏi được điều gì theo nghĩ luân lý hay không", cố vấn cho Kennedy và cũng là sử gia Arthur Schlesinger hoài nghi trước những viên tướng lĩnh như vậy. Có thể là "nước Mỹ giờ đây cũng biết rằng lỗi lầm đó to lớn cho tới chừng nào, muốn đóng vai trò của Chúa Trời trong lịch sử của loài người".

Thật sự là sẽ không ai thừa nhận lỗi lầm này. Các thượng nghị sĩ và hạ nghị sĩ Hoa Kỳ, ngoài ra thì bao giờ cũng cảm ơn mỗi một lần xuất hiện ăn ảnh trong các ủy ban điều tra của Quốc Hội, sau 1975 chưa từng bao giờ yêu cầu một tòa án Việt Nam duy nhất, mà lại tuyên truyền cho sự quên lãng.

Phung phí 150 tỉ dollar trong chiến tranh? Không một nghị sĩ nào còn hỏi về việc này. Bốn triệu người Việt chết và bị thương? Hãy quên đi! Một quân đội Mỹ, gồm cho tới 80% là những lãnh chúa cung ứng, vua ở hậu phương và hoàng đế sòng bạc, một quân đội mà trong đó chưa từng bao giờ có nhiều hơn 80.000 người lính đứng thật sự trong các lực lượng chiến đấu? Không đáng giá để nói tới!

Trong từ ngữ của nguyên trưởng phái đoàn đảng Dân Chủ trong Thượng Viện, Mike Mansfield: "Ngẫm nghĩ về những gì có thể hay cần phải trong quá khứ thì không giúp được gì cho ai cả."

Tổng thống Jimmy Carter của đảng Dân Chủ tuyên bố năm 1977, chỉ vài giờ sau khi vào Tòa Nhà Trắng, rằng đã tới lúc "đi tới kết thúc với cuộc Chiến tranh Việt Nam". 500.000 "người phản bội" đó, những người trốn ra nước ngoài để tránh không phải đi lính, nhất là sang Canada, nên trở về nhà. Ngay những người đào ngũ cũng có thể hy vọng được khoan hồng. Carter: "Tôi không cảm thấy muốn trừng phạt bất kỳ một ai cả." Và: "Toàn bộ sự việc bây giờ đã qua rồi."

Ba năm sau lời kêu gọi ân xá Việt Nam của Carter, Ronald Reagan bắt đầu một giọng nói mới trong một bài diễn văn trước "Veterans of Foreign Wars": "Chúng ta đã sống quá lâu với hội chứng Việt Nam." Đã tới lúc xét lại lịch sử, đã tới thời điểm của bước ngoặt bảo thủ: "Lòng yêu nước mới" (Reagan) hóa ra là lòng yêu nước cũ.

Đối với tổng thống Mỹ, kẻ thù tiếp tục có tên là Việt Nam. Không có quan hệ ngoại giao giữa các đối thủ trong cuộc chiến. Cố vấn của Reagan nhắc tới hơn 2400 người Mỹ mất tích và tù binh mà trong đó có thể là Hà Nội đang giữ lại một số. Họ dẫn ra việc quân đội Việt Nam chiếm đóng Campuchia, họ nhắc tới những trại giam mà đối thủ chính trị của chính quyền Hà Nội bị giam giữ ở trong đó từ một thập niên nay.

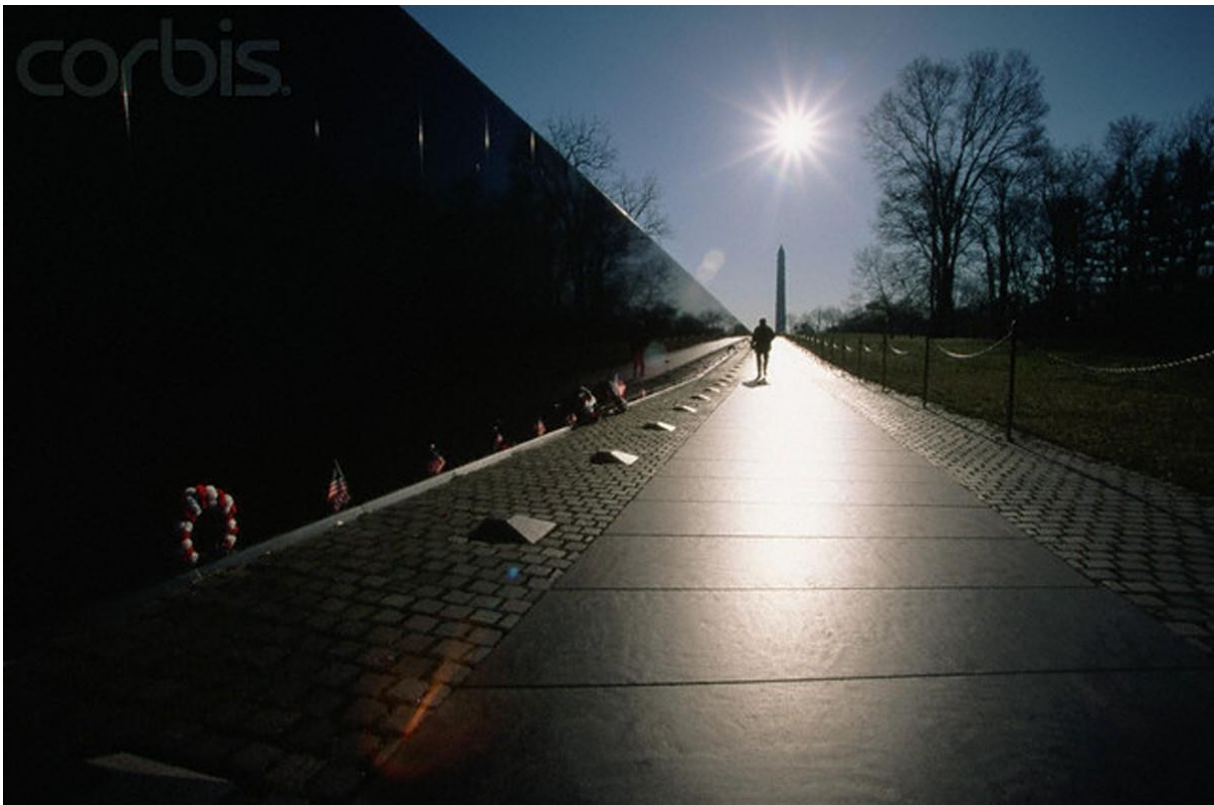


Những người ủng hộ cho "thuyết Domino", chỉ nhìn Nam Việt Nam như một quân cờ mà một khi nó đã ngã xuống thì sẽ giao trọn toàn khu vực về cho cộng sản, có đúng không?

Cựu tổng thống Richard Nixon quả quyết trong tác phẩm "No More Vietnams" của ông: "Ngày nay, sau khi chính quyền cộng sản đã giết chết trên nửa triệu người Việt và trên hai triệu người Campuchia, lời phán xét luân lý cuối cùng về những cố gắng của chúng ta để cứu thoát Campuchia và Việt Nam: Chúng ta chưa từng bao giờ chiến đấu cho một sự việc có nhiều đạo lý hơn thế."

Thật sự rằng việc bỏ bom để "cứu nguy Campuchia" của Mỹ đã nâng những người đó lên, những người cần phải được "cứu thoát"; sự thật cũng là, những con người đen tối như các ông chủ Sài Gòn Trương Kỳ, Trương Khánh và cuối cùng là Trương Thiệu là biểu tượng cho tất cả, chỉ là không cho đạo đức.

Thế nhưng không còn có thể ngăn chặn sự thành hình của huyền thoại Việt Nam được nữa: nó là một hình thức đặc biệt của sự quên lãng – được nhặt ra từ ký ức tập thể chỉ là những gì phù hợp vào trong một hình ảnh của tấn thảm kịch Việt Nam vô tội.



*Tháng 4, 1997, Vietnam Veterans Memorial tại Washington, DC. Hình: Joseph Sohm / Visions of America / Corbis.*

Vết dơ trên bức tranh chiến trận được xóa đi: Thiếu úy William Calley, người đã giết chết ít nhất là 22 người dân thường tại làng Mỹ Lai ở Việt Nam trong tháng Ba 1968 và đã bị xử tử chung thân năm 1971 vì việc này, được tha tội. Người lính này phải chịu ba năm quản thúc tại gia.

Trung tướng W. R. Peers, người được Lầu Năm Góc giao nhiệm vụ làm sáng tỏ bối cảnh của vụ thảm sát, sau này đã bày tỏ sự phẫn nộ của mình trong một bản báo cáo do ông viết về "sự bất lực của hệ thống quân pháp, trừng phạt có hiệu quả những người hoặc là bị cáo buộc đã phạm tội ác chiến tranh hoặc là không báo cáo và điều tra những tội phạm như vậy". Và: "Chúng ta rõ ràng là không đo chúng ta với cùng một thước đo mà chúng ta đo địch thủ."

Cũng được tha thứ là hành động của viên sếp cảnh sát Sài Gòn, Nguyễn Ngọc Loan, người trong trận tổng tấn công dịp Tết 1968 đã ấn khẩu súng ngắn vào thái dương của một Việt Cộng bị bắt và bắn chết người này trước ống kính của một nhiếp ảnh gia AP. Người chụp bức ảnh đó được trao giải Pulitzer cho tấm hình đó, người sếp cảnh sát trong giờ phút cuối cùng đã có thể chạy thoát qua Mỹ với vợ con và sở hữu một quán ăn ở Burke, Virginia.

Ngược lại, các cựu chiến binh đã bị bỏ quên, những người rơi vào cảnh nghiện rượu hay ma túy ở Đông Nam Á, phát rồ vì những tưởng nhớ, ác mộng, tội lỗi đè nặng lên họ. "Đa số người dân của chúng ta", nghị sĩ David Bonior thuộc đảng Dân Chủ quả quyết, "muốn nhất là chôn sâu tấn bi kịch Việt Nam và xóa sạch đi lịch sử".

Tất nhiên, trong những tuần này Việt Nam lại quay trở lại một cách đầy đau đớn trong nhận thức của đất nước: mười năm sau khi Sài Gòn sụp đổ, giới truyền thông tưởng nhớ lại cuộc chiến. Trong những ngày này, các báo có nhiều ảnh hưởng như "Washington Post" hay "Wall Street Journal", các tạp chí tin tức như "Time" và "Newsweek" đăng những bài tường thuật đặc biệt về Chiến tranh Việt Nam và hậu quả của nó. "The New York Times Magazine" chạy tít "Việt Nam ở Mỹ". "Nỗi nhục nhã của chiến bại", theo tờ này, "đã lui bước, cựu chiến binh Việt Nam biến thành anh hùng quốc gia."

"Nỗi nhục nhã" đó bắt đầu vào cuối tháng Tư 1975 với bài ca Giáng Sinh hết sức không phù hợp "I am dreaming of a White Christmas", do đài quân đội AFN ở Nam Việt Nam phát – và một xưởng ngôn viên tuyên bố: "Nhiệt độ ở Sài Gòn là 40 độ và sẽ còn tăng lên."

Đó là ám hiệu công khai cho cuộc di tản của Mỹ ra khỏi Sài Gòn – một "cuộc di tản đau thương" theo Kissinger. Các lực lượng chiến đấu cuối cùng của Hoa Kỳ đã rút khỏi hai năm trước đó sau những cuộc thương lượng kéo dài giữa Kissinger và người đàm phán của Hà Nội Lê Đức Thọ.

Đạn pháo, tên lửa của những người cộng sản đang tiến quân năm 1975 đã phá vỡ dần dần các đường băng cất cánh và hạ cánh trên các phi trường của thủ đô Nam Việt Nam và vào lúc cuối cũng trúng tòa nhà của Đại sứ quán Hoa Kỳ. Cuối cùng, những chiếc trực thăng di tản của hạm đội Hoa Kỳ trước bờ biển chỉ còn có thể cất cánh từ nóc nhà của một ngôi nhà ở trong khuôn viên của Đại sứ quán Hoa Kỳ.

Những người dân Nam Việt Nam tuyệt vọng đã xông qua cổng của tòa đại sứ Mỹ. Máy bay Mỹ đối với họ là phương tiện chạy trốn cuối cùng còn lại. Và cũng như cả cuộc chiến, lần rút lui của người Mỹ cũng diễn ra một cách hỗn loạn, vô phẩm cách, vô nhân đạo: Giống như đang lui quân trong một trận đánh trên mặt đất, những người lính thủy quân lục chiến trong đại sứ quán rút lui từng tầng một. Họ chặn thang máy, đẩy tủ và ghé ra trước cửa, để ngăn chặn không cho những người bị bỏ lại tràn lên mái nhà, và rồi biến mất trên bầu trời Sài Gòn.



Những hình ảnh bi thảm của cuộc di tản từ trên mái nhà đã "đánh động thật sâu trong tâm hồn" của quốc gia, thượng nghị sĩ Kerry nhớ lại. Nhưng sau đó thì Hoa Kỳ cuối cùng cũng đã có thể ngoảnh mặt với thảm họa xa xôi đó, rõ ràng là đã quá kiệt sức để mà có thể đặt ra câu hỏi lỗi của ai. Mười năm sau đó, nó có thể được đặt ra thêm một lần nữa: Các tấn bi kịch ở quê nhà sắp tới đây sẽ được ghi nhận lại trong một loạt phim truyền hình do đài truyền hình ABC thực hiện.



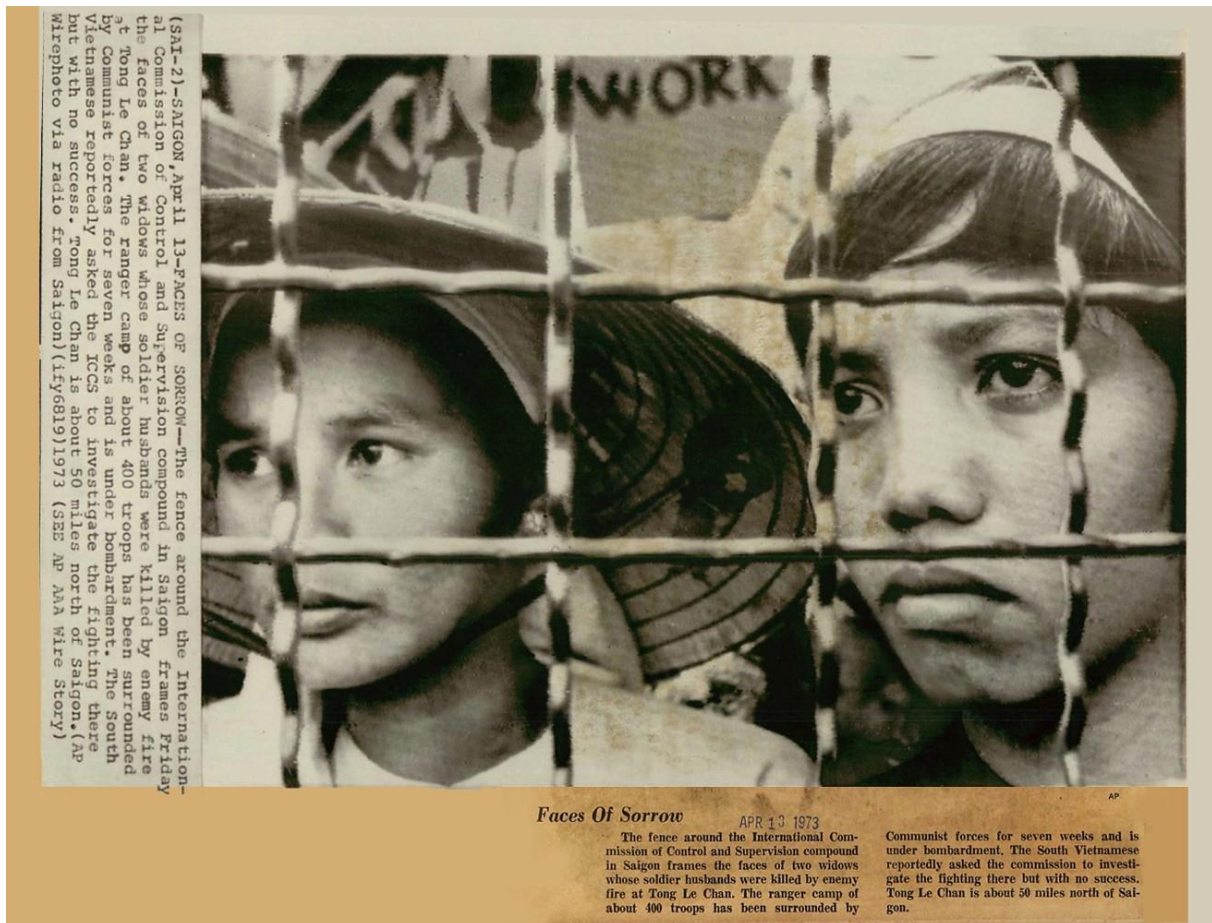
*Tháng Tư 1975, người di tản lên tàu Mỹ Hancock*

Tạp chí "Harpers" hiện đang tường thuật về các cựu chiến binh "trip wire", những cựu quân nhân quân trú sống trong các tiểu bang Mỹ khó đi lại Oregon và Washington, ở đâu đó trong những căn nhà hay lều trên núi, được bảo vệ trước những kẻ phá rối bởi "trip wires", những sợi dây kích hoạt báo động khi người ta vướng vào.

Tờ tuần báo "People" hiện đang đăng tải các bức ảnh đầy tính bi kịch về cuộc Chiến tranh Việt Nam, và yêu cầu người đọc hãy cho biết danh tính và cung cấp thông tin về những người có thể nhận ra được trong hình. Hồi ký về Việt Nam gia tăng.

Trong "Bloods" người da đen mô tả lại các hồi ức chiến tranh của họ, lính bộ binh Richard Ford tường thuật về một lần tham chiến ở Việt Nam: "Tôi lao qua cửa. Tôi đã bắn trúng cô bé. Cô bé nằm trên người đàn ông già, giống như muốn che chở cho ông ta vậy. Ông ấy hẳn độ 80 tuổi. Cô bé bảy tuổi. Cả hai đều đã chết. Tôi đã vô tình giết chết một người đàn ông già và một cô bé gái trong nhà. Một cảm giác kỳ lạ ập đến với tôi." Sĩ quan thoát được những trải nghiệm của các "grunt" ["lính lác"]. Ngày nay họ có những nỗi lo khác – tại sao họ lại thua trận?

"Chúng ta đã không chiến thắng", Đò đòc U. S. G. Sharp trong một lần nhìn lại, "vì chúng ta không đòc phép tiến hành những cú đảnh quyết đònh với sức mạnh hải quân và không quân to lớn của chúng ta." Sharp, chỉ huy hải quân ở Thái Bình Dương từ 1964 cho tới 1968, kể cả Việt Nam: "Tôi muốn đảnh trúng kẻ thù ở nơi gây đầu cho họ: trong trái tim của miền Bắc Việt Nam."



(SAI-2)-SAIGON, April 13-FACES OF SORROW--The fence around the International Commission of Control and Supervision compound in Saigon frames Friday the faces of two widows whose soldier husbands were killed by enemy fire at Tong Le Chan. The ranger camp of about 400 troops has been surrounded by Communist forces for seven weeks and is under bombardment. The South Vietnamese reportedly asked the ICSS to investigate the fighting there but with no success. Tong Le Chan is about 50 miles north of Saigon. (AP Wirephoto via radio from Saigon) (14y6819)1973 (SEE AP AAÀ Wire Story)

Faces Of Sorrow

APR 13 1973

The fence around the International Commission of Control and Supervision compound in Saigon frames the faces of two widows whose soldier husbands were killed by enemy fire at Tong Le Chan. The ranger camp of about 400 troops has been surrounded by

Communist forces for seven weeks and is under bombardment. The South Vietnamese reportedly asked the commission to investigate the fighting there but with no success. Tong Le Chan is about 50 miles north of Saigon.

Vietnam War 1973 - Faces of Sorrow - Press Photo - (13/4/1973) Phía sau hàng rào xung quanh trụ sở UB Quốc tế Kiểm soát Ngừng bắn tại SG là khuôn mặt của hai quả phụ có chồng bị tử thương vì hỏa lực quân địch tại Tổng Lê Chân. Trại BÐQ của khoảng 400 binh sĩ này đã bị các lực lượng cộng sản bao vây và bắn phá trong 7 tuần lễ. Phía Nam VN đã nhiều lần yêu cầu Ủy ban điều tra vụ việc ở đó, nhưng đã không đòc đảp ứng. Tổng Lê Chân cách Sài Gòn khoảng 50 dặm về phía bắc. (AP)

Ông ấy hẳn là vẫn chưa nhận ra: nước Mỹ không phải thất bại trước một đầt nước có dân cư tập trung, công nghiệp hóa cao đò, có thể sẽ cúi mình khuất phục khi bị bỏ bom liên tục, mà là trước một đòì thủ một phần chiến đầu trong những bộ pyjama màu đen, đòc trang bị vũ khí nhẹ và mãi cho tới giai đòạn cuối của cuộc chiến mới đén trong xe tăng. Ưu thế không quân của Mỹ. hàng ngàn chiếc trực thăng – tất cả những điều đó đều vô dụng trước những lực lượng địch quân vô hình trên xe đầp, trong các hệ thống đòng hầm và trong rừng rậm. Ngay tới những loại vũ khí kỳ diệu như "máy ngửi hơi người" của Mỹ cũng không thể xác đònh đòc vị trí của kẻ địch. "Charlie", người Việt Cộng trung bình, khôn ngoan hơn là cỗ máy giết người của Lầu Năm Góc.

Đại tá Harry Summers, người giảng dạy tại "War College" thân cận với Washington, một học viện dành cho cấp chỉ huy của quân đội Mỹ, tin là đã có thể nhớ lại: "Quân đội của chúng ta chưa từng bao giờ bị bại trận trên chiến trường." Vị sĩ quan này phân tích trong quyển sách "On Strategy" của mình: "Trong tất cả các trận đánh, các đơn vị của Việt Cộng và Bắc Việt đều bị đẩy lùi với tổn thất nặng." Nhưng cuối cùng thì mặc cho tất cả những điều đó: "Người chiến thắng" là những người bị đánh thua, những người bị đẩy bật lại đã tiến tới. "Nếu như tất cả họ đều biết cách tiến hành cuộc chiến như vậy là sai lầm thì tại sao họ lại không đứng dậy và tuyên bố rằng: tôi không tham gia nữa, không thể thắng cuộc chiến này được?" nghị sĩ Quốc Hội John McCain phê phán các chiến hữu Lầu Năm Góc, những người ngày nay chỉnh sửa các chiến bại của họ ở bàn giấy. Phi công máy bay chiến đấu McCain bị bắn rơi trên Việt Nam và đã bị bắt giam năm năm rưỡi.



*Phi công hải quân John McCain, phải, với thành viên của phi đội (khoảng 1965). Hình: AP Photo*

Vì vậy mà ông không biết rằng cuộc chiến xa xôi đó cũng đã dẫn lên tâm trạng của những người dân thường ở quê nhà như thế nào – với bạo lực và kinh hoàng của truyền hình trực tiếp từ lò mổ; chỉ là con người chết ở đó, không phải thú vật, đó là những người đồng hương, không phải là người lạ trong các chương trình truyền hình về Việt Nam mỗi tối. Cả đó cũng là một bài học: khi quân đội của Reagan đổ bộ lên hòn đảo Grenada ở vùng Caribbean, phóng viên không được phép đi cùng – một điều mới trong lịch sử quân sự Mỹ.

Ngược lại, từ 1965 cho tới 1975, các công ty truyền hình Hoa Kỳ đã phát tròn 4000 tư liệu về Việt Nam – hình ảnh những người lính Mỹ không toàn thân, những ngôi làng bị bỏ bom, những cánh rừng rụng lá. Việt Nam thống trị trên các tíu báo và những trang ảnh: túi nhựa trên các bãi chiến trường để mang xác chết về, quan tài của những người đã ngã xuống trong những chiếc máy bay vận tải, tang lễ trên Nghĩa trang Quốc gia Arlington. Một từ ngữ Việt Nam rơi vào trong vốn từ vựng thông dụng Mỹ như một quả đạn pháo: "Body Count", "đếm xác chết".

Cứ với mỗi một thống kê liệt sĩ mới, sự chống đối ở quê hương lại tăng lên thêm. Năm 1964 còn có 43 phần trăm cho rằng cuộc Chiến tranh Việt Nam là một hoạt động chính đáng của nước Mỹ; năm 1975 cuối cùng chỉ còn có 20 phần trăm. Trong số 7,5 triệu người lính Mỹ phục vụ trong quân đội Mỹ trong thập niên Việt Nam, có 550.000 đào ngũ, nhiều hơn toàn bộ lính của quân đội Đức 55.000 người.



*Biểu tình chống Chiến tranh Việt Nam tại New York City ngày 27 tháng Tư 1968. Hình: AP Photo.*

Để bảo vệ tổng thống, xe buýt thành phố được tập trung lại quanh Tòa Nhà Trắng thành một thành trì bằng ô tô. Hàng chục ngàn, hàng trăm ngàn người biểu tình phản đối tại các Love-in và Sit-in ở Washington. "Chiến tranh Việt Nam và phản chiến ít nhất thì cũng đã là những chất xúc tác cho các biến động và thay đổi của xã hội trong cuối những năm 60 và đầu những năm 70", nhà xã hội học John Wheeler phán xét trong quyển sách "Touched With Fire" của ông.

Các quy tắc cũ bị sử dụng hết trong Chiến tranh Việt Nam, và có thể nói là cuộc chiến đã đi vào trong nước – "quen thuộc với bạo lực", những nhà tâm lý xã hội học đã gọi những gì diễn

ra tiếp theo là như vậy: sau vụ ám sát Martin Luther King, người da đen đấu tranh cho quyền công dân, các khu nhà ổ chuột của Mỹ đã bốc cháy trong năm 1967. Không còn gì như xưa nữa.

Người xuất bản Theodore White cảm nhận sự giảm sút niềm tin vào các chính trị gia và chính phủ của họ như là "hệ quả tồi tệ nhất của xung đột Việt Nam". Nước Mỹ, thường không mang tính chỉ trích cho tới thời Việt Nam, đã bước tới rìa của một lần suy sụp tâm thần. Thật không có gì để đáng ngạc nhiên – cuộc chiến cũng đến như là một cú sốc về văn hóa:

Gần ba triệu lính Mỹ, trung bình 19,2 tuổi, được cử sang Đông Nam Á, người da đen từ những khu ổ chuột, thanh niên từ những nông trại ở Iowa hay từ những nhà máy ô tô ở Detroit. Với một vài giờ máy bay, từ những quán gà nướng và rạp chiếu bóng drive-in trong môi trường quê hương, họ rơi vào trong một thế giới xa lạ. Rượu và những mũi kim ma túy đã giải phóng họ – tạm thời – khỏi nỗi lo sợ mình, sợ lính bắn tỉa của Việt Cộng, sợ chuột, những con vật ăn mất khẩu phần trong hầm của họ.

Những người lính Mỹ này, theo cựu phóng viên "New York Times" Seymour Hersh, người đã phát hiện ra vụ thảm sát Mỹ Lai, "cuối cùng cũng là nạn nhân như những người mà họ có nhiệm vụ phải giết chết". Khi họ trở về nhà từ những trận đánh, họ không nhận được một lời cảm ơn, không có bông giấy bay trên những cuộc diễu hành mừng chiến thắng như sau Đệ nhị Thế chiến. Người dân muốn quên đi cuộc Chiến tranh Việt Nam và trong lúc đó cũng quên đi các cựu chiến binh của họ. So với yêu cầu Mỹ, ở nước ngoài phải là một người anh hùng, thì họ đã thất bại.

Vì vậy mà các cựu chiến binh Việt Nam trước hết là tìm đến cộng đồng của những người cùng số phận, không giao thiệp với người khác. Họ đã liên kết lại trong các tổ chức như "Vietnam Veterans of America" hay "Cha mẹ của những đứa bé nhiễm chất độc màu da cam". Không xa đài kỷ niệm Việt Nam ở Washington, sáu cựu chiến binh đã cắm một chiếc lều màu xanh nhạt từ Giáng Sinh 1982. Họ tự hiểu mình là "đội lính canh danh dự" để nhắc nhở tới hơn 4700 người lính mất tích.

Tên của họ tuy đã được khắc vào tảng đá hoa cương của đài kỷ niệm Việt Nam, nhưng chúng được đánh dấu chữ thập, một chữ thập của hy vọng. "Có thể", người cựu chiến binh đang đứng canh tin như vậy, người cũng như các chiến hữu của ông tồn tại nhờ vào tiền quyên góp, "là có ai đó còn sống. Vâng, thật ra thì tôi chắc chắn là còn có người sống sót", ông nói, giống như tự tạo can đảm cho chính mình.

Túp lều được bao quanh bởi nhiều vật kỷ niệm: giày lính cũ, áo chống đạn, mặt nạ phòng hơi độc, nón. Hai cái lồng bằng tre nhắc cho người ta nhớ rằng các phi công bị bắn rơi trên bầu trời Việt Nam đã bị kẻ địch giam giữ như thế nào. Trước quây của các cựu chiến binh vẫn còn có lá cờ Nam Việt Nam – màu vàng với ba sọc đỏ. "Đó đã là đồng minh của chúng tôi", người cựu chiến binh trung thành giải thích, "họ vẫn là đồng minh." Nhưng như thế nào: viên tổng tham mưu trưởng cuối cùng của Việt Nam nhiều năm trời đã là trưởng bồi bàn trong một quán cá Hy Lạp ở Yorktown.

Người xét lại Ronald Reagan đã lôi các cựu chiến binh ra khỏi sự cô lập; trong tháng Năm năm ngoái, hài cốt không còn có thể xác định sanh tính được của một tử sĩ Việt Nam đã được



chôn cất giữa các ngôi mộ của người lính vô danh từ Đệ nhị Thế chiến và Triều Tiên trong Nghĩa trang Quốc gia Arlington.



*Tổng thống Reagan đặt vòng hoa tại quan tài của người chiến sĩ vô danh.*

Người tổng thống bước lại gần quan tài và tuyên bố với quốc gia, một người anh hùng Mỹ đã trở về nhà: "Anh hiện thân cho trái tim, tâm hồn, tinh thần của Mỹ."

Nhưng chủ nghĩa anh hùng sáo mòn đó, cái mà người tổng thống muốn phủ lên cho cuộc chiến, sẽ không thể đứng vững được trước tưởng nhớ lịch sử chính xác của những người lính đã sống sót qua Việt Nam, có thể lành lặn về thân xác, nhưng không lành lặn trong tâm hồn. Thượng nghị sĩ Kerry chẳng hạn, người đã từng chỉ huy các tàu tuần tra, nhớ lại lần trở về nước: "Lúc đó, tôi vừa mới ở trong rừng ra được một tuần và ngồi trong máy bay từ San Francisco tới New York. Tôi thiếp ngủ và la hét bất tỉnh dậy. Có lẽ là một ác mộng. Những người hành khách khác tránh xa tôi ra." Kerry vẫn còn cay đắng cho tới ngày hôm nay: "Đất nước này không hề quan tâm tới những người thanh niên trở về và cũng không quan tâm tới những gì họ đã trải qua. Thái độ là: tránh xa ra, đừng lây nhiễm Việt Nam cho chúng tôi."

Thật sự là hàng trăm ngàn người (có những ước đoán y học đưa ra con số cho tới một triệu) đã mang bệnh – lâu dài: các cựu quân nhân mắc chứng "Post-traumatic Stress Disorder" (PTSD), chứng rối loạn căng thẳng hậu chấn thương tâm lý.

Các cựu chiến binh bị rối loạn này có cảm giác sợ hãi và bị trầm cảm. Họ khó tập trung và chậm về tâm thần vận. Họ có cảm giác bị cô lập, vô dụng và vô giá trị, đôi lúc có cảm giác bị

đe dọa. Có người không thể ngủ được nếu như không có vũ khí ở cạnh giường hay dưới gối. Thường họ không thể kiểm soát được những cơn giận dữ của họ.

Những người lính trong Đệ nhất và Đệ nhị Thế chiến cũng bị sốc đạn pháo, bị căng thẳng lúc chiến đấu và bị những căn bệnh về thần kinh tâm lý. Nhưng Việt Nam thì khác. Ở đó, các bệnh stress của những người lính Mỹ không tăng lên với cường độ của các trận đánh (như trong những cuộc chiến trước đây). Có những người lính mà mãi nhiều tháng hay nhiều năm sau khi giải ngũ, hội chứng stress mới bộc lộ ở họ, giống như được khởi động bởi một kíp nổ chậm.

Một giải thích của giới y học: Thời gian phục vụ ở Việt Nam của lính Mỹ được giới hạn mỗi lần mười hai tháng. Sau thời gian huấn luyện cơ bản, họ không – như trong Đệ nhị Thế chiến – ra chiến trường như một đơn vị mà tới một mình, như là một nhóm người được gom lại một cách ngẫu nhiên để bổ sung cho lực lượng này hay lực lượng khác, những người chỉ thật sự quen nhau trong các trận đánh.



*Biểu tình chống chiến tranh ở Frankfurt, Đức, tháng Hai 1967.*

Nhiều người lính, trong Đệ nhị Thế chiến có khi cùng nhau phục vụ ngoài chiến trường nhiều năm trời, ngược lại cùng sống với đơn vị của họ hàng tuần hay hàng tháng trên những con tàu chở họ tới vùng hành quân hay trở về nhà. Trong thời gian của những chuyến đi kéo dài đó, theo một nghiên cứu, "những người đàn ông này mang lại cho nhau sự giúp đỡ và che chở cần thiết về tình cảm, để vượt qua được những giai đoạn chấn thương tâm thần mà họ đã cùng nhau trải qua."

Nhưng các chiến binh Việt Nam trở về New York, Chicago hay Miami từ đồng ruộng trên chiếc máy bay phản lực – một mình với những tưởng nhớ, những cơn ác mộng, những cảm giác tội lỗi, có thể còn nghiện ma túy, nghiện rượu, chắc chắn là thất nghiệp.

"Chính phủ đã huấn luyện một đội ngũ chó dữ thật tốt", nhà tâm lý học Sheldon Zigelbaum ở Boston phân tích. "Nhưng họ không thể cứ đơn giản là thả chúng ra mà không lập trình lại trước đó." Họ đã có thể.

Larry Webster, được tặng thưởng vì "dũng cảm trước địch quân" ở Việt Nam, đang chờ lần tử hình của mình trong nhà tù San Quentin. Rượu, ma túy, trộm cắp, không có nơi cư trú nhất định, không có việc làm, cuộc sống của anh đã phát triển như vậy sau khi đi lính ở Việt Nam. Cuối cùng là đâm dao tại một lần nhậu nhẹt. Một người chết, ra tòa vì cướp của giết người, bản án. "Nam đã mang tôi vào đây", Webster nói, "lỗi tại Nam."

Cựu phi công máy bay trực thăng Robert Mason, mà tưởng nhớ về Việt Nam "Chickenhawk" của ông đã được nhà xuất bản Viking Press ở New York bán hơn 350.000 ấn bản ("Khi chúng tôi có thời gian và yên tĩnh, chúng tôi chuyên chờ tử sĩ. Họ có ưu tiên thấp, vì họ không còn phải vội nữa"), đã bị tuyên án năm năm tù vì buôn lậu cần sa.

Hàng ngàn cựu chiến binh phạm pháp như Mason không thể vứt bỏ được ký ức của họ, cũng giống như những người mà bệnh tật của họ không còn có thể chữa lành được nữa: 42.771 cựu chiến binh bị rối loạn thị giác từ khi đi lính ở Việt Nam. 2960 người lính đã mù hoàn toàn. 4662 chiến binh Việt Nam bị què cụt đôi, 20956 mất một tay một chân. 3266 chiến binh sống lây lất từ hơn một thập niên nay trong các bệnh viện tâm thần hay bệnh viện thông thường. Họ đã những trường hợp không còn có thể tự lực được nữa, cần phải được chăm sóc 24 giờ liền. Hai chục cựu quân nhân này tồn tại mà không có tay, không có chân, những trường hợp bị cắt cụt tới cực độ.

Hầu như ngày nào báo chí cũng tường thuật về những cuộc thương lượng giữa các cựu chiến binh Việt Nam và luật sư của nhiều tập đoàn hóa học đã sản xuất hóa chất "Agent Orange", chất mà quân đội Mỹ đã phun trên 48 triệu lít để làm rụng lá rừng Việt Nam.

"Agent Orange" được cho là gây ung thư, hóa chất này phá hủy thần kinh và gan. Không chỉ lính Mỹ hoạt động trong những vùng bị phun thuốc mà cả con cái của họ ngày nay cũng bị ảnh hưởng. Hàng trăm người bị tật nguyền từ lúc mới sinh ra, một thập niên sau lần phục vụ ở Việt Nam của cha họ.

Các tập đoàn hóa học, chối bỏ mọi tội lỗi, đưa ra 190 triệu dollar cho các cựu chiến binh. Thân nhân của 3000 cựu chiến binh đã qua đời và 7000 người với những tổn thương vĩnh viễn, ở mức độ cao, nhận được tối đa là 25.000 dollar tiền mặt mỗi người. Số tiền còn lại có lẽ sẽ được đưa vào một quỹ từ thiện dành cho các bệnh nhân của "Agent Orange".

Một trong số các bệnh nhân: Elmo Zumwalt III. Ông mắc bệnh ung thư bạch huyết tuyến. mặc dầu cả con trai là Russell cũng bị tật nguyền ngay từ lúc mới sinh, cựu chiến binh Zumwalt không yêu cầu bồi thường thiệt hại. Cha ông, Elmo Zumwalt II "thời đó" là đô đốc. Ông ấy đã ủng hộ việc sử dụng hoá chất này trong vùng mà Zumwalt III đã phục vụ ở Việt Nam.

Người cựu đô đốc tin rằng: "Ngay cả khi có thể chứng minh được một mối liên quan giữa 'Agent Orange' và các căn bệnh đó thì tôi phải đi tới kết luận, rằng nhiều người đã thoát được 'Agent Orange', có thể là cả con trai tôi." Thoát được, nhưng không được dung tha cho.

Nhưng có lẽ cũng cần tới lần chuyển sang tâm trạng anh hùng hóa này, lòng nhiệt tình muôn về Việt Nam của Ronald Reagan, để mà cả mặt tối của những trải nghiệm Việt Nam cũng được đưa ra:

Từ nhiều tuần nay, "Tracers", đạn lửa, một vở kịch do cựu chiến binh Việt Nam viết, cựu lính Mỹ đóng, trong nhà hát "Susan Stein Shiva" ở New York, đã bán hết vé. Được ghi nhận lại trên sân khấu là sự biến đổi mà những người dân thường bị đẩy vào bộ quân phục đã trải qua ở Việt Nam.

Trong một cảnh diễn, nhiều lính Mỹ muốn thuyết phục một chiến hữu hút một "joint". Người này chống đỡ: "Tôi chưa từng hút cần sa bao giờ." Trả lời: "Trước Việt Nam thì mày cũng chưa từng bắn chết ai bao giờ."

Mãi cho tới những vở kịch như "Tracers", phim như "Coming Home" mà trong đó sự khốn cùng của các phé binh trở về nhà được ghi lại, hay "Deer Hunter", mà trong đó một người chết, người thứ hai bị tàn phế trong số ba người bạn được cử đi Việt Nam, thì thảm họa hậu chiến tranh thật mới được mang trở vào nhận thức.



*Một cảnh trong kịch "Tracers"*

"Dân dân và với khoảng cách đủ xa", David Fuhrmann, lãnh đạo "khóa học Việt Nam" ở "Johns Hopkins University School of Advanced International Studies" tại Washington, tin như vậy, thì rồi "một đánh giá lịch sử chiến tranh mang ít xúc cảm hơn, khách quan hơn" cũng sẽ có thể.

Trước đây hai năm, chỉ có tròn hai chục trong số hàng ngàn đại học và trường college Mỹ mở khóa học về đề tài Việt Nam. Hiện nay thì là nhiều trăm. Như ở University of California tại Santa Barbara, 900 trong số 15.000 sinh viên trong học kỳ này đang theo học khóa "Việt Nam và tôn giáo Mỹ - ảnh hưởng của đất nước này lên cuộc sống xã hội, văn hóa và tín ngưỡng Mỹ".

Một vài giáo sư làm việc trong giờ giảng dạy với loạt phim "Vietnam: A Television History" gồm 13 tập do "Public Broadcast" phát sóng năm 1983. Những người khác để cho người Việt ty nạn tường thuật về cuộc chiến hay để cho sĩ quan và những người phản chiến tranh luận về thảm kịch Việt Nam.

Thế nhưng phần lớn các học sinh sinh ra đời trong thập niên Chiến tranh Việt Nam lại trả lời những câu hỏi về Chiến tranh Việt Nam một cách hết sức ngây thơ: Mỹ Lai? "Chưa từng nghe." Trận tấn công Tết [Mậu Thân]? "Chống ai?" Hồ Chí Minh? "Món cơm ăn à?" Hiểu biết của họ bị giới hạn ở những điều hết sức tầm thường: "Ở Việt Nam, chúng ta đã chiến đấu chống lại cộng sản. Người cộng sản là cái xấu. Tức cuộc chiến là đúng lý."

Với một mức hiểu biết như thế, sử gia Schlesinger lo ngại, "thế giới quan của Ronald Reagan tất nhiên sẽ ập vào nhiều người Mỹ trẻ tuổi". Trông có vẻ gần như thế rồi: Trong Chiến tranh Việt Nam, hầu như không một sĩ quan tuyển mộ nào của quân đội có thể bước vào – mà không bị nguy hiểm – khuôn viên của một trường đại học trong bộ quân phục. Điều đó đã thay đổi. Trong giới trẻ, quân đội lại được ưa chuộng trở lại.

Trước đây một thập niên, lính mới của học viện quân đội West Point trong bang New York hầu như không dám đi chơi tới vùng đất đẹp như tranh vẽ của Hudson River. Năm 1968, những người được tuyển mộ không đủ cho tất cả các lớp học nữa. Ngày nay, West Point ghi nhận hàng năm 14000 người xin học. Trong số đó, 1400 người được nhận.

Tuy vậy, một quan điểm West Point thống nhất về lần tham chiến ở Đông Nam Á không tồn tại trong ngôi trường danh tiếng này. Đại úy William Betson, một trong số những người thầy "Việt Nam": "có 55 sĩ quan dạy về lịch sử ở đây, và người nào cũng có ý kiến riêng của người đó."

Những người giảng dạy, đa số là đại úy và thiếu tá, đã không phục vụ ở Việt Nam. Chỉ huy của họ, ví dụ như đại tá John Yeagley, người đã ở Việt Nam một năm, tin chắc rằng: "Những người mới được tuyển lựa quan tâm tới Đệ nhị Thế chiến nhiều hơn là tới Việt Nam."

Trong khi đó thì thế hệ trẻ của quân đội có đủ mọi lý do để rút ra những bài học từ thảm bại Việt Nam. Vì thêm một lần nữa, nhiều trăm cố vấn Mỹ lại đứng trong rừng rậm. Thay vì Việt Nam thì lần này là Trung Mỹ.



Thêm một lần nữa, nhân viên CIA lại tiến lên với dollar và vũ khí, để theo mệnh lệnh của tổng thống mà "giúp đỡ" một dân tộc xa lạ, những người theo quan điểm của tổng thống là "bị áp đặt một chế độ độc tài cộng sản bằng bạo lực, lừa dối và gian lận".

Thuộc phần của CIA ở Việt Nam là chiến dịch "Phượng Hoàng" một chiến dịch giết người với hơn 10000 nạn nhân. Nhưng có lẽ chính hồi ức về những trang đen tối nhất này của Chiến tranh Việt Nam đã khiến cho 70 phần trăm người Mỹ từ chối tham gia vào một cố gắng đảo chính ở Nicaragua.

Từ nhiều tuần nay, Quốc Hội đã chống lại việc tiếp tục giúp đỡ tài chính cho "Contras", những người được chính phủ Reagan giao phó cho nhiệm vụ đại diện cho lính Mỹ chiến đấu chống lại chính quyền Managua. Khoảng 20 trong số 435 nghị sĩ là cựu chiến binh Việt Nam, 3 trong số 100 thượng nghị Sĩ đã chiến đấu ở Đông Nam Á. Thượng nghị sĩ Kerry: "Quốc Hội đã trở nên hết sức nhạy cảm đối với những cuộc phiêu lưu tiếp theo sau đó."

"Chúng tôi, như là quốc gia, đã học được một điều gì đó ở Việt Nam", tác giả Seymour Hersh nói: "Chúng tôi không còn nhanh chóng đặt ngón tay vào cò súng nữa. Dường như chúng tôi đã nhận ra rằng không thể chiến thắng được chiến tranh chỉ với xe tăng và pháo binh."

Cuộc chiến ở Việt Nam đã thất bại ngay từ đầu. Đó là điều mà cho tới ngày nay người ta vẫn còn chưa chấp nhận. Nước Mỹ vẫn còn đi tìm ý nghĩa: Có điều gì đó đã không thành, có điều gì đó không đúng, có điều gì đó còn thiếu cho tới ngày hôm nay, để trả lời mãi mãi cho câu hỏi đó từ ngọn đồi thịt bằm: "Việt Nam – có đáng giá như thế không?"

Phan Ba dịch từ báo Der Spiegel số 16/1985:

<http://www.spiegel.de/spiegel/print/d-13512807.html>

## Mười năm sau chiến tranh: Cả người chết cũng bị lừa

**Tiziano Terzani**

**Phan Ba dịch từ báo Der Spiegel, số 18/1985**

*Lời người dịch: Tiziano Terzani (1938 – 2004) là một nhà báo, nhà văn người Ý. Ông đã tường thuật 30 năm liền từ châu Á cho tuần báo Der Spiegel, là một trong những phóng viên nổi tiếng ở Đông và Đông Nam Á. Tiziano Terzani là một người có cảm tình với Việt Cộng. Ông đã từng vào rừng sống chung với Việt Cộng. Tháng 4 năm 1975, ông là một trong số ít nhà báo đã ở lại Sài Gòn, nhân chứng của thời điểm lịch sử đó. "Tôi đã rơi nước mắt", Terzani nhớ lại. Bài báo này do ông viết nhân dịp kỷ niệm mười năm kết thúc cuộc Chiến tranh Việt Nam.*



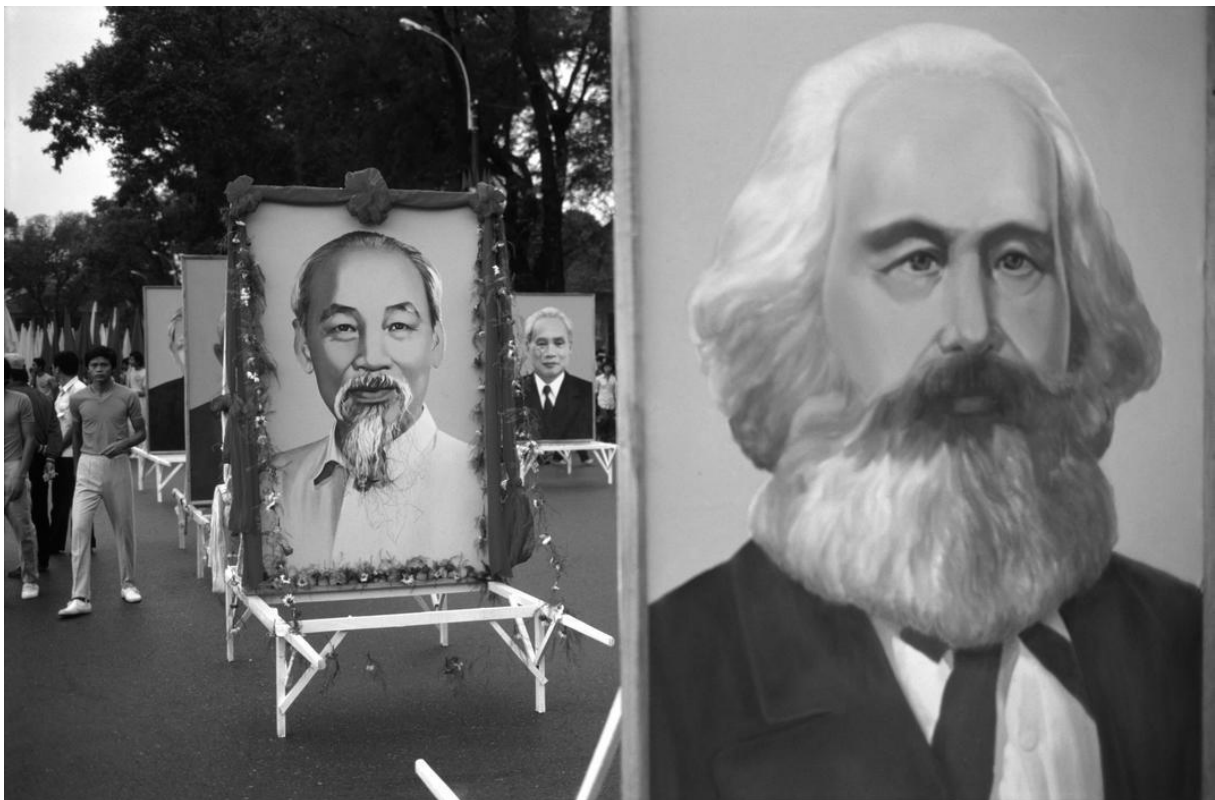
*Tiziano Terzani (phải) đi cùng với xe tăng quân đội Bắc Việt trên đường Tự Do của Sài Gòn vào ngày 30 tháng Tư năm 1975. Hình: Tư liệu Terzani*

Người dân trông mạnh khỏe và vui tươi, họ mặc quần áo chỉnh tề – nhưng chỉ trên các tấm áp phích. Dưới hàng trăm bức hình tưởng tượng khổng lồ nhiều màu đỏ của công nhân, quân nhân và trẻ em, những người kiên quyết hay mỉm cười nhìn lên bầu trời, là từng ấy con người thật, đói ăn, rách rưới, ốm yếu, dơ dáy nhìn xuống mặt đất. Họ tìm một mẩu thuốc lá thừa, một mảnh giấy hay một cái gì đó ăn được.

Sài Gòn kỷ niệm mười năm chiến thắng của tháng Tư 1975: công sở được quét vôi mới, người bắt đồng chính kiến bị bắt giam, ăn mày trên các con đường chính của trung tâm bị đẩy vào một trại ở ngoại ô thành phố, để họ dùng làm đờ bản hình ảnh chiến đấu của Sài Gòn trước đây, Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay. Nhưng không gì có thể che đậy được sự chán ngán trên các gương mặt của đại đa số 3,5 triệu dân cư của nó.

"Đó là chiến thắng của họ, không phải của chúng tôi", một người Sài Gòn thì thào nói với con người xa lạ. "Đối với chúng tôi thì lễ kỷ niệm này chỉ có nghĩa là bắt bớ và cúp điện. Họ cần điện để chiếu sáng chân dung của bác Hồ."

"Họ" và "chúng tôi" – mười năm sau cuộc chiến, sự chia rẽ giữa người chiến thắng và người thua trận cũng vẫn còn không thể vượt qua được.



*Chân dung các anh hùng của Chủ nghĩa Xã hội trong buổi kỷ niệm mười năm ngày chiến thắng. Hình: Philip Jones Griffiths*

Trước đây mười năm, khi những chiếc xe tăng đầy bụi bặm với lá cờ Việt Cộng chạy ngang qua tòa Đại sứ quán Mỹ tiến tới dinh thự của tổng thống Thiệu bại trận, khi những người lính du kích đầu tiên, gầy gò, rụt rè, trẻ tuổi, kéo xuống đường Tự Do, con số ít ỏi của những người ngoại quốc có mặt trong lúc đó đã khóc vì mừng rỡ: một cuộc chiến tranh tàn bạo đã chấm dứt, Việt Nam dường như đã giành lại được độc lập, một dân tộc tái thống nhất bây giờ sẽ có hòa bình và công lý – thời đó chúng tôi tin là như vậy.

Hòa bình đã không trở lại với Đông Dương. Hàng trăm người Việt trẻ tuổi đã hy sinh trên các chiến trường Campuchia. Không có công lý, nếu như công lý khác với việc lật đổ một xã hội và thay thế một chế độ độc tài bằng một chế độ độc tài khác. Người Sài Gòn, rõ ràng là như



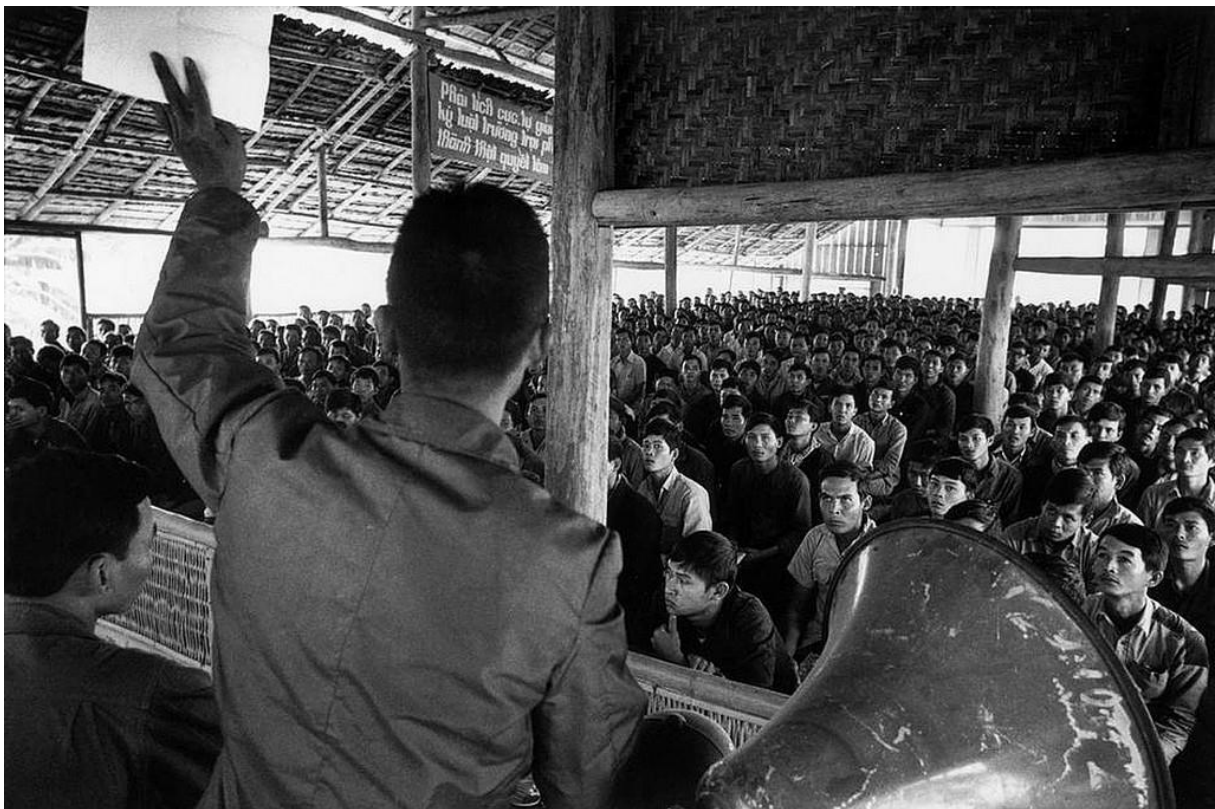
vậy, ngày nay sống tồi tệ hơn, phải chịu đựng tình trạng thiếu năng lực và tham nhũng nhiều hơn, sợ cảnh sát nhiều hơn là trước kia.

"Cách mạng đã không thực hiện bất cứ lời hứa nào của họ", một người bạn nói. "Ngay cả người chết cũng bị lừa." Trên nghĩa trang cũ ở Biên Hòa, nơi nhiều người lính Việt Nam hy sinh trong cuộc chiến chống cộng sản được chôn cất ở đó, phần lớn các ngôi mộ đã bị xe ủi đất san phẳng – mặc dù chế độ mới đã tạo một nghĩa trang riêng cho những người anh hùng đã hy sinh cho cuộc cách mạng.

Đối với người sống, lời hứa hòa giải dân tộc còn được thực hiện ít hơn như thế nữa.

Trong tháng Năm 1975, một sĩ quan từ quân đội của Thiệu được lệnh đi "học tập cải tạo". Ông mang theo mũm, bàn chải đánh răng và gạo cho 30 ngày đi trình diện; và ông cũng như tôi tin rằng sau 30 ngày ông thật sự sẽ trở về.

"Nào phải 30 ngày! Thành 3289 ngày", bây giờ ông nói; ông còn có may mắn. Nhiều người lính, sĩ quan và nhân viên trước kia của chính quyền bại trận đã chết trong các trại cải tạo. Nhiều người vẫn còn ở trong những trại trong rừng đó, những trại mà các quan chức cộng sản ngày nay trong những khoảnh khắc bất cẩn đã gọi chúng là "trại tập trung".



*Một lớp học tập cải tạo tại Tây Ninh, 1976. Hình: Marc Riboud*

Còn bao nhiêu người Việt Nam bị giam cầm ở đó? Chính phủ đưa ra con số 7000. Có người ước đoán tới 100.000. Trong năm 1975, chế độ mới hứa hẹn cho mỗi một người Việt Nam một nhiệm vụ trong cuộc tái xây dựng đất nước đã bị tàn phá này. Ngày nay, hàng ngàn người trở về từ những trại cải tạo đó đều không có một cơ hội nào.

Cái tội lỗi thuộc về một "chế độ bù nhìn" là không thể rửa sạch được. Còn ngược lại, nó giống như một căn bệnh được di truyền từ cha sang con: không có công việc làm cho những "tên bù nhìn", không có chỗ cho con của họ trong các trường trung học hay đại học.

Trong khi nhân viên cộng sản, toàn bộ đều từ miền Bắc, dọn vào ở trong các khu biệt thự và nhà riêng của giới thượng lưu Sài Gòn cũ thì xã hội Việt Nam bị quăng ra đường phố và lang thang vất vưởng khốn khổ ở đó như một bộ tộc đi lạc, bị nguyên rửa phải tuyệt chủng.

Sau chiến thắng của họ ở Campuchia, tên cộng sản thời đồ đá Pol Pot và Khmer Đỏ đã phân người dân của họ ra thành hai loại: những người dân đã sống dưới sự thống trị của cộng sản trước 1975, vì vậy mà có thể tin tưởng được; và những người kia, những người đã không được hưởng lợi thế này, tức là phải chiến đấu chống lại hay còn phải tiệt trừ hoàn toàn nữa. "Những gì diễn ra ở đây trong Việt Nam cũng giống như Pol Pot quay chậm", một người bạn ở Sài Gòn nói.

"Chúng tôi đã chết rồi, nhưng chúng tôi vẫn còn có thể bước đi. Tôi có cảm giác mình giống như một bóng ma từ một thời gian khác", một phi công trước đây của không quân nói, người có hơn tám năm trại cải tạo ở phía sau mình và bây giờ có nhà của mình ở trên một băng ghế do Lions Clubs tặng ở dưới tượng đài kỷ niệm Trần Hưng Đạo.



*Sài Gòn, Việt Nam 1985: Nghĩa trang máy bay ở phi trường Tân Sơn Nhất, một trong những phi trường bận rộn nhất của thế giới trước kia. Hình: Philip Jones Griffiths*

Sài Gòn vui sống ngày xưa đầy những bóng ma từ quá khứ như thế. Có thể nhìn thấy họ ở khắp nơi: tóc dài, quần áo dơ bẩn, nhiều người có vết thương hay ung nhọt không được băng bó, có người đi tha thân lạc lõng, những người khác làm các công việc khốn cùng: thiếu niên đi lang thang qua thành phố với một cái kẹp và bao tải, để nhặt giấy vụn và bao nilon. Người

trung niên với vẻ mặt trí thức dùng ống tiêm bơm mực mới vào những cây bút bi cũ. Những người khác ngồi cạnh một cái nón lính đổ đầy nước và vá xe đạp.

Ở Sài Gòn có 40.000 xe xích lô. Phần lớn người lái là lính và sĩ quan cũ. Họ ngủ trên những chiếc chiếu ở trước tòa nhà quốc hội cũ và ở cạnh những đài tưởng niệm của thành phố. Họ chui vào trong công sự có từ thời chiến tranh để tránh mưa. Họ thường xuất thân từ những gia đình xưa, khá giả, ở Sài Gòn và bây giờ thì thất nghiệp và vô gia cư, trở về từ "vùng kinh tế mới", nơi mà họ bị ép buộc phải đi tới đó.

Năm 1976, người ta có thể tới thăm một vùng kinh tế mới lớn ở phía bắc của thủ đô, nơi hàng ngàn gia đình Sài Gòn cần phải biến miền đất hoang vu thành đồng ruộng dưới ngọn cờ đỏ đang bay phấp phới. Không có nước lẫn cây cỏ. Sau mười năm cố gắng, cuộc thử nghiệm đó được tuyên bố là vô vọng, người dân chạy trốn trở về thành phố. Từ đó, không còn ai nói về vùng kinh tế mới nữa. Chế độ của miền Bắc không thành công trong việc lấy được thiện cảm của người dân miền Nam. Vì thế mà mười năm sau ngày giải phóng, hai Việt Nam vẫn còn sống thù địch và nghi ngờ bên cạnh nhau.

Mười năm này cũng không mang lại sự hòa thuận cho những gia đình bị cuộc nội chiến chia cắt, tái đoàn tụ qua giải phóng. "Người anh em cộng sản của tôi đã tố cáo tôi là tư sản để cướp tài sản của tôi", một người quen thuật lại, người trước kia đã từng sở hữu một quán ăn. "Khi tôi trở về sau ba năm ở trong tù, tường nhà tôi đầy lỗ vì hấn nghĩ rằng chúng tôi giàu lắm và đã cất dấu vàng, thứ mà hấn muốn tìm cho ra."



Sài Gòn, Việt Nam 1985: chờ mở cửa. Hình: Philip Jones Griffiths

Ở Sài Gòn, bất cứ chức vụ quan trọng nào trong hành chính đều nằm trong tay của người Việt từ miền Bắc – bắt đầu từ người cảnh sát đứng ở ngã tư và nhân viên bưu điện, người giám sát

việc bán tem thư. Đứng trước chính sách nhân sự này, người ta tự hỏi liệu chế độ cộng sản của miền Bắc có thật sự muốn hòa giải dân tộc hay không, điều mà họ đã hứa hẹn trước đây mười năm, hay là, thật lâu trước khi chiếm Sài Gòn, họ đã quyết định đánh giá toàn bộ người dân miền Nam là không thể tin tưởng được.

Người ta cũng tự hỏi, liệu Hà Nội có ý thật sự nghiêm chỉnh với việc "cải tạo" hay không, hay đó là một mưu kế để đánh đổ bộ máy quân sự và dân sự của chế độ trước đây chỉ với một cú đánh. Cuối cùng, người ta tự hỏi, rằng kế hoạch của những vùng kinh tế mới có thật sự xuất phát từ ý định tạo công việc làm mới cho dân cư thất nghiệp của thành phố hay không; hay đó là một biện pháp rẻ tiền thì nhiều hơn, để xua đuổi hàng ngàn gia đình Sài Gòn ra khỏi nhà ở của họ và trao chúng về cho các gia đình từ miền Bắc.

Thật sự là vào năm 1975, ở Nam Việt Nam có hàng ngàn kỹ sư, người tốt nghiệp đại học và người đã qua đào tạo sẵn sàng làm việc cho chế độ mới, rằng chế độ mới này đã khước từ sự cộng tác của họ: một sự lãng phí lòng nhiệt tình, khả năng và nhân tài hết sức to lớn.

Năm 1975, ở Sài Gòn có trên 2000 bác sĩ. 800 người đã ra đi với người Mỹ, phân nửa số người lúc đầu còn ở lại đã rời bỏ đất nước trong vòng mười năm vừa qua.

"Tôi không sợ nghèo khổ", một người nói, người đã chịu đựng được và không than phiền về việc từ năm 1975 không ai trong gia đình ông đã có thể mua được một cái áo mới. "Nhưng thật khó mà chịu đựng được cái cảm giác mình là người thừa." Ngày nay, ông kiếm tiền bằng cách dạy tiếng Anh cho người Việt đang chuẩn bị chạy trốn.

Trên một triệu người Việt đã rời bỏ đất nước của họ từ 1975, nhiều người đã liều tính mạng của họ trên biển như là "boat people". Cả cho tới ngày nay, hàng tháng trung bình có khoảng 2000 người Việt cố gắng bỏ trốn.

Mười năm sau chiến thắng của người cộng sản và thống nhất về mặt hình thức của Việt Nam, thất vọng nhiều nhất chính là các trí thức của miền Nam, những người đã chiến đấu chống chế độ của Thiệu trong Mặt trận Giải phóng hay có thiện cảm với họ và vì vậy mà bị truy nã.

"Tất cả những gì mà Mặt trận Giải phóng đã hứa hẹn thì đều bị Hà Nội hủy bỏ, kể cả chính Mặt trận Giải phóng", một thành viên trước kia của Việt Cộng than thở.

"Người cộng sản từ miền Bắc chỉ tin vào chính họ. Trong mắt họ, cả chúng tôi cũng là 'bù nhìn'", một nhà cách mạng nổi tiếng từ miền Nam nói, người đã chiến đấu cho Việt Cộng 29 năm trời.

Ngày nay, không ai trong số những người đã xuất hiện như là lãnh tụ của Việt Cộng trong cuộc chiến là còn có ảnh hưởng nữa. Bà Nguyễn Thị Bình, nữ bộ trưởng Bộ Ngoại giao duyên dáng của Việt Cộng, tuy là nữ bộ trưởng Bộ Giáo dục ở Hà Nội, nhưng được cho là "nữ bộ trưởng trình diễn cho người nước ngoài". Người ta cho rằng các quyết định là do hai người phó của bà đưa ra, những người thuộc Ban chấp hành Trung ương Đảng.

Ngay đến Trần Văn Trà, tướng Việt Cộng, người đã giải phóng Sài Gòn và cầm quyền vài năm, đã bị khóa miệng khi dám tranh cãi về phiên bản giải phóng của Hà Nội trong một quyển sách. Quyển sách đó đã bị cấm. Ngày nay, bốn nơi triển lãm chào mừng lần chiến

tháng năm 1975 với hình ảnh, tài liệu và vật kỷ niệm, những thứ mà các phái đoàn nước ngoài kính nể nhìn ngắm, cả một phái đoàn từ Cộng hòa Liên bang Đức nữa, mang huy hiệu với hàng chữ "Việt Nam là công việc của chúng tôi" ở trên ngực. Các vật triển lãm chỉ có nhiệm vụ chứng minh cho một điều: vai trò của Hà Nội thời đó và sự lãnh đạo của Đảng ngày nay.



Sài Gòn, tháng Tư 1985, lễ kỷ niệm kết thúc chiến tranh. Hình: Philip Jones Griffiths

Người ta ít nói về cuộc chiến tranh nhân dân khó khăn mà Việt Cộng đã tiến hành ở miền Nam. Ngày nay, hình ảnh tượng trưng cho lần giải phóng Sài Gòn là hình ảnh của chiếc xe tăng Bắc Việt đã đè bẹp chiếc cổng sắt dinh của Thiệu, thay cho hình ảnh của du kích quân nông dân Việt Cộng, người lập những chiếc bẫy bằng tre và tiến hành một cuộc chiến tranh quy mô nhỏ nhiều tổn thất ở hậu phương.

"Đó chính là lỗi của chúng tôi. Chúng tôi nghĩ rằng chúng tôi đã chiến đấu cho nền độc lập và thống nhất đất nước, nhưng thực tế là Hà Nội đã đấu tranh để nền độc tài cộng sản chiến thắng", bây giờ một linh mục Công giáo nói, người đã hoạt động tích cực trong giới đối lập chống Thiệu.

Năm 1975, chế độ ra vẻ sẵn sàng khoan dung cho tất cả các tôn giáo trong tương lai. Đường như họ đặc biệt nghiêng về phía những người Công giáo đã chiến đấu cho cuộc cách mạng. Không lâu sau khi giải phóng Sài Gòn, tờ nhật báo Công giáo "Tin Sáng" cũng đã được phát hành, còn được chính quyền giới thiệu nữa. Thiệu đã thất bại trong việc cho giết chết người chủ và phát hành tờ báo, Ngô Công Đức, rồi sau đó đã cấm tờ báo này.

Trước đây hai năm, tờ báo bị ngưng hoạt động. "Tờ báo đã hoàn thành nhiệm vụ lịch sử của nó", thủ tướng Phạm Văn Đồng bình luận ở Hà Nội.



Ngô Công Đức, một nhà trí thức lỗi lạc, đã trở về từ chốn lưu vong để phục vụ cho chế độ mới và giúp tái xây dựng, bây giờ vẽ tranh sơn mài để xuất khẩu. Cũng như tất cả mọi người Việt, ông cần một giấy phép đặc biệt nếu như muốn tiếp một người nước ngoài.

Dần dần, nhưng có hệ thống, người cộng sản đã gây khó khăn cho việc thực hành tín ngưỡng. Những người Công giáo chống đối cũng như các lãnh tụ của Hòa Hảo và Cao Đài đều bị bắt giam và khóa miệng, chùa Ân Quang nổi tiếng, trung tâm đối lập của Phật giáo chống Thiệu, bị giám sát nghiêm ngặt, người lãnh đạo về mặt tinh thần của nó, nhà sư Thích Trí Quang, bị quản thúc tại gia.

Bộ máy Đảng và hành chính của Bắc Việt Nam đã đứng vững ở miền Nam mà không gây ra nhiều chống đối. Trong những năm đầu tiên còn có những tổ kháng chiến vũ trang chống lại những người chủ mới. Một đài phát thanh bí mật còn giữ được hy vọng của một bước ngoặt trong một khoảng thời gian. Tất cả những điều đó đã qua rồi. Chế độ mới không còn gặp chống đối chủ động nữa. Con người đã chấp nhận sự việc, rằng họ phải đối phó với hệ thống này.



*Sài Gòn 1985 - Ngã tư Nguyễn Huệ - Ngô Đức Kế. Hình: Philip Jones Griffiths*

Một cảnh sát trên một trăm gia đình và một mạng lưới chỉ điểm khó nhận biết giữ người dân trong vòng kiểm soát, những người trước sau gì thì cũng phải cần giấy phép để đi lại hay qua đêm ở nhà bạn bè. "Công an" (an ninh công cộng) là tổ chức đáng sợ nhất đối với tất cả các người Việt.

"May là có thể mua được họ", một người buôn bán nói mỉa mai về các cảnh sát. Tất cả đều có giá của nó, từ thị thực xuất cảnh cho tới việc phân cho một chỗ làm.

Với một vài tờ tiền, người ta có thể tránh được nhiều hình phạt: một người đi xe đạp bị chặn lại vì không chú ý tới đèn đỏ nhét 20 đồng vào tay người cảnh sát. "Không, không", người này nói, "tôi phải nhìn thẳng vào mắt Bác Hồ." Người đi xe đạp hiểu và thay vì tờ 20 đồng, mà trên đó chỉ nhìn thấy ảnh chụp nghiêng của Hồ Chí Minh, đã đưa ra tờ 50 đồng, cái thể hiện hết gương mặt của ông ấy. Người cảnh sát cầm lấy.

Tham nhũng là lệ thường, không phải là trường hợp ngoại lệ. "Lênin nói rằng chủ nghĩa xã hội là quyền lực Xô viết cộng với điện khí hóa", một người bạn nói đùa. "Trong chế độ này thì nó là quyền lực công an cộng chợ đen."

Điều thường được chấp nhận, là mỗi người đều cố gắng để sống qua ngày, trong khả năng của người đó. Vì thế mà thầy giáo bán bánh cho học trò, lính lấy trộm xăng từ xe quân đội, nhân viên hải quan tận tâm ở phi trường tịch thu tất cả các băng video của người nhập cảnh: với lý do phải kiểm tra nội dung, thật ra là để tổ chức những buổi trình chiếu tư ở gần khách sạn Tong Binh. Giá vào cửa: 50 đồng một người.



Sài Gòn 1985 - Nghĩa trang máy bay ở phi trường Tân Sơn Nhất. Hình: Philip Jones Griffiths

Cán bộ Đảng đã du nhập thông tục của miền Bắc vào Nam, nuôi heo trong nhà ở của họ và cho chúng ăn bằng thức ăn gia súc của nhà nước.

Thành phố Sài Gòn thanh lịch của ngày xưa gặp heo như thế đó. Ở khắp những nơi có cán bộ sống, người ta nghe được tiếng heo kêu và đánh hơi, ngay cả tướng cao cấp của quân đội cũng chú ý tới việc có một con heo trong phòng khách của họ, khi họ mời khách đến nhà ăn tiệc: con vật phục vụ như là một lời giải thích cho mức sống cao đó, cái mức sống mà ngoài ra thì chỉ có thể xuất phát từ buôn bán ngoại tệ hay buôn thuốc phiện ở Lào và Campuchia.

"Năm 1975, tôi cho rằng chế độ mới hoặc là hồng hoặc là đỏ", một luật sư trước đây nói, người lúc đó đã từ chối không rời bỏ đất nước. "Tôi không bao giờ nghĩ rằng nó có thể là xám. Chế độ này đã lấy đi tất cả mọi niềm vui thích trong trái tim của chúng tôi. Đó là bi kịch của chúng tôi."

Danh tiếng của ưu thế về đạo đức, cái mà người cộng sản đã hưởng được ngay sau khi giải phóng, đã lu mờ khi người dân nhận ra được rằng "hành vi của họ được quyết định bởi lợi ích cá nhân, đạo đức của họ là đạo đức giả, và họ không bao giờ làm điều họ nói", theo một nữ sinh viên, người 18 tuổi vào ngày giải phóng.

Trong khi các cô gái bán dâm của Sài Gòn cũ vẫn còn bị cải tạo trong một trại thì Thành phố Hồ Chí Minh hiện giờ đã có gái bán dâm riêng mà vài người trong số đó còn tới từ Hà Nội nữa. Con số của họ tất nhiên là thích hợp với số khách đã giảm xuống, và hệ thống giá cả hoạt động khác với trước đây. Thay vì phải trả tiền cho người gác cổng thì bây giờ phải trả tiền cho các cảnh sát an ninh của khách sạn, "giá cả tăng với tầng lầu mà người ta muốn làm tình ở trên đó", một người khách thường xuyên của Sài Gòn nói.

Không thể không nhìn thấy sự khác biệt giữa những lời tuyên bố công khai của chế độ và hiện thực. Hệ thống chăm sóc sức khỏe tự nó là không mất tiền cho tất cả, nhưng thuốc chữa bệnh thì không có trong bệnh viện. "Ai muốn được mổ thì tốt nhất là nên mua trước thuốc gây mê và chỉ khâu trên thị trường chợ đen", một bác sĩ nói.

Trong kinh tế, người cộng sản đã phạm lỗi lầm lớn nhất của họ. Đầu tiên, họ đóng cửa tất cả các cửa hàng tư nhân và truy lùng các thương gia của khu phố người Hoa Chợ Lớn như là những kẻ đầu cơ. Nhưng rồi khi họ nhận ra là đất nước đã gần sụp đổ thì họ lại giảm áp lực và còn yêu cầu người Hoa lại hoạt động tích cực trở lại nữa.

"Xổ số, xổ số là hy vọng cuối cùng của chúng tôi", một người bán thuốc lá nói. Thay vì một lần trong một tuần, như vào thời của Thiệu, ngày nay Sài Gòn có ba cuộc xổ số một ngày. Hàng đoàn người trẻ tuổi đi bộ qua thành phố vào lúc sáng sớm với hàng cọc vé xổ số, mười đồng một tờ, giá độc đắc 100.000 đồng. Rồi cả thành phố bất động vào buổi chiều lúc năm giờ, khi các con số trúng được viết bằng phấn trắng trên các tấm bảng ở chợ và đường phố.

Người Việt Nam có thu nhập trên đầu người là 102 đô la Mỹ một năm. Nghèo khổ và không hài lòng ("Ngay cả Bộ Chính trị cũng không hài lòng", một quan chức Đảng nói đùa), cung cấp thiếu thốn triền miên và chiến tranh đã trở thành một phần của cuộc sống hàng ngày của người dân.

"Chúng tôi đã giành lại được nền độc lập của chúng tôi, chúng tôi đã thống nhất đất nước của chúng tôi, và bây giờ thì giống dân Việt cũng khai phá đất mới ở phương tây", một giáo sư từ Sài Gòn nói, người mang ấn tượng về các thành công quân sự của người cộng sản.

Viện cố muốn bảo vệ Lào, người Việt đóng 40.000 quân ở đó; viện cố giải phóng Campuchia ra khỏi chế độ độc tài của Pol Pot, họ có một đạo quân chiếm đóng gồm 180.000 người lính ở đó.

Nhờ vào sức chịu đựng riêng mà Việt Nam đã có được những thành công ở vẻ ngoài của nó, nhưng cũng nhờ vào một khả năng dùng thủ đoạn đáng ngạc nhiên: dưới áp lực của siêu



cường Hoa Kỳ, khi Trung Quốc ngừng giúp đỡ, Việt Nam đã ngã vào vòng tay của Moscow. Ngày nay, khi người Trung Quốc và người Nga lại tiến gần tới nhau, người Việt cố gắng tranh thủ sự giúp đỡ của Mỹ.



*Việt Nam 1985: Trại học tập cải tạo Z30D ở tỉnh Thuận Hải. Hình: Philip Jones Griffiths*

Trong lúc đó, họ khéo léo lợi dụng cảm giác có lỗi với Việt Nam của Mỹ – và tự thể hiện mình rất hào phóng. Nhân dịp kỷ niệm mười năm, trên 150 nhà báo Mỹ được mời vào trong nước cho một chuyến tham quan được điều khiển tốt và được giám sát kỹ lưỡng.

Đài truyền hình Mỹ NBC dự định truyền trực tiếp hàng ngày từ Sài Gòn trong tuần lễ kỷ niệm, qua một vệ tinh mà trạm mặt đất của nó được chở bằng máy bay tới. Đài cạnh tranh ABC cố gắng không thua kém với một vệ tinh do Xô viết sản xuất, nhưng vẫn còn chưa hoạt động được, Hoa Sen 2. "Người Nga phải làm sao cho nó phát tín hiệu", người Việt nói, "vấn đề là uy tín của phe xã hội chủ nghĩa."

Người Việt đã đòi những khoản tiền đáng ngạc nhiên từ người Mỹ cho những phóng sự về buổi lễ tung hô nổi nhục nhã của nước Mỹ: 100 dollar Mỹ mỗi ngày cho một phiên dịch viên, một cuộc phỏng vấn với một giám đốc nhà máy có giá 200, với phó của ông ấy là 100.

"Các anh đã quay máy bay ném bom MiG và xe tăng trong lúc chiến đấu, và các anh cũng biết giá xăng kia mà", sếp báo chí của chính phủ Hà Nội nói với một thông tin viên truyền hình Mỹ trước một hóa đơn trên 6000 dollar mà người này nhận được.

Khi Washington không bước đến đứng cạnh họ với trợ giúp kinh tế trong khuôn khổ rộng lớn, thì người Sài Gòn ở miền Nam, tự nó thật ra là giàu có, sẽ còn phải sống khổ cực một thời

gian lâu dài nữa. "Thịnh vượng?" một nhân viên nhà nước cao cấp của Việt Nam nói. "Các thế hệ con cháu chúng tôi sẽ có nó."

Những đứa con này được giáo dục nghiêm khắc, đồng nhất và theo đúng đường lối. Tất cả sách giáo khoa được in trước 1975 đều bị cấm. Chỉ có 71 người đọc là được phép vào thư viện cũ của Pháp mà giám đốc của nó là sếp an ninh Von Vung Tao trước đây.

Những đứa con này diễu hành, các em tập bắn súng, các em chuẩn bị để bảo vệ tổ quốc của các em. Các em lớn lên mà không khao khát một thế giới khác, không có khả năng so sánh, hãnh diện là thuộc một dòng giống đã chiến thắng ba quốc gia lớn – người Trung Quốc, người Pháp và người Mỹ.

Chẳng bao lâu nữa, giới trẻ lớn lên như thế từ miền Nam, những người bây giờ gia nhập quân đội để được người Bắc huấn luyện, sẽ cứng rắn và dẻo dai như những người đồng lứa tuổi với họ từ Hà Nội. Một vài thập niên nữa, và Việt Nam thật sự là sẽ thống nhất – bởi một giống người duy nhất.

Cho tới chừng đó, cả một thế hệ của những bóng ma sẽ biến mất, những bóng ma mà giờ đây đang sống trên khắp miền Nam và không nhìn thấy điều gì tốt đẹp trong chế độ mới.

"Có thật sự là không có gì tốt đẹp không? Một người bạn lâu năm trả lời cho câu hỏi này: "Có, có chứ, người cộng sản đã làm cho tôi sáng mắt ra. Trước 1975 tôi cần dùng một cái kính mắt, bây giờ thì tôi vẫn nhìn thấy mà không cần có nó."

**Tiziano Terzani**

**Phan Ba dịch từ báo Der Spiegel, số 18/1985:**

<http://www.spiegel.de/spiegel/print/d-13514174.html>

## Tôi đã từng yêu người cộng sản

*Cao Giao*

Phan Ba dịch từ báo *Der Spiegel* số 20 / 1985: <http://www.spiegel.de/spiegel/print/d-13513784.html>

Người Việt Cao Giao viết về cuộc đời và những lần ở chốn lao tù của ông. Ông chiến đấu với người Nhật chống lại người Pháp và thông đồng với người Mỹ chống lại nhà độc tài Diệm: Cuộc đời của Cao Giao, một nhà trí thức Việt Nam, đã là người thông dịch cho tờ SPIEGEL ở Việt Nam, đại diện cho lịch sử của đất nước ông. Ông ngồi tù 21 lần như là tù chính trị, lần cuối cùng ở những người cộng sản. Mới đây, Cao Giao được phép rời khỏi quê hương của ông

Lúc nào cũng tối tăm nên tôi không bao giờ biết là ngày hay đêm. Không có cửa sổ, không có ánh sáng.

Tôi bị bắt và ngay lập tức bị biệt giam. Xà lim của tôi rộng 1,20 nhân 1,80, sàn bằng bê tông, ở một phía có một cái cửa ra vào lúc nào cũng đóng kính và ở phía dưới có một cái lỗ để đưa thức ăn vào; ở phía kia có một cái lỗ ở trên sàn, nơi tôi giải quyết các nhu cầu về vệ sinh của tôi.



*Nhà tù Hỏa Lò, Hà Nội, 1954*

Vào cái ngày mà người ta nhốt tôi ở đây, tôi đã tự nói với mình: "Mình sẽ không bao giờ còn sống mà ra khỏi nơi đây đâu." Thế nhưng tôi vẫn còn sống. Một tuần, một tháng, một năm – một sự vô tận.

Vào buổi trưa bao nào cũng có một cái còi hú lên. Người ta có thể đếm ngày bằng cách này. Chỉ chủ nhật là không có còi. Người ta chờ, nhưng cái còi câm lặng. Rồi người ta biết hôm đó là ngày chủ nhật.

Trong xà lim riêng của tôi, tôi có nhiều thời gian để nghĩ về cuộc đời của tôi: hơn nửa thế kỷ chiến đấu cho nền độc lập của đất nước tôi, một cuộc đời ở giữa những lần vào tù và ra tù.

Thường thì cùng là những nhà tù đó, chỉ có những người canh là thay đổi – tùy theo chế độ. Vì nền độc lập của Việt Nam, trong Đệ nhị Thế chiến tôi đã cộng tác với người Nhật và sau đó là với người Mỹ. Tôi đã làm việc cùng với nhà độc tài công giáo Ngô Đình Diệm và rồi mưu phản lại ông ta.

Tôi đã ở trong tù 21 lần. Tôi đã bị tra tấn bằng điện ba lần. Và rồi tôi lại ngồi tù, lần này thì là tù nhân của những người cuối cùng đã mang lại nền độc lập: những người cộng sản.

Tôi chào đời vào ngày 20 tháng Ba năm 1917 trong một ngôi làng trên "đường Thiên Lý", cách Hà Nội 50 kilômét về phía Nam. Ngày xưa, Nguyễn Huệ đã cùng quân đội của ông đi trên con đường này để tiến vào trận đánh chống người Trung Quốc triều nhà Thanh.

Họ tiến quân theo nhóm ba người: Một người lính nghỉ ngơi trên cái võng, hai người cáng người này đi. Chính Nguyễn Huệ đã nảy ra ý tưởng này. Nhờ ông mà người Việt đã gây bất ngờ cho người Trung Quốc qua lần hành quân thần tốc và đã có thể đánh thắng họ.

Thời đó, người ta cho rằng có 20.000 người chết ở bên phía Trung Quốc. Người Việt chết xác chết, người ta thuật lại như vậy, lên thành một ngọn đồi, rồi dựng một cái miếu ở trên đó – như là một tượng đài nhắc nhở tới những lần tấn công Việt Nam bị thất bại của Trung Quốc.

Tôi đã nghe được câu chuyện này từ khi còn nhỏ. Ở chúng tôi, nó được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Có lẽ đó cũng là lý do, tại sao người gia đình tôi đã luôn tham gia vào trong tất cả các phong trào yêu nước Việt Nam, cả phong trào chống chủ nghĩa thực dân Pháp. Chỉ cha tôi là không. Ông là người con trai duy nhất. Để bảo đảm có người nối dõi, ông tôi đã cấm cha tôi tham gia cách mạng. Ông muốn cha tôi làm quan.

Nhưng chính ông, ông nội tôi, thì đã tham gia "cuộc nổi dậy của những người có học" và đã chiến đấu chống lại người Pháp. Ở nhà, tôi luôn nhìn thấy ông ngồi trên những chiếc gối, ngay cả trong mùa hè, khi trời rất nóng nực. Mãi lúc ông qua đời, khi ông được ướp và bọc trong vải liệm và được đặt trở lại trên những cái gối đó, theo như phong tục của chúng tôi, thì tôi mới biết là ông không có mộng nữa. Nó đã bị rách nát bởi một quả đạn pháo của người Pháp.

Gia đình tôi là một gia đình phong kiến, một gia đình có học, có truyền thống lâu đời. Gia đình tôi chịu trách nhiệm dạy học trong làng, chịu trách nhiệm bảo quản Văn Miếu. Cha tôi là tác giả của một quyển từ điển Hán Việt.

Nơi tôi sinh ra đời có tên là Văn Phú. "Văn" có nghĩa là "văn học", "Phú" là giàu có. Ngôi làng do tổ tiên của chúng tôi thành lập, là người dạy học cho một hoàng tử. Khi hoàng tử này lên ngôi vui, ông tổ của tôi vì khiêm nhường mà đã từ chối không muốn làm cố vấn cho nhà vua.

Thế là nhà vua đã tặng cho ông 10.000 mẫu đất - ở nơi mà ông được phép tự lựa chọn. Ông tôi đã chọn vùng đất hoang vắng nhất của cả nước, nơi không có ai sinh sống. Nó là lòng chảo của vùng, nơi luôn bị ngập lụt.



*Gò Đống Đa*

Ngôi làng bị nước bao quanh và bị ngập bốn tháng trong một năm. Nhà của chúng tôi có một phần nằm rất cao. Ở chỗ chúng tôi thì đó không phải là căn gác áp mái nhà mà là một giàn giáo để chúng tôi cất giữ sách của chín thế hệ. Mỗi hè, trong lúc nghỉ hè, tất cả trẻ con đều phải giúp mang sách ra phơi nắng để giữ chúng không bị ẩm. Trong suốt thời thơ ấu của tôi, tôi đã sống chung với những quyển sách đó.

Nhưng thư viện này không phải là nơi mà tôi tìm thấy những quyển sách đầu tiên về chủ nghĩa cộng sản. Tôi tìm thấy chúng trong số những quyển sách mà người thư ký tòa án của cha tôi tịch thu ở các nhà cách mạng. Là quan tòa, cha tôi chịu trách nhiệm cho tất cả các tài liệu bị tịch thu trong vùng. Chồng sách cấm này, những quyển sách mà tôi có thể tiếp cận được, đối với tôi giống như một kho báu thật sự: tôi có thể đọc được mọi thứ, từ Stalin cho tới Trotsky.

Tôi say mê chủ nghĩa cộng sản, nhưng thời đó không muốn trở thành người cộng sản.

Truyền thống gia đình tôi đã có ảnh hưởng mạnh tới tất cả các quyết định của tôi. Tôi luôn muốn làm thay đổi sự việc, tôi cũng muốn bảo toàn chúng. Tôi chưa từng bao giờ là một nhà cách mạng thật sự, tôi nhiều lắm là một kẻ nổi loạn.

Ai trong chúng tôi đi vào một con đường sai lầm thì người đó gây nguy hiểm cho cả gia đình. Nhưng gia đình là một cái gì đó rất quý giá. Và cả nó cũng là một mâu thuẫn: Một mặt, người ta nổi dậy chống quân đội Pháp đang chiếm đóng, chống lại những bất công của một nền hành

chánh nước ngoài; ở mặt kia thì người ta gắn kết rất mạnh với truyền thống, người ta bảo thủ. Và ở chúng tôi thì truyền thống là rất lâu đời.

Lúc đầu, gia đình tôi tự gọi mình đơn giản là Nguyễn. Nhưng vì tổ tiên tôi đã tham gia vào một phong trào cách mạng nên họ phải chạy trốn ra một vùng đất hẻo lánh. Ở đó, họ được một gia đình họ Trần thu nhận và đã lấy họ của gia đình này. Khi gia đình tôi được nhà vua cho phép trở về làng của mình sau một thế hệ thì họ lấy lại họ Nguyễn cũ, nhưng vẫn giữ lấy họ Trần từ lòng kính trọng và cảm kích.

Tất cả những điều đó đã được ghi lại trong biên niên sử của gia đình tôi. Một bản sao biên niên sử này với phả hệ gia đình, mà trong đó tên họ của tất cả các thân nhân đã chết và còn sống được ghi vào trong đó, được chôn trong một ngôi nhà tre hai, ba tháng trước sinh nhật của người trưởng gia đình.

Lúc tôi còn bé, người đứng đầu gia đình này là ông tôi. Tôi còn nhớ rõ, các văn kiện này được long trọng đào lên vào sinh nhật của ông như thế nào, và tất cả mọi người đều vui mừng vì quyền biên niên của tổ tiên chúng tôi vẫn còn nguyên vẹn và quá khứ của chúng tôi không bị xóa mất.

Trong toàn bộ cuộc đời tôi, tôi chưa từng thuộc một đảng phái nào – ngay cả khi tôi ngưỡng mộ những người cộng sản. Người thầy giáo đầu tiên của tôi là người cộng sản. Người Pháp đã quản thúc tại gia người thầy của tôi và giao cho cha tôi chịu trách nhiệm về ông ấy, để cha tôi giam ông ấy. Sau đó, cha tôi đã giao ông ấy giảng dạy cho tôi những bài học đầu tiên. Ông có tên là Nguyen Luong Bac. 50 năm sau đó, ông trở thành chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Ông qua đời vào ngày được bổ nhiệm.

Từ thuở bé, tôi đã có cảm giác phải đấu tranh chống lại chế độ thực dân Pháp. Ngay từ những năm sớm nhất, tôi đã mong muốn nước tôi được tự do, độc lập và được chính chúng tôi điều hành.

Tôi 14 tuổi khi bị người Pháp bắt giam lần đầu. Lúc đó, tôi đi học ở trường trung học của nước Pháp bảo hộ. Học sinh chúng tôi mang đậm tính dân tộc chủ nghĩa và không chịu đựng được việc phải học lịch sử Pháp, luôn bắt đầu với lời mở đầu nổi tiếng: "Tổ tiên của chúng ta, người Gaulois..."

Tổ tiên của tôi không phải là người Gaulois. Tổ tiên của chúng tôi là người Việt, đã đấu tranh để không bị người Hoa nô dịch. Cùng với bạn bè, tôi làm một tờ báo bí mật chống Pháp. Vào ngày in tờ báo, tôi rải thuốc lào lên mắt để bị đau mắt đỏ và không phải đi học. Nhưng rồi có ai đó từ nhà in đã tố cáo tôi.

Công việc làm đầu tiên của tôi là làm báo tại một tờ báo tiếng Pháp nhưng chống Pháp ở Hà Nội, tờ "L'effort et L'essor", có thể tạm dịch là "Nỗ lực và Khởi đầu".

Năm 1941, khi người Nhật tiến quân vào Việt Nam, tôi nhận ra ngay lập tức rằng họ có thể giúp chúng tôi chống lại người Pháp, giành lại tự do cho chúng tôi.

Người Nhật tuyên truyền cho "Đại Á" của họ. Họ nói về sự độc lập với chủ nghĩa thực dân da trắng, điều tất nhiên là khiến cho giới trẻ chúng tôi rất hào hứng. Nước Nhật đã là huyền

thoại: đất nước châu Á bé nhỏ này đã dám tấn công nước Nga rộng lớn và sau đó là Trung Quốc rộng lớn, vương quốc của các thần thánh. Đối với chúng tôi, người Nhật là những người anh hùng. Vì thế mà tôi đã chiến đấu cho thất bại đầu tiên của tôi.

Qua một người trong gia đình, một người anh em họ đã học đại học ở Tokio và trở về Việt Nam cùng với quân đội Nhật, tôi được giới thiệu vào Ủy ban Văn hóa Nhật ở Hà Nội. Lúc đầu, tôi chỉ biên dịch. Nhưng cuối cùng thì tôi giữ liên lạc với các phong trào quốc gia và theo Nhật ở Đông Nam Á.

Ủy ban Văn hóa Nhật thật ra là bộ chính trị của quân đội Nhật Hoàng cho Đông Dương. Đồng thời, tôi cũng lãnh đạo tờ báo L'action catholique.

Người cộng sản chống lại một sự hợp tác với người Nhật. Nhưng rồi khi nước Nhật đầu hàng trong tháng Tám 1945 và người cộng sản tiếp nhận quyền lực thì vào lúc ban đầu họ cần phải dựa vào chúng tôi là những người hợp tác, vì bản thân họ yếu và ít được biết tới.

Tôi còn nhớ chính xác ngày 2 tháng Chín 1945, khi Hồ Chí Minh tuyên bố Việt Nam độc lập và thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Lúc đó, người dân hỏi: "Ai là gã nông dân đó vậy? Ai là người Trung Hoa đó vậy?"



*Võ Nguyên Giáp và Hồ Chí Minh lúc vừa đọc xong bản Tuyên ngôn Độc lập*

Người cộng sản gọi tôi, vì họ muốn in một tờ báo. Người Nhật đã dấu mọi thứ. Tôi là người duy nhất biết giấy, máy móc và mực in ở đâu.

Vì thế mà tôi đã trở thành thư ký cho tờ nhật báo đầu tiên của chế độ mới "cộng hòa, nhân dân". Thủ tướng Phạm Văn Đồng sau này là chính ủy của tôi. Ông lãnh đạo tờ báo, nhưng tôi

làm ra nó. Thế nhưng sau vài tháng thì tôi bị Việt Minh bắt và tra tấn vì là người hợp tác với Nhật.

Khi người Pháp trở lại Hà Nội trong tháng Mười Hai 1946, để tiếp nhận lại đất nước bảo hộ của họ, họ cũng bắt giam tôi ngay lập tức – lần này thì do tôi là người hợp tác với cộng sản. Sau đó, họ muốn trục xuất tôi và đưa tôi sang Pháp lưu vong.

Vợ tôi muốn đi, nhưng tôi chống lại. Lúc đó tôi không muốn sống lưu vong ở Pháp. Ngày nay, 40 năm sau đó, thì ngược lại, tôi rất muốn sang Pháp – lần này thì là như một người tỵ nạn. Đó là một mâu thuẫn nữa của cuộc đời tôi. Cuộc đời của mọi người Việt đều đầy những mâu thuẫn như vậy.

Tôi còn nhớ, rằng tôi đang ở Hà Nội năm 1954, vào ngày của Điện Biên Phủ – trong tự do. Tôi sẽ không bao giờ quên được cái ngày đó. Tôi đang đi dạo trên đường phố khi một người bạn, một người Việt, phấn khích chạy tới với tôi: "Thắng rồi, thắng rồi!" "Ai thắng?" tôi hỏi ông. "Thắng rồi, thắng rồi!", ông chỉ lập lại.

Vào chiều tối, ông ấy mời chúng tôi đến nhà. Khi chúng tôi bắt đầu ăn mừng lần chiến thắng người Pháp thì ông xếp đồ đạc vào va li. Ông ra đi vào ngày hôm sau – sang Pháp.

Thay vì đi Pháp, tôi vào miền Nam Việt Nam. Là người Việt, tôi rất hãnh diện trước chiến thắng của Việt Minh. Nhưng tôi không phải là người cộng sản và không thể sống dưới những người cộng sản. Tôi đã mua vũ khí cho họ và đã thương lượng với người Nhật vì chuyện này. Nhưng tôi cũng quen biết gần gũi với họ, những người cộng sản.

Vào thời tôi còn trẻ, trong số sinh viên cũng có những người tự gọi mình là người theo Trotsky. Lúc nắm lấy quyền lực, người cộng sản đã bắt giam và thủ tiêu tất cả những người này. Trong thời cải cách ruộng đất, họ cũng đã giết hàng ngàn người. Bức ảnh cha tôi, đã qua đời trong thời gian đó, bị họ đặt tại một ngã tư trong ngôi làng nơi ông sinh ra, để người dân tiểu tiện lên đó.



Mục đích của cuộc cải cách không phải là tái phân chia đất đai, mà là đập tan uy quyền của những gia đình xưa cũ như gia đình chúng tôi. Đối với người anh em của tôi thì điều đó không có gì là tệ hại cả. Ông ở lại Hà Nội và trở thành đảng viên. Nhưng tôi thì quyết định vào Nam.

Ở đó, tôi thay đổi tên họ và lấy bút danh Cao Giao của tôi, dựa vào tựa của quyển sách chính trị đầu tiên có

nguồn gốc từ Trung Quốc "Le Cao Giao Mo", có nghĩa như "kế hoạch của Cao Giao cho hạnh phúc của con người". Tôi đã sở hữu một thư viện riêng với 20.000 quyển sách mà tôi phải bỏ lại.



Lúc vào tới Sài Gòn, đầu tiên là tôi mua một quyển sách hướng dẫn sửa chữa tủ lạnh. Chúng tôi không có tiền, và trời thì rất nóng nực. Vì vậy mà tôi nghĩ rằng đó là một việc tốt, sửa chữa tủ lạnh. Nhưng không thành công. Vì vậy mà tôi làm báo trở lại và chẳng bao lâu sau đó lại vào tù.

Tổng thống Diệm là người cho bắt giam tôi năm 1958. Tôi quen biết ông từ những năm bốn mươi, khi cả hai chúng tôi hợp tác với người Nhật. Ở Hà Nội, tôi đã từng là người đại diện cho ông. Tôi cũng đã tổ chức cuộc gặp gỡ giữa Ngô Đình Diệm và người Ấn lãnh đạo phong trào quốc gia chủ nghĩa theo Nhật Chandra Bose ở Singapore.

Diệm là người công giáo và chống cộng sản kịch liệt. Thế nhưng ông sợ người cộng sản và theo đuổi một chính sách củng cố sự chia cắt đất nước đã được đưa ra trong các hiệp định Genève: ở miền Bắc là người cộng sản, trong miền Nam là những người chống cộng sản. Tôi thì ngược lại muốn thống nhất đất nước bằng mọi giá, qua đấu tranh hay thỏa hiệp, nhưng không bao giờ chia cắt.

Nước Đức là một đất nước chiến bại bị các thế lực chiến thắng quyết định chia cắt. Triều Tiên là một thuộc địa cần phải chia cắt. Việt Nam ngược lại thì đã chiến đấu cho nền độc lập trong sự thống nhất của nó.

Chúng tôi phân tán truyền đơn yêu cầu thống nhất – bằng bất cứ phương tiện nào. Nhưng đối với Diệm thì "thống nhất" là một khẩu hiệu cộng sản. Vì vậy mà ông đã cho người bắt tôi như là bắt một "người cộng sản". Tôi bị tra tấn bằng điện, để thừa nhận mình là một điệp viên bí mật của Hà Nội. Sau bảy tháng tôi được thả ra – lại chính là từ anh em của Diệm.

Năm 1963, tôi đứng gần giới làm đảo chính lật đổ Diệm với sự giúp đỡ của người Mỹ. Ảnh hưởng của những người cộng sản ngày một to lớn hơn trong miền Nam. Họ luôn luôn ở thế tấn công, chúng tôi chỉ ở trong thế phòng thủ. Điều này phải thay đổi. Chính chúng tôi phải tấn công miền Bắc. Để làm được điều này thì chúng tôi cần sự tin tưởng và vũ khí. Người Mỹ có dư thừa những thứ đó. Lý do cho cuộc đảo chính 1963 đã có.

Người Mỹ không như người Nhật. Họ không có huyền thoại bao bọc, không phải là samurai. Họ không phải là người Á châu như người Nhật và chúng tôi – người ta không được phép quên rằng chúng tôi là những người phân biệt chủng tộc. Nhưng chúng tôi nhất định phải cần họ.

Sự xuất hiện của người Mỹ đã làm tổn hại rất nhiều tới bản sắc của miền Nam. Hậu quả về văn hóa rất là to lớn. Sự hiện diện của người Mỹ đã làm hỏng xã hội Việt Nam, làm cho nó xa lạ. Các cô con gái kiếm được nhiều tiền hơn là cha mẹ, gia đình Việt Nam đã bị tan vỡ.

Thế nhưng về mặt quân sự thì việc người Mỹ đưa quân vào đã tạo hy vọng mới cho chúng tôi. Các sĩ quan của miền Nam chán nản và mất tinh thần tới mức về mặt tâm lý cũng thậm chí không có khả năng nghĩ tới một cuộc chiến đấu thắng lợi chống người cộng sản, những người chiến thắng Điện Biên Phủ trước kia. Bản thân tôi luôn tin rằng có thể đánh bại được người Cộng Sản. Năm 1968, với cuộc tấn công vào dịp Tết, người cộng sản đã thất bại trong việc kích động người dân miền Nam.





*Dinh Gia Long trong lúc đảo chính năm 1963*

Các hiệp định của Paris năm 1973 và việc người Mỹ rút quân mới giúp người cộng sản chiến thắng được – một chiến thắng mà họ xứng đáng với nó về mặt đạo lý.

Những người cộng sản này! Tôi đã còn yêu họ nữa. Họ là những người duy nhất bén rễ sâu vào trong đất nước của chúng tôi và vào trong phong trào quốc gia. Họ không phải là một sản phẩm của Moscow hay của Bắc Kinh, họ có sự tự chủ của họ. Vì vậy mà họ có khả năng tiến hành chiến tranh 30 năm trời, vì vậy mà người dân đi theo họ. Họ có niềm tin và lý tưởng. Tôi đã ngồi tù cùng với họ. Họ đã không gãy gục khi bị tra tấn

Năm 1975, người cộng sản đánh thức dậy nhiều hy vọng to lớn. Khi tôi tin chắc rằng họ sẽ chiếm Sài Gòn và thắng cuộc chiến, tôi không hề nghĩ tới chuyện rời bỏ đất nước.

Từ năm 1963, tôi là một nhà báo làm việc cho Đài Phát thanh Bayern [của nước Đức], cho "Newsweek" và cuối cùng cũng cho tờ Spiegel. Thế nhưng tôi tin rằng không cần phải sợ người cộng sản, ngay cả khi tôi có một quan điểm chính trị khác với họ. Người cộng sản sẽ mang lại điều mà tôi luôn mong muốn: thống nhất Việt Nam.

Khi họ nói về hòa giải dân tộc, tôi thật sự có ấn tượng là sự hòa giải này đối với chính họ cũng là một sự cần thiết, khi họ muốn tái xây dựng đất nước.

Tôi đơn giản là không thể rời bỏ Việt Nam.

Những tháng đầu tiên thật là tuyệt vời. Người cộng sản biểu hiện một lối cư xử tốt. Họ còn yếu và vì vậy mà không thể mạo hiểm bất cứ điều gì. Lúc tiến quân vào Sài Gòn, họ có còn chưa tới 2000 cán bộ chính trị để kiểm soát thành phố. Cơ cấu chính trị của họ đã bị phá vỡ qua những đợt bắt giam của chế độ Thiệu và bởi những chiến dịch thủ tiêu có hệ thống của cái được gọi là chiến dịch "Phượng Hoàng" do người Mỹ lãnh đạo.



*Sài Gòn ngày 30 tháng 4 năm 1975. Hình: AFP*

Vì vậy mà họ bị bắt buộc phải điều hành sự việc rất cẩn thận. Bởi vậy mà cũng đã không xảy ra những vụ tàn sát như ai cũng dự đoán. Các cuộc bạo loạn đẫm máu ở Huế 1968, những cái đã gây hại cho họ rất nhiều, đơn giản là không được phép lặp lại. Lúc chiếm thành phố của các hoàng đế ngày xưa, họ đã hành quyết trên 20.000 người chỉ trong vòng vài ngày và qua đó đã mất rất nhiều uy tín. Họ muốn tránh điều đó ở Sài Gòn trong bất cứ trường hợp nào.

Thế nhưng uy tín của họ dần xấu đi. Kinh tế sụp đổ, và huyền thoại về một người lính khỏ hạnh cộng sản đã tan vỡ. Vì vậy mà họ gọi từ Hà Nội kẻ cận thân và là người sếp tư tưởng của họ vào, Nguyen Khac Vien, người mà đã tuyên bố rằng những kẻ có lỗi là chúng tôi, giới trí thức của Sài Gòn, những kẻ thất bại chủ nghĩa.

Rồi khi đàn áp bắt đầu xảy ra thì chúng tôi là những người đầu tiên bị bắt giam. Điều đó xảy ra cho tôi vào ngày 18 tháng Sáu 1978. Lúc sập tối, công an bao vây căn hộ của tôi. Họ dẫn tôi đi vào lúc trời hừng sáng. Một chiếc xe tải nhỏ chạy tới, để mang đi tất cả văn kiện, sách vở và bản thảo từ phòng làm việc của tôi – trên 100 kilô trong thùng các tông.

"Cấm không được khóc!" viên sếp công an nói với gia đình tôi. "Chúng tôi đã quen rồi", vợ tôi đáp trả, "sẽ không có ai khóc đâu. Ông cứ dẫn chồng tôi đi đi!" Bà biết nhu cầu của tôi trong trường hợp như vậy và đã ấn vào tay tôi một gói thuốc lá nhỏ.

Tôi được mang về trụ sở chính của an ninh Sài Gòn và bị biệt giam ngay lập tức.

Trong bóng tối hoàn toàn ở tại những nhiệt độ dao động giữa hết sức lạnh và hết sức nóng, tôi nghĩ là với tuổi của tôi thì sẽ không còn sống mà ra khỏi phòng giam này. Đầu tiên thì người ta luôn nghĩ tới điều đó: sống và chết. Rồi người ta quen dần và học cách giải quyết các vấn đề trước mắt – ví dụ như vấn đề với những con chuột chui vào trong qua cái hố ở dưới đất để làm hố xí cho tôi và chạy trên thân thể tôi suốt ngày đêm, 24 giờ liền.

Tôi sợ mình thiếp ngủ đi. Vì vậy mà lúc đầu tôi đã dùng áo của tôi bịt cái lỗ lại. Cuối cùng, tôi có thể giữ lại được một cái chén bằng nhựa mà người ta dùng nó để mang thức ăn vào cho tôi. Tôi dùng nó che cái lỗ lại.

Rồi kiến kéo tới, hàng đoàn kiến, nhất là vào mùa mưa. Khắp nơi đều đầy kiến, ngay cả trong thức ăn. Trong bóng tối hoàn toàn, người ta cảm nhận được chúng chạy qua trên tay trên miệng như thế nào.

Cửa chỉ được mở ra khi người ta dẫn tôi đi hỏi cung. Để tôi không bị mù vì có ánh sáng đột ngột, người ta thắt cho tôi một cái băng vải lên mắt.

Những lời buộc tội lúc nào cũng như nhau: là gián điệp của CIA, gián điệp của "Hắc Long", của mật vụ Nhật, gián điệp của người nước ngoài (vì những mối liên hệ của tôi với các nhà báo người nước ngoài như Robert Shaplan của tờ "New Yorker" và Frances Fitzgerald, nữ tác giả của quyển "Fire in the Lake").

Vào lúc đầu, chúng tôi còn có gạo trắng để mà ăn, thỉnh thoảng còn có những miếng cá nhỏ ở trong canh nữa. Nhưng rồi chúng tôi chỉ còn nhận gạo từ Ấn Độ, thứ chỉ cho gia súc ăn và rất khó tiêu hóa.

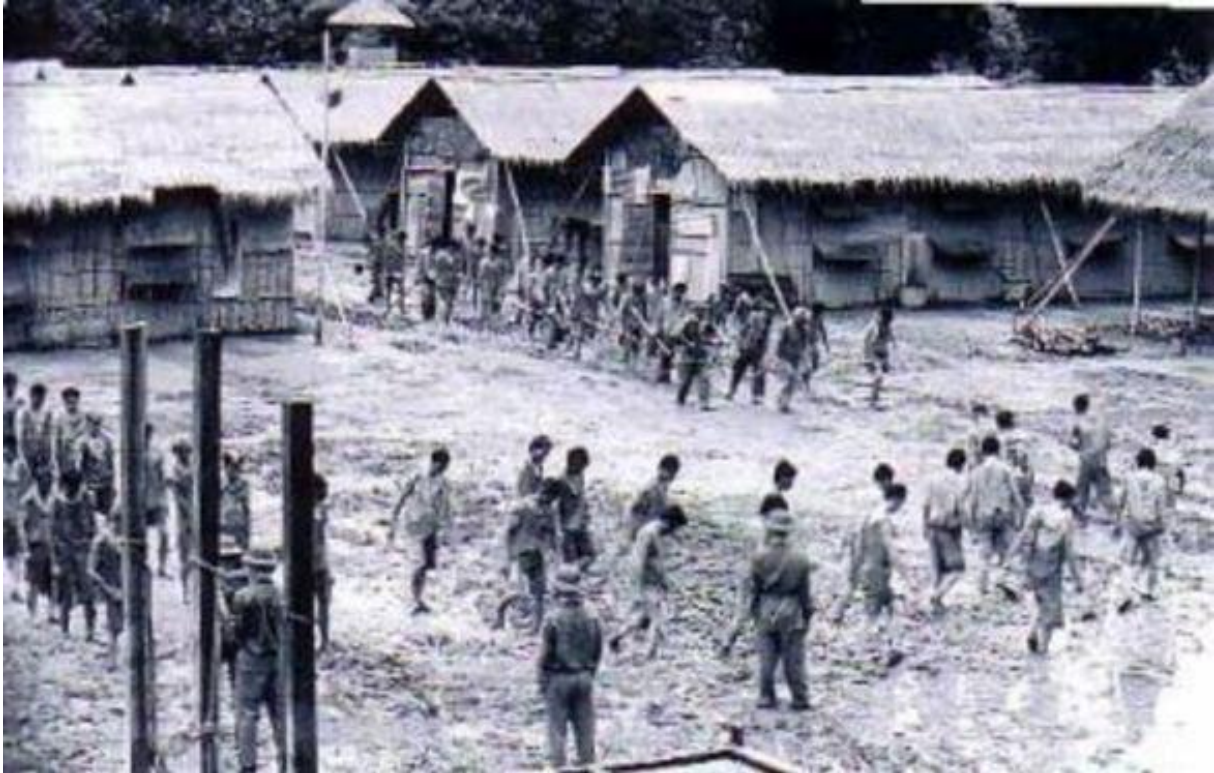
Con số tù nhân tăng lên từng ngày. Tuy tôi không bao giờ bị tra tấn thể xác nhưng bị áp lực rất nặng. Lúc nào cũng cùng những câu hỏi đó, lúc nào cũng cùng những câu trả lời đó. Tôi chọn một chiến lược bảo vệ mà tôi biết là có tác dụng: phủ nhận hết, không nói gì hết. Tôi nghĩ cuối cùng thì họ sẽ ngán ngẫm.

Một ngày nào đó, tôi được dẫn trở về phòng giam của tôi là rồi không được gọi đi nữa. Bốn tháng trời, cánh cửa không còn mở ra nữa. Có lẽ họ nghĩ rằng tôi đã chết rồi.

Một luật sư trẻ tuổi trong phòng giam đối diện với tôi chỉ chịu đựng được ba ngày. Một người bạn cũ, một bạn tù, xuất hiện hai lần trước phòng giam của tôi để nói với tôi rằng: "Cậu điên rồi à! Cậu phải thú nhận cậu là gián điệp của CIA. Trông tờ đây này, tờ được đối xử rất tốt. Tớ sống ở đây như một ông vua. Tớ có riêng một phòng 5,8 mét vuông cho tớ đấy."

Người bạn tù này là một luật sư nổi tiếng, một ứng cử viên tổng thống yêu chuộng hòa bình đã từng ra tranh cử với Kỳ và Thiệu. Con trai của ông là gián điệp Việt Cộng bị Thiệu bắt, chính ông thì lại bị Việt Cộng bắt như là gián điệp của người Mỹ. Ông đã viết bản thú tội dày 6000 trang. Nhưng tôi vẫn tiếp tục từ chối, ngay cả ký tên vào một biên bản hỏi cung cũng không.

Một ngày nào đó, sau hơn 13 tháng, tôi được dẫn ra khỏi phòng giam và đưa vào nhà tù Chí Hòa, nơi mà tôi đã từng nhiều lần ở trong đó.



*Một trại cải tạo ở Long Thành*

Ở đó, tôi ngồi chung với 72 tù nhân trong một phòng giam. Chúng tôi có một chiếc chiếu nhỏ duy nhất để ngủ. Tức là chúng tôi phải thay nhau. Nhờ tuổi tác của tôi mà tôi được ưu đãi: những người khác để cho tôi ngủ từ nửa đêm cho tới ba giờ sáng, theo ý của các tù nhân thì đó là thời gian tốt nhất.

Chúng tôi sống không tệ. Tuy vậy, chúng tôi không được phép viết, và chỉ nhận được tin tức từ thế giới bên ngoài qua một sự sắp xếp nhỏ với những người canh tù: chúng tôi đổi một chiếc áo lấy vài tờ báo.

Trong số những người cùng ngồi tù với tôi là người trưởng địa phận dòng Tên, Nguyen Coang Doan, cựu chính trị gia, là người Hoa bị kết tội là gián điệp của Bắc Kinh, vâng, chính là một đại tá Việt Cộng, một trong những người sếp đầu tiên của Sài Gòn được giải phóng.

Vào một ngày nào đó, tôi được gọi lên lãnh đạo trại giam và được giới thiệu cho ba người ở đó, những người mà tôi chưa từng nhìn thấy trước đây. Đó là một phái đoàn của amnesty international, đã nhận tôi như là một người tù chính trị. Vài tuần sau, tôi nhận được vitamin – và hiểu rằng người ta sẽ trả tự do cho tôi.

Sau ba năm rưỡi, tôi nhận được lời khuyên hãy quên tất cả những gì mà tôi đã phải chịu đựng và được thả về nhà. Đối với tôi, lần trở về nhà này có nghĩa là: giám sát đặc biệt, không có việc làm, không có hy vọng.



Tôi đã học được nhiều thứ sau khi Sài Gòn thất thủ và trong nhà tù. Tất cả chúng tôi đã học được nhiều thứ.

Có vẻ như ngu ngốc, nhưng cho tới 1980 nhiều người, ngay cả sĩ quan cũ của chính quyền Thiệu trước đây, vẫn đơn giản không tin là người Mỹ đã thật sự bại trận. Chúng tôi nghĩ rằng người Mỹ chỉ giả vờ rời đất nước này, để cho người Việt có cơ hội tự trải nghiệm chủ nghĩa cộng sản, để sau đó tự bảo vệ mình chống nó tốt hơn. Chúng tôi tin chắc rằng người Mỹ sẽ trở lại và không chờ đợi gì ngoài lần quay trở lại của họ.

Ngày nay, chúng tôi biết được tình hình thật. Ngày nay, chúng tôi hiểu rằng chính chúng tôi phải làm gì đó.



*FULRO Linh mục Công giáo tại nhà thờ ở trong rừng, nơi họ chạy trốn khỏi cuộc đàn áp tôn giáo ở Việt Nam. Hình: Nate Thayer*

Cũng có chống đối. Ở trong tù tôi đã gặp hàng chục đại diện của các nhóm đối lập. Mỗi nguy hiểm cho những người cộng sản xuất phát từ giới trẻ, những người không còn có những cảm giác tự ti đối với họ nữa. Một vài người trốn vào bí mật. Vũ khí không phải là vấn đề, khắp nơi đều có những chỗ chôn giấu vũ khí.

Cái kỳ lạ trong cuộc kháng chiến chống cộng sản này là nó lại ẩn náu trong các thành trì mà ngày xưa người cộng sản đã máu mình ở đó. Ví dụ như cạnh con đường đi Vũng Tàu có một vùng nổi tiếng của Việt Cộng mà người Mỹ và người Sài Gòn chưa từng bao giờ kiểm soát được. Các kháng chiến quân mới cũng trốn đúng về đó.

Trên cao nguyên là các nhóm Fulro của người thiểu số, đã luôn là một vấn đề cho các cơ quan ở Sài Gòn, bây giờ là một vấn đề cho người cộng sản. Những người kháng chiến này còn tấn công vào các trại cải tạo để giải phóng tù nhân nữa.

Không còn nhiều người của chế độ cũ ngồi trong các trại này nữa, chỉ còn nhiều nhất là 20.000 người. Phần lớn tù nhân ngày nay là tù chính trị – những người đã tham gia các phong trào kháng chiến hay những nhóm tôn giáo như Hòa Hảo, Cao Đài và Công giáo, hiện là các mục tiêu đàn áp của chế độ.

Nước Việt Nam ngày nay là một đất nước của nhà tù. Mỗi huyện có nhà tù riêng, mỗi tỉnh có trại tập trung và trại lao động riêng. Chỉ riêng quanh Sài Gòn là đã có 21 trại giam. Tôi đoán rằng Việt Nam ngày nay có nhiều tù chính trị hơn là dưới thời chính quyền Thiệu.

Uy tín của Đảng đã giảm nhiều kể từ khi họ chiếm được quyền lực. Tham nhũng là một bệnh dịch, ngay cả trong số các thành viên của Bộ Chính trị. Điều đó ai cũng biết. Chính vợ của tổng tư lệnh quân đội, bà Dung, tổ chức những vụ ăn cắp vật dụng không lồ trong quân đội.

Để hiểu thấu được toàn bộ quy mô của sự tham nhũng này thì cần phải hình dung lại thời gian trước khi chiếm được Sài Gòn. Sau khi các hiệp định được ký kết ở Paris năm 1973, tướng Võ Nguyên Giáp muốn trước hết là thanh lọc Đảng. Ông đã nhận ta rằng tham nhũng dần dần rồi cũng lan tràn ra ở các hàng ngũ cao nhất. Ông không muốn chuyển sang xâm chiếm miền Nam khi chưa dọn dẹp sạch sẽ.

Nhưng Giáp không đạt được điều này. Lần thanh lọc lớn đã không diễn ra. Những người lẽ ra phải được loại trừ, nhất là trong Ban Chấp hành Trung ương Đảng, thúc giục tấn công miền Nam và chẳng bao lâu sau đó đã nhờ vào những huân chương mà họ giành được trong lúc chiếm Sài Gòn mà không còn có thể bị công kích được nữa. Điều này đã làm suy yếu chế độ.

Những người lý tưởng, những người yêu nước cộng sản thời trước, hầu như đã hy sinh gần hết trong chiến tranh. Nhưng những người trốn lánh, những người để cho người ta gửi sang các sứ quán trong các nước khối Đông Âu và qua đó tránh được nguy hiểm, thì lại tạo thành giới tinh hoa ngày nay của Việt Nam.

Đặc biệt giới cán bộ Đảng bậc trung là những người cơ hội và cu li. Đó chính là những người không bảo vệ quốc gia mà bảo vệ vẻ ngoài và lợi ích riêng của họ. Tấn bi kịch của Việt Nam là không còn thế hệ nào có thể mang lại cho đất nước một dòng máu mới và những ý tưởng mới.

Sự không hài lòng ngày càng lớn hơn. Người cộng sản, những người đã chiến thắng "thực dân Pháp", "đế quốc Mỹ" và mới đây là "bành trướng Trung Quốc", đã đánh mất uy tín của họ trong nhân dân.



Ngay cả vinh quang của họ, đã tặng cho đất nước nền độc lập, cũng đã biến mất rồi, vì nền độc lập này ngay từ đầu đã phải chịu một gánh nặng thế chấp: lãnh thổ Việt Nam bị từ bỏ; vịnh Cam Ranh ngày nay là một căn cứ quân sự thuần túy của Liên Xô mà không người Việt Nam nào được phép bước vào.



*Đại tướng Văn Tiến Dũng trên boong chiến hạm BPK “Gnevnyi” tại Cam Ranh ngày 26/4/1984*

Sau khi được thả tự do, tôi chỉ còn nghĩ đến việc bỏ trốn. Chúng tôi đã cố thoát đi qua đường biển. Con trai út của tôi đã thành công. Sau khi tôi bị bắt, con tôi đã hiểu rằng trong đất nước của chúng tôi không còn cơ hội cho mình nữa. Con tôi đã trốn đi một mình với boat people, tới Thái Lan và sau một tháng ở trại đã sang Pháp.

Vợ tôi và tôi đã cố gắng nhiều lần và đã trả tiền nhiều lần cho một chỗ trên thuyền. Thế nhưng thậm chí tới biển chúng tôi cũng chẳng nhìn thấy được.

Các con tôi đã có thể rời đất nước năm 1983 nhờ vào sự giúp đỡ của cao ủy tỵ nạn Liên Hiệp Quốc. Nhờ [hội từ thiện] Caritas giúp đỡ mà họ có thể sang Bỉ với hai người anh của chúng, đã đi du học trước đây 15 năm. Cuối cùng, vợ tôi và tôi nhờ sự can thiệp liên tục của amnesty international mà chính thức được phép rời bỏ đất nước.

Tôi mừng là đã được tự do. Lần đầu tiên trong đời, tôi bước chân lên đất Pháp. Mặc cho lần chiến đấu chống người Pháp trước đây, tôi đã lại tìm thấy chính mình ở đây và có cảm giác gần giống như ở nhà. Thế nhưng tôi không thể làm quen với ý nghĩ phải chấm dứt cuộc đời tôi như là một người tỵ nạn.

Có quá nhiều điều gắn kết một con người với phong cảnh và lịch sử của đất nước của người đó. Người ta không thể đơn giản là bỏ đi mà không mơ ước một ngày nào đó sẽ trở về.



Nếu không thì làm sao mà tôi có thể sống sót được, sau khi đã làm quen với bao nhiêu nhà tù đó và đã hy sinh một cuộc đời trong cuộc chiến đấu cho đất nước Việt Nam xấu số này?

Cao Giao

Phan Ba dịch từ báo Spiegel số 20 / 1985:

<http://www.spiegel.de/spiegel/print/d-13513784.html>





lính thâm nhập vào, thường là các Việt Minh có quê ở miền Nam mà năm 1954 sau khi ngưng bắn và chia cắt đất nước đã ra Bắc. Vào thời điểm đó, người cộng sản đã từ bỏ hy vọng thông qua hoạt động chính trị mà có thể đạt tới các cuộc bầu cử được đề nghị trong Hiệp định Genève của năm 1954. Ngày càng có nhiều người cộng sản và những nhà đối lập khác trở thành nạn nhân các chiến dịch thanh trừng của chính quyền Thiệu ở Sài Gòn.

Năm trăm người lính bắt đầu làm đường, đầu tiên là từ Vinh cho tới sông Bến Hải gần vĩ tuyến 17 chia cắt miền Bắc với miền Nam, và kéo dài nó từng đoạn một, ngày càng sâu hơn vào miền Nam. Đầu 1961, chuyên chở vũ khí đã đạt tới một quy mô mà bắt đầu trở nên nguy hiểm khi cứ tiếp tục lên lút mang qua vùng đất phía Nam của vĩ tuyến 17 được quân đội Nam Việt Nam canh gác cẩn mật. Tướng Võ Bẩm quyết định tránh qua mặt phía Tây của dãy núi Trường Sơn trùng điệp, tức là tiếp tục con đường mòn Hồ Chí Minh trên lãnh thổ của Lào. Phiến quân Pathet Lào cộng sản trong vương quốc Lào đã giải tỏa một hành lang rộng tám mươi kilômét cho đồng minh Bắc Việt. Các bộ tộc trên núi dọc theo con đường mòn được cung cấp thực phẩm và quần áo và qua đó trở thành đồng lõa với những người khuân vác vũ khí.



*Tiếp tế bằng xe đạp trên đường mòn Hồ Chí Minh*

Ngay cả những nòng súng đại bác nặng hai tạ cũng đi trên các đôi vai vào miền Nam, những phần nặng trên xe đạp (hiệu "Favorit" từ Tiệp Khắc) hay trên lưng voi. Đạp quân những người khuân vác đã tăng lên con số chục ngàn vào đầu 1963, lúc đó con đường mòn đã vào tới Lộc Ninh, tới nơi mà chúng tôi đang đi.

Ở nơi rừng nguyên thủy không đủ rậm để bảo vệ con đường mòn không cho người ta nhìn thấy nó từ trên cao, du kích quân đã treo thêm những chậu cây leo trên ngọn cây. Qua một cái cầu khi, một cái thân cây dài hai mươi mét được đốn xuống, chúng tôi qua tới bờ bên kia của một con sông chảy xiết. Chúng tôi đã cột chặt ống quần của chúng tôi lại ở phía dưới, chống địa và ve. Không lâu sau đó, chúng tôi tới một trạm cung ứng, một trong những nơi mà những người khuân vác nhận được một chén cơm và có chỗ ngủ. Đó là những cái hầm được đào thành hình chữ nhật, bên trên được che bằng lá cây. Khói từ những hầm nấu ăn được dẫn qua một đường hầm thoát lên mặt đất cách xa hàng trăm mét. Có cơm gà.

Lúc bị máy bay tấn công, du kích quân chui vào đường hầm hình tam giác ở cuối hầm. Thiếu tá Võ đã xây tường đôi bằng thân tre cho chúng, nên nếu có bom nổ ở ngay bên cạnh thì cũng không có tác động gì.

Cuối 1964, quân đội Sài Gòn phát hiện ra nhiều đoạn của con đường mòn Hồ Chí Minh, những nơi bị bỏ bom ngay lập tức. Đã quá muộn. Mặt trận Dân tộc Giải phóng, được biết tới nhiều hơn dưới tên "Việt Cộng", và quân đội của họ đã kiểm soát nhiều phần rộng lớn của đất nước và dồn quân đội chính phủ vào chân tường. Để đối phó, chính phủ Mỹ quyết định không chỉ hỗ trợ cho cái được gọi là Việt Nam Tự Do với 16.000 cố vấn quân sự nữa, mà với quân đội của họ.



*Xây cầu trên đường mòn Hồ Chí Minh*

Tháng Ba 1965, những người lính thủy quân lục chiến đầu tiên đổ bộ vào bờ biển Đà Nẵng; cho tới cuối năm, con số lính Mỹ ở Việt Nam đã tăng lên tới 250.000 (và sau này đã tăng lên tới 550.000). Đối với người cộng sản Việt Nam, can thiệp của người Mỹ phải là một cú sốc. Tướng Trần Kinh Chi, người đã cho tôi một tổng quan về cuộc chiến từ góc nhìn của Hà Nội

trước chuyến đi đường mòn Hồ Chí Minh của tôi: "Trong tất cả những năm dài chiến đấu, nếu như từng có một giai đoạn mà chúng tôi nghĩ rằng sẽ không thành công thì đó là năm 1965."

Lính Mỹ có tiếng là bất khả bại; họ chưa từng thua một cuộc chiến, cả ở châu Âu lẫn ở Thái Bình Dương, cả ở Triều Tiên lẫn ở Trung Mỹ. Việt Cộng, cho tới lúc đó chỉ quen thuộc với cuộc chiến trên mặt đất, sợ nhất là đoàn máy bay trực thăng ("kỵ binh bay" của Lục quân Hoa Kỳ), nhưng chẳng bao lâu sau đó cũng sợ cả các máy bay cường kích hiện đại và máy bay ném bom B-52. Thêm nữa, Trung Quốc, cho tới thời điểm đó là nhà cung cấp vũ khí chính của người Bắc Việt, đã hạn chế viện trợ quân sự sau lần đổ bộ của thủy quân lục chiến. Tướng Trần: "Năm 1964, ngay từ lúc người Mỹ bắt đầu ném bom miền Bắc, người Trung Quốc không hề nghĩ tới việc bảo vệ bầu trời của chúng tôi, như đã quy định trong Hiệp ước Tương trợ 1962." Diễn đạt này có thể bị nhuộm màu của các xung đột giữa Trung Quốc và Việt Nam trong những năm vừa qua. Thật sự thì Trung Quốc có đủ lý do để không khiêu khích Hoa Kỳ một cách không cần thiết – giới quân sự Mỹ không che dấu các kế hoạch của họ, ném bom trung tâm thử nghiệm nguyên tử Loop Nor của Trung Quốc.

Liên bang Xô viết, cho tới khi sa thải Khrushchyov trong tháng Mười 1964 thì không hào hứng với những hành động quân sự ở Việt Nam (trong lúc lật đổ lãnh tụ điện Kreml, sự kiêu kỳ này cũng được các đối thủ của ông dùng làm lý lẽ), lợi dụng kẻ hở trong tình đoàn kết cộng sản và bắt đầu tăng cường cung cấp vũ khí cho Việt Nam.

Đầu tiên, Việt Cộng và các đồng chí ở miền Bắc của họ đã phản ứng lại sự can thiệp của người Mỹ bằng cách xây mở rộng đường mòn Hồ Chí Minh trên quy mô lớn. Nhiều phần lớn của quân đội Bắc Việt vội vã hành quân ra "mặt trận" này, và con đường mòn trong rừng được san ra ra thành một con đường rộng. Bắt đầu cái mà người Việt gọi là "giai đoạn cơ giới hóa"; vai người và xe đạp đã làm đủ rồi. Bắt đầu là trên những chiếc xe tải cộc cạch của Liên Xô đã có mặt trong trận đánh Điện Biên Phủ chống người Pháp năm 1954, rồi sau đó là trên những chiếc xe tải Nga và Trung Quốc hiện đại, chiến cụ nặng và nhẹ cũng như đạn dược được chuyên chở về hướng Nam.



*Xe tải trên đường mòn Hồ Chí Minh*



Vo Chinh Vu, một trong những người tháp tùng tôi, thời đó thường xuyên lái xe trên một đoạn đường 300 kilômét ở Lào và Campuchia. Về đêm và không bật đèn. "Rất đơn giản. Người Mỹ chiếu sáng mọi thứ với đạn lửa của họ." Ông không bao giờ biết chính xác ông chở những gì; chúng được bọc không thấm nước. Ông chỉ có thể đoán được loại hàng chuyên chở từ những trạm trung chuyển mà ông phải lái xe tới đó mỗi lần. Tại trạm này, hàng của ông được chuyển sang một chiếc xe tải khác và được tiếp tục chở đi. Ông chạy ngược về, lấy những thùng hàng mới. Ông cần cho tới ba tháng cho 300 kilômét của ông; vì người Mỹ đổ bom mảnh, bom napalm, bom bi và những loại bom khác xuống ông và đồng đội, tổng cộng là bốn triệu tấn. Các đội dọn dẹp, sửa sang lại các con đường sau mỗi lần tấn công, đã tháo kíp nổ cho 57.000 trái bom không nổ, 13.000 bom từ, 80.000 trái mìn.

Chỉ một lần trong thời gian lái xe phục vụ mười năm là Vo bị trúng bom: một quả bom napalm rơi trúng xe tải của ông. Trong vòng nửa giờ, ông đã nằm trong một của nhiều trạm y tế bên cạnh đường. Một tuần sau đó, ông lại ngồi sau tay lái của một chiếc xe tải. Cho tới nay, những vùng da bị cháy trên lưng và cánh tay vẫn gây đau cho ông.

Thỉnh thoảng, chúng tôi đi qua những mô đất nhỏ, được đánh dấu bằng đá hay bằng gỗ - mộ chiến sĩ. Người ta không biết có bao nhiêu người Việt chết ở trên con đường mòn Hồ Chí Minh. Chỉ có ghi chép về tổn thất của địch thủ trong vùng con đường mòn Hồ Chí Minh: 16.933 người và 2450 máy bay đã bị "tiêu diệt".

Trước hết là từ trên không, người Mỹ cố gắng phá rối dòng chảy vũ khí liên tục từ Bắc vào Nam này. Máy bay đặc biệt kiểu AC-130, được trang bị máy nhắm nhìn ban đêm, phá hủy tròn 1500 xe tải và có thời gian gần như đã ngăn chặn được việc tiếp tế. Thế nhưng người Việt đã vội vã xây một con đường khác dài 500 kilômét, được rừng rậm che phủ hoàn toàn và không thể nhìn thấy được từ chiếc AC-130 – con chim kỳ diệu mù mắt vào ban ngày.



*Máy bay AC-130*

Đường mòn Hồ Chí Minh dần dần trở thành một mạng lưới những con đường chính, đường song song và đường ngang, đầy những xưởng sửa chữa và trạm y tế, được liên kết bằng những cây cầu không thể đánh chìm được, được bảo vệ bằng những đơn vị phòng không hiện đại và vũ khí thô sơ.

Người dẫn đường của chúng tôi, ông lão với cái nỏ, thuộc bộ tộc Stieng, một dân tộc Khmer sống ở hai bên biên giới Việt Nam-Campuchia và ủng hộ Mặt trận Giải phóng. Khi cuối cùng rồi chúng tôi tới được làng của ông, ông hãnh diện giới thiệu chúng tôi với trưởng làng, một người đàn ông 101 tuổi, người trong thời chiến đã mang du kích quân qua sông Bé hàng ngày dưới nhiều nguy hiểm. Các con sông, đặc biệt là Sekong và Mekong trên lãnh thổ Campuchia, là những con đường mòn Hồ Chí Minh chảy xiết mà vũ khí được chuyên chở ở trên đó, có người và không có người đi cùng.

Dòng tiếp tế chảy ba năm trời, Mặt trận Giải phóng chuẩn bị ba năm trời cho trận đánh lớn, ba năm trời, lính Mỹ cực nhọc chiếm, mất và tái chiếm một vài đỉnh cao và vùng đất nhỏ – rồi vào ngày 31 tháng Giêng 1968, trận tấn công vào dịp Tết nổi tiếng của Việt Cộng bắt đầu. Du kích quân bò ra khắp nơi từ những căn hầm ở dưới mặt đất của họ; du kích quân thành phố xung phong đánh chiếm công sở và cả đại sứ quán Mỹ ở Sài Gòn nữa; quân chính quy của Mặt trận Giải phóng tấn công 24 căn cứ Mỹ và 33 tỉnh lỵ, chiếm cố đô Huế (trong bảy tuần) và nhiều vùng đất quan trọng. Ngay cả khi lần tấn công này cuối cùng chấm dứt trong một thảm bại quân sự đẫm máu, cuộc nổi dậy của người dân chống chính quyền Sài Gòn đã không xảy ra như được hy vọng và những tờ tiền đã được in sẵn, có giá trị trên toàn Việt Nam, tạm thời phải ở lại trong các két sắt của Hà Nội, thì đó là một thất bại chuẩn bị cho chiến thắng. Công chúng Mỹ, bị sự lạc quan hào hứng của quân đội đánh lừa ba năm trời, đã kinh hoàng vì quy mô của du kích bí mật Việt Nam. Từ đó, với mỗi một người lính trở về quê hương trong chiếc quan tài, phong trào phản chiến lại càng mạnh hơn. Chiến tranh Việt Nam không còn chỉ được tiến hành ở Đông Dương nữa, mà cả trên đường phố của nước Mỹ.



*Một người lính của QLVNCH đang nhắm bắn các vị trí của Việt Cộng ở Chợ Lớn trong cuộc tấn công Tết Mậu Thân. Ảnh: The Vietnam Center and Archive*

Ngày nay, tướng Trần thừa nhận một cách dễ dàng, rằng mãi sau trận tấn công dịp Tết, Việt Cộng mới nhận ra rằng, "không đủ mạnh để đồng thời tấn công ở khắp mọi nơi". Khi rời người Mỹ tạm thời ngưng ném bom miền Bắc và (trong tháng Năm 1968 ở Paris) bắt đầu đàm phán hòa bình với Bắc Việt Nam, Việt Cộng nhìn thấy đã đạt được mục tiêu đầu tiên của họ: "cho người Mỹ thấy rằng họ không thể chiến thắng ở đây được".

Tướng Trần đã thích thú theo dõi vụ kiện cáo kết thúc vào đầu năm nay của cựu tổng tư lệnh Mỹ ở Việt Nam, tướng Westmoreland, chống lại đài truyền hình CBS đã tố cáo ông cố tình làm giảm nhẹ lực lượng của Việt Cộng trong các bản báo cáo tình hình của ông. Phán xét của ông: Về một mặt, có lẽ Westmoreland thật sự đã nói dối – cuối cùng thì ai cũng nói dối người khác trong Chiến tranh Việt Nam: CIA nói dối vị tướng, vị tướng nói dối tổng thống, tổng thống nói dối quốc hội và tất cả các tổng thống đều tự dối mình – mặt khác, tất nhiên là viên tổng tư lệnh không thể ước lượng chính xác được lực lượng của Mặt trận Giải phóng, vì chính bộ tổng chỉ huy ở Hà Nội cũng chỉ biết được các đơn vị chính quy của Mặt trận Giải phóng, nhưng đạo quân của những người lính du kích thì không.

Đối với du kích quân, trận tấn công dịp Tết trong tháng Hai 1968 đồng nghĩa với việc dứt khoát từ bỏ phương án du kích quân của Mao. Chiến lược "đánh và lẩn tránh" ("du kích"), do cố vấn Trung Quốc khuyến khích nhiều năm trời, được thay thế bằng chiến lược "đánh và ở lại đó". Ngày càng có nhiều vùng được "giải phóng" và bảo vệ. Những người theo đường lối Trung Quốc, từ bỏ xung đột quân sự lớn và thích đi tới chiến thắng bằng những mũi kim chích và chờ đợi, mất ảnh hưởng trong Mặt trận Giải phóng.

Giới quân đội Mỹ trả lời trận tấn công dịp Tết với một viên tổng tư lệnh mới (tướng Abrams), với một chiến lược mới và những chiến dịch mà họ cho nó những cái tên mang sự chắc chắn của chiến thắng ("Certain Victory" và "Complete Victory"). Trong chiến dịch "Pinkville", đơn vị "Charly" của Lữ đoàn Bộ binh 11 đáp xuống Tỉnh Khe vào ngày 16 tháng Ba 1968. Trên tấm bản đồ hành quân, ngôi làng đó có tên là "Mỹ Lai 4".

"Tôi thức dậy rất sớm, vào buổi sáng ngày hôm đó", người phụ nữ trẻ tuổi ngồi trước mặt tôi thuật lại. Cô có tên là Phan Thi Trinh, mười tuổi vào lúc đó. "Tôi nghe tiếng trực thăng ở xa. Chúng tôi nhanh chóng bò xuống hầm." Tấn công từ những đoàn máy bay trực thăng không phải là điều gì đặc biệt. Mỹ Lai thuộc vùng của Việt Cộng, là "vùng giải phóng" (hay một "vùng bị chiếm đóng" trong cách nói của quân đội Mỹ). Đạn pháo nổ và súng máy kêu vang một giờ liền. Rồi im lặng.

"Tôi nghĩ tất cả đã qua rồi và bò ra ngoài. Nhưng có ba người lính đứng trước tôi ở đó, cả một người da đen. Họ la hét tôi, nhưng tôi không hiểu gì cả. Họ dùng súng đánh và đẩy chúng tôi tới chỗ những người lảng giềng của chúng tôi và bắn vào chúng tôi. Mẹ tôi ngã xuống. Tôi bị bắn trúng vào cánh tay. Tôi chạy ra phía sau vào một gian phòng, ở đó đã có di tôi và đưa con sơ sinh của di nằm. Chúng tôi rất sợ vì em khóc rất to. Họ bắn từ ngoài vào gian phòng. Đứa bé ngưng, nhưng rồi lại bắt đầu khóc, và những người lính quay trở lại. Chúng tôi nghe được tiếng giày ủng của họ. Tôi nằm dưới di tôi. Di bị nhiều viên đạn bắn trúng, tôi chỉ bị có ba; di nói thì thào: yên, yên nào. Lúc đó tôi thiếp ngủ đi." 504 phụ nữ và trẻ em đã chết vào buổi sáng ngày hôm đó, năm trẻ em sống sót.



Vào lúc đầu, Phan Thi Trinh đã tường thuật lại một cách lãnh đạm kỳ lạ, khi cô dẫn chúng tôi đi qua các ngọn đồi đã từng là ngôi làng quê hương của cô, chỉ vào một con mương, nơi người ta đã bắn chết lảng giềng của cô vào thời đó. Trong nhà tưởng niệm, với thói quen của một người trông coi viện bảo tàng, cô đã giải thích các tấm bản đồ và kế hoạch chuẩn bị vụ thâm sát của người Mỹ, ánh mắt lúc nào cũng thẳng về phía trước. Nhưng rồi đôi môi của cô bắt đầu run run; thời gian ngưng giữa những câu nói mỗi lúc một dài ra, như thể cô phải cố gắng để nhớ lại, và bây giờ thì tay cô run tới mức trong lúc uống đã làm sánh một ít trà ra khỏi chiếc tách lên chiếc áo trắng của cô. Cô phải gắng tự chủ mình nhiều hơn nữa, cô xin lỗi. Người nữ phiên dịch bắt đầu khóc thật nhỏ. Tiếng nhạc rock Mỹ vang rề rề ở ngoài kia.



P-33 Unidentified Bodies Near Burning House (Haeberle Color #14A)

Cô không căm thù người Mỹ, Phan Thi Trinh nói; trong những tuần vừa rồi, cô đã ngồi đối diện với nhiều nhà báo Mỹ. Một người trong số họ, phóng viên của một tạp chí nổi tiếng ở New York, trong sự bất lực của mình đã viết vào quyển sổ lưu niệm lời yêu cầu, rằng tất cả các tội phạm chiến tranh cần phải được ghi nhận lại chính xác như vụ Thảm sát Mỹ Lai.

Người dân của làng kế cận, sống sót qua được chiến dịch "Pinkville", bị lính Mỹ mang vào một trong những ấp chiến lược cách đó mười lăm kilômét, nơi được người Nam Việt bảo vệ chống lại Việt Cộng. Trong cuộc chiến tranh này, người ta không những giành giật ác liệt từ mét một mà cả từng người dân một nữa.

Đồng bằng sông Cửu Long được xem là "đã được bình định"; giới quân đội Mỹ và những người giúp phát triển thích phô trương nó ra như là vùng đất gương mẫu cho sự thành công của chiến dịch "bình định" của họ. Du kích quân ở đây, sâu trong miền Nam, bị cắt đứt khỏi con đường mòn Hồ Chí Minh và không có vũ khí hiện đại. Những chiếc thuyền nhanh đi tuần

tra trên sông Mekong của người Mỹ và Nam Việt là mục đích chính của những cuộc tấn công của họ. Chu Hung, thời đó là thành viên của một đơn vị du kích trong tỉnh Cửu Long, thuật lại: "Chúng tôi chỉ có bazooka nhỏ, B 40, để đánh chìm tàu. Loại này có tầm xa năm mươi mét; vì vậy mà chúng tôi kết những cái bè trông giống như bụi rậm đang nổi trên mặt nước, để tiến tới gần." Từ trên đất liền, du kích quân dùng những giàn phóng thật to bằng thân tre và dây cao su để quăng lựu đạn tự chế lên các chiếc thuyền tuần tra. Để đối phó với những nhóm trinh sát của lính Mỹ, họ cố dùng tên tẩm thuốc độc hay bom, những quả cầu bằng gỗ có móc sắt rơi từ trên cây xuống.

"Rồi chúng tôi bắt đầu mua vũ khí thật sự từ lính của Thiệu", Chu kể, "đó là những người lính quân dịch, họ muốn được yên và muốn có tiền cho gái. Ngoài ra thì họ căm ghét người Mỹ, vì chính họ không còn có tiếng nói nữa, ở những cô gái cũng không." Bằng cách này, cả nhiều xe tải súng máy Mỹ, súng chống tăng và lựu đạn rơi vào tay Việt Cộng. "Tiếp tế cho quân đội Thiệu (tướng Thiệu là tổng thống cuối cùng của Nam Việt Nam ) cũng là tiếp tế của chúng tôi."



*Thuyền của Hải quân Mỹ đi tuần tra ở đồng bằng sông Cửu Long*

Du kích quân lấy tiền mua vũ khí từ những người chủ tiệm trong các thành phố: Việt Cộng thu thuế ngay cả trong các thành phố do Sài Gòn kiểm soát, giống như thuế chiến tranh hay tiền bảo kê. Quân số của các đơn vị du kích vũ trang trong vùng quanh tỉnh lỵ Vĩnh Long được Chu đưa ra với con số 900. 15.000 lính Mỹ và lính Nam Việt Nam đứng đối diện với họ.

Với những chiến dịch thanh trừng thường xuyên trong làng mạc và rừng rậm, lực lượng hùng hậu này cố gắng truy tìm du kích quân. Với ít thành công. Tại sao? Chu sang một hòn đảo ở

giữa sông Mekong với chúng tôi. Nó có tên là An Benh và nằm ở phía Bắc của Vĩnh Long. Ông muốn chỉ cho chúng tôi xem một "địa chỉ đỏ", một nơi dấu vũ khí và du kích quân. Chúng tôi gặp một ông lão bảy mươi tuổi, mời chúng tôi ăn đu đủ, hái xoài từ vườn của ông, mang ra nước dừa, nhưng không biểu lộ nhiều sự thích thú cho việc thuật lại quá khứ cách mạng của ông. Giữa những miếng khóm nhỏ và chuối lớn, ông tình cờ nói rằng cha mẹ ông đã từng dấu người Việt Minh trốn người Pháp. Khi cha mẹ ông chết, ông đã kín đáo chôn cất họ ngay cạnh nhà và ngôi mộ được xây thành nơi ẩn nấp cho du kích quân. Ông đứng dậy, dẫn chúng tôi đến một ngôi mộ đá cao, đẩy tấm che nặng nề sang một bên và để cho chúng tôi nhìn vào có đủ chỗ cho ba người. Ông dấu các du kích quân khác trên trong mái có đáy đôi của nhà ông; ông cất vũ khí dưới tán những cây chuối trong vườn.

Mỗi lần, những người du kích chỉ ở lại chỗ ông lão trong một thời gian ngắn; sau chiến dịch vũ trang của họ, họ lại kéo sang những vùng khác, tới những "địa chỉ đỏ" khác hay vào những vùng do Việt Cộng quản lý. Ông lão có khách mới. Ở trong tỉnh Cửu Long có hai trăm nơi ẩn nấp như thế này, trong Sài Gòn trên bảy trăm, trong tất cả các vùng do quân đội chính phủ và người Mỹ kiểm soát khoảng sáu ngàn. Tuy vậy, Chu sống hoàn toàn bình thường tại Vĩnh Long, với giấy tờ giả – do người đứng đầu văn phòng giấy tờ địa phương cấp, một Việt Cộng nằm vùng.

Ở thành phố Trà Vinh láng giềng, "bộ đội", các "chiến binh từ trong rừng", như người Việt Nam gọi họ, có nơi ẩn nấp trong một ngôi chùa, tại nhà sư Son Sa Ra. Ông đã tham gia Mặt trận Giải phóng khi chiến quyền Thiệu tăng cường đàn áp người Phật giáo. "Họ không còn để cho chúng tôi yên, họ bắt nhà sư và phá chùa", Son Sa Ra thuật lại, "thế là tôi đã tìm tới một người dẫn tôi tới gặp quân du kích." Nhà sư được gửi vào một "vùng giải phóng" vài tháng, để học tập. "Họ dạy cho tôi cần phải vận động trong số các nhà sư ra sao để không gây sự chú ý." Một vài người đã cởi bỏ chiếc áo cà sa và cầm lấy khẩu súng, nhưng Son Sa Ra lại trở thành liên lạc viên giữa những người chiến đấu trong bí mật và những người có thiện cảm trong công chúng.

"Cầm vũ khí không có nghĩ là giết người mà là tự vệ", Son Sa ra nói khi ông nhìn thấy gương mặt trầm ngâm của tôi. Năm 1970 ông đã giết người. Khi một lực lượng của quân đội Thiệu muốn bắt vài nhà sư trong làng Choc San đi lính, ông đã cùng với những người đồng tín ngưỡng đánh chết hai người lính.

Sau câu chuyện này, một người Việt già, gầy gò kéo tôi sang một bên, một trong những người tháp tùng của chúng tôi trong tỉnh này. Cho tới lúc đó, tôi đã nhìn ông ấy như là một người của an ninh, lúc nào cũng phải có tại một chuyến đi xuyên qua Việt Nam. Bằng tiếng Pháp trôi chảy, ông bắt đầu kể lại rằng ông đã là bộ đội từ năm 1954, trong cuộc chiến chống người Pháp, rằng năm 1954 ông cũng như tất cả các du kích Việt Minh khác phải đi ra miền Bắc, vì Hiệp định Genève quy định như vậy, và vợ ông đã ở lại đây. "Chúng tôi nghĩ rằng trong một hai năm tới Việt Nam sẽ thống nhất, và rồi tôi sẽ trở về."

Từ hai năm trở thành 21. Viết thư trực tiếp cho vợ ông từ Hà Nội là điều ông không thể làm, điều đó quá nguy hiểm cho bà, chỉ có thể qua người họ hàng ở Paris. Sau này, ông rời Bắc Việt Nam và trở thành nhân viên ngoại giao của Việt Cộng ở Algeria. Mãi khi cuộc chiến chấm dứt năm 1975 và ông quay trở về, vợ ông mới thuật lại cho ông rằng cả hai người con

trai đã phục vụ cho phía bên kia, trong không quân của quân đội Thiệu. Ông lo liệu để cho họ không phải đi vào một trại cải tạo như các sĩ quan khác; ông nhận trách nhiệm "tự thuyết phục họ". Rồi sau nửa năm, ông phải đích thân mình gọi một người con trai vào một trại: người này nghiện ma túy.



Vợ ông qua đời không lâu sau ngày thống nhất; bốn anh chị em của ông đã hy sinh trong chiến tranh; hai người em gái cuối cùng mới đây đã làm đơn xin định cư ở nước ngoài. "Họ đã quá quen với lối sống Mỹ", ông nói xin lỗi. Bản thân ông đã ở Cộng hòa Dân chủ Đức vài tháng trước đó, để điều trị loét bao tử.

Các cựu chiến binh Việt Cộng, những con người chiến đấu tuyệt vời của thời trước, bây giờ là những ông lão kiệt sức trong tuổi 40, 50 hay 60, một thể hệ kiệt quệ, đau ốm. Hầu như không người nào mà không bị sốt rét, xơ gan hay loét bao tử. Mùi hay thậm chí hai mươi năm sống trong rừng, trong sự sợ hãi và dưới những cái hang trong lòng đất đã hủy hoại sức khỏe của họ. Ba người nói chuyện với tôi trong chuyến đi này đã

yêu cầu được phép trao đổi ngắn, vì họ lại lên cơn sốt; những người khác, đã dự định, nói chung là không trao đổi được, vì họ nằm trong bệnh viện.

Không chỉ các chiến binh, cả con cái của họ cũng là nạn nhân của chiến tranh. Cái nặng nề nhất mà tôi nhìn thấy là một gian phòng bệnh nhân lớn, đầy những người phụ nữ trẻ tuổi, đau khổ. Với niềm hy vọng đang mang thai, họ đã được gọi tới đây; bây giờ họ phải đối phó với niềm tuyệt vọng, mắc ung thư tử cung. Từ cái trứng được thụ tinh, không có đứa bé nào phát triển mà là một khối u – hậu quả muộn của việc phun lên rừng chất độc làm rụng lá chứa dioxine, "Agent Orange".

Cho tới 1971, những chiếc máy bay đặc biệt kiểu C-123 đã phun lên tròn 40 phần trăm diện tích rừng Việt Nam, để lấy đi cái mái nhà che chở cho Việt Cộng.

Về giai đoạn cuối của cuộc Chiến tranh Việt Nam, từ các thành viên quân đội trao đổi với tôi, tôi biết được nhiều chi tiết mà cho tới chừng đó còn chưa có trong các diễn tả của Phương Tây. Ví dụ như câu chuyện về những chiếc tên lửa SAM-2. Trong tháng Ba 1972, Mặt trận Giải phóng đã khởi động một chiến dịch với mục tiêu gây áp lực lên nước Mỹ tại những cuộc đàm phán kéo dài ở Paris. Tổng thống Nixon, người từ 1969 đã từng bước giảm bớt con số các sư đoàn Mỹ và dựa vào một "Việt Nam hóa" của cuộc chiến, trả lời bằng một chiến dịch ném bom Bắc Việt nam, cái đạt tới đỉnh cao của nó vào Giáng Sinh 1972.

Lúc đó, Hà Nội sử dụng – theo như giới quân đội nói – loại vũ khí quyết định chiến tranh: phiên bản mới của tên lửa SAM-2 của Nga. Cho tới lúc đó, lực lượng phòng không không thể vươn tới được những chiếc máy bay B-52 ném bom của chúng từ ở một độ cao lớn. Bây giờ thì kỹ sư người Việt đã phát triển SAM-2 cho tới mức chúng có thể bắn trúng máy bay ở độ cao cho tới 12.000 mét. Ngay từ giữa 1970, tên lửa mới đã có thể được sử dụng, thế nhưng giới quân đội bắc Việt muốn để dành nó cho giai đoạn cuối. Bất ngờ là hoàn toàn: phân nửa số B-52 được sử dụng trên bầu trời Việt Nam bị bắn hạ. Kể từ lúc đó, người ta nói về một "Điện Biên Phủ trên không". Không chỉ người Mỹ là bị sốc, cả người Xô viết cũng ngạc nhiên, như các sĩ quan mỉm cười kể cho tôi nghe: người Việt đã hoàn hảo hóa tên lửa mà không cho Moscow hay biết.

Ngay sau đó, vào ngày 27 tháng Giêng 1973, hiệp định ngừng bắn Paris được ký kết. Và ngay ngày hôm sau đó, bộ tổng chỉ huy ở Hà Nội đã bắt đầu các kế hoạch tấn công vào Sài Gòn. Tướng bốn sao Nguyen Ngoc Bang, lúc đó ở trong Bộ Tổng Tham mưu, nói: "Chúng tôi không muốn lặp lại sai lầm năm 1954, khi chúng tôi giữ đúng Hiệp định Genève, rút người về miền Bắc và tin tưởng rằng phía bên kia cũng giữ đúng hiệp định". Quân đội Thiệu cũng đã dùng những tuần đầu tiên sau Hiệp định Paris để mở rộng lãnh thổ trong những trận đánh lớn.



*Ký kết Hiệp định Paris 1973*

Cuối tháng Tư 1973, những lực lượng cuối cùng của quân đội Mỹ rời Nam Việt Nam. Cho tới đầu 1975, đường mòn Hồ Chí Minh, bây giờ không còn bị ném bom ngăn chận nữa, được người Bắc Việt và Việt Cộng xây mở rộng thành một hệ thống gồm năm con đường ô tô song song với một chiều dài là 5500 kilômét. Cùng với những con đường phụ và những đoạn thay thế, mạng lưới bây giờ có một chiều dài tổng cộng là 16.000 kilômét. Ngoài ra, Bộ Tổng

Tham mưu ở Hà Nội còn thiết lập một đường dây điện thoại xuyên qua Campuchia cho tới các chiến trường cực nam và kéo dài đường ống dẫn xăng cho tới Lộc Ninh.

Vào ngày 8 tháng Giêng 1975, Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam quyết định "giải phóng" hoàn toàn miền Nam và Sài Gòn khỏi chính quyền Thiệu. Theo tướng bốn sao Bang, tương quan lực lượng quân sự lúc đó được đánh giá như sau: Mặt trận Giải phóng có 418.000 người lính trong lực lượng chính quy, thêm vào đó là 60.000 người dân quân địa phương và 15.000 du kích quân trong thành phố. Cần phải lưu ý rằng sau những tổn thất đẫm máu của đợt tấn công Tết Mậu Thân, lực lượng Việt Cộng đã được bổ sung cho tới hai phần ba bằng lính của quân đội Bắc Việt. CIA thời đó đưa ra con số 300.000 cho các đạo quân cộng sản. Quân đội tướng Thiệu bao gồm 690.000 chiến binh và 1,5 triệu cảnh sát và nhân dân tự vệ. Cho tới lúc đó, Bắc Việt đã mang vào miền Nam 500 xe tăng, 500 đơn vị phòng không và pháo binh và 350 máy bay. Thiệu có trên 2100 xe tăng, 1500 đơn vị phòng không và pháo binh và 1800 máy bay.

Tình hình chính trị thế giới được Hà Nội đánh giá là thuận lợi: nước Mỹ vẫn còn bận bịu với xi căng đan Watergate và Cận Đông, Trung Quốc với "bè lũ bốn tên". Trận tấn công vào tỉnh lỵ Phước Bình trở thành một cuộc thử nghiệm: quân đội Mỹ có mặc nhận lần tảo tợn phá vỡ hiệp định ngưng bắn này không, hay là can thiệp một lần nữa với quân đội của họ? "Khi không có điều gì xảy ra thì đó chính là dấu hiệu cho chúng tôi: chúng tôi tự do đi tới", tướng bốn sao Bang nói. Tuy vậy, sau mỗi một bước tiến lên người ta đều kiểm soát: hạm đội Bảy của Mỹ di chuyển theo hướng nào, tướng Mỹ nào đáp xuống Sài Gòn?

Sau mười lăm ngày tấn công, người ta đã dự định chiếm Sài Gòn vào cuối 1975. Cuộc tiến quân diễn ra nhanh hơn là trên kế hoạch. Vào ngày 28 tháng Hai, lần đầu tiên từ 1961 có một phái đoàn quân sự xuất hiện ở Hà Nội. Trung Quốc, một bên cùng ký Hiệp định Ngưng bắn Paris, tỏ vẻ lo lắng về đợt tấn công và khuyên nên hãy kìm chế. "Chúng tôi không cho người Trung Quốc biết rằng chúng tôi muốn chiếm vùng Tây Nguyên hai tuần sau đó và rồi quyết tiến hành cuộc tấn công quyết định vào Sài Gòn", tướng bốn sao Bang giải thích.

Vài ngày sau đó, Phó Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Liên xô tới thăm Hà Nội. Cả Liên bang Xô viết cũng lo ngại người Mỹ có thể khởi động một cuộc đánh trả quy mô lớn, khi có thể nhìn thấy quân đội Sài Gòn được trang bị bằng vũ khí Mỹ có thể sụp đổ. Người Xô viết thích một giải pháp chính trị hơn, tức là "hội đồng hòa giải quốc gia" đã được dự định trong Hiệp định Paris, một chính phủ lâm thời từ những người theo Thiệu, Việt Cộng và "lực lượng thứ ba" trung lập, vì vậy mà họ đã giảm cung cấp vũ khí và đạn dược từ đầu năm 1973.

"Chúng tôi là những người nghèo, chúng tôi đã quen việc để dành lại một ít trong thời gian tốt đẹp", một thành viên cao cấp của quân đội trả lời cho câu hỏi của tôi, làm sao mà người ta có thể chuyển sang tấn công dưới những hoàn cảnh như vậy. Thêm vào đó thì vũ khí được bán đi càng nhiều hơn từ quân đội Thiệu, khi chiến bại nhích tới càng gần hơn.

Vào ngày 11 tháng Ba, Việt Cộng tràn ngập thành phố Buôn Mê Thuột và đẩy lùi quân đội Thiệu ra khỏi toàn Tây Nguyên. Cả ở Huế và Đà Nẵng họ cũng đột phá thành công; quân đội chính phủ Nam Việt Nam hoảng loạn bỏ chạy. Bộ Tổng Tham mưu ở Hà Nội bây giờ để cho

toàn bộ quân đội Bắc Việt hành quân qua biên giới để ngỏ ở vĩ tuyến 17. Trên con đường mòn Hồ Chí Minh, bây giờ là một con đường cao tốc, họ lăn tới chiến thắng cuối cùng.

Phan Ba dịch từ báo "die Zeit", số ra ngày 21/6/1985:

<http://www.zeit.de/1985/26/ho-ho-ho-tschi-minh/komplettansicht>

